

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Mã số: 7540106

Tên cơ sở đào tạo: ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo	
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Kỹ thuật điện tử - Viễn thông; Du lịch; Toán kinh tế	
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	
6	Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực - Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực - Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động	
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo - Kết luận của Hội đồng thẩm định	

TỜ TRÌNH MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Mã số: **7540106**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Chính phủ Việt Nam đã ban hành các văn bản về an toàn sinh học, trong đó vấn đề an toàn thực phẩm rất được quan tâm phát triển nhằm ngăn chặn tình trạng mất an toàn hiện nay. Tháng 10 năm 2004, Việt Nam ban hành về chương trình hành động thực hiện "an toàn sinh học" theo hiệp ước "Cartagena". Trong đó nhấn mạnh thực hiện trên cơ sở pháp lý về an toàn sinh học, các hoạt động được đề cập là vấn đề quản lý, kiểm soát an toàn sinh học đối với các lĩnh vực như: sức khỏe, môi trường, thực phẩm, công nghệ gen... Chính phủ Việt Nam thông qua các Bộ (như Bộ KH-CN, Bộ Tài Nguyên Môi Trường, Bộ Y Tế...) phát triển nhiều chương trình nghiên cứu, đánh giá và chuyển giao về an toàn sinh học trong đó có an toàn thực phẩm, hướng tới việc sử dụng sản phẩm an toàn, sạch và nâng cao sức khỏe. Nhu cầu về đào tạo một nguồn nhân lực am hiểu về công tác sản xuất thực phẩm, quản lý và kiểm soát các hoạt động chế biến, kinh doanh, sử dụng thực phẩm một cách an toàn cho xã hội là cần thiết và cấp bách.

Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục thuộc Bộ GD-ĐT cho biết, cho đến năm 2020, Việt Nam cần ít nhất là 30.000 lao động chuyên sâu trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm. Tỉnh Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao nhất cả nước; riêng trên địa bàn tỉnh hiện có 28 khu công nghiệp với 1.280 dự án đầu tư vào các khu công nghiệp tạo việc làm cho hơn 200.000 công nhân lao động (và dự kiến sau năm 2020 có khoảng 40 khu công nghiệp). Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ cho các công tác chuyên

môn có liên quan đến công nghệ thực phẩm, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trong các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước,... là rất lớn.

Kết quả khảo sát về nhu cầu thực tế nguồn nhân lực của ngành này đối với hơn 70 doanh nghiệp sản xuất - chế biến, kinh doanh thực phẩm lớn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, trong đó có các công ty lớn như Vinamilk, Bia Sài Gòn, Dầu ăn Golden Hope, Đường Bourbon Tây Ninh, Nestle, Delta... cho thấy đại đa số doanh nghiệp (89,8%) đều có nhu cầu tuyển dụng nhân sự ở các vị trí QC (Kiểm soát chất lượng), QA (Đảm bảo chất lượng) ngay trước mắt cũng như lâu dài. Chính vì vậy khi sinh viên ra trường sẽ có cơ hội lớn để tìm việc làm phù hợp tại các doanh nghiệp thực phẩm.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định đẳng cấp đào tạo chuyên sâu của mình trong lĩnh vực chế biến và kiểm định nông sản thực phẩm bằng cách xây dựng đề án xin mở ngành đào tạo: Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm.

Trong lĩnh vực đào tạo, ngành Công nghệ thực phẩm nói chung và Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm nói riêng là nhóm ngành đang được đào tạo phổ biến tại các tỉnh thành trong khu vực Nam bộ như Đại học Bách khoa Tp HCM, Đại học Nông Lâm Tp HCM, Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM, Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH), Đại học Quốc tế (Đại học Quốc gia TP.HCM), Đại học Công nghệ Sài Gòn... Vì vậy, chương trình đào tạo của trường Đại học Thủ Dầu Một được xây dựng mới có kế thừa các chương trình đào tạo đang vận hành tại trường bạn, đồng thời cập nhật các chương trình đào tạo ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm tiên bộ ở các trường nước ngoài như Đại học Triều Dương (Đài Loan), Đại học WORCESTER (Úc). Chương trình đào tạo của ngành chú trọng đào tạo cho sinh viên các kiến thức chuyên ngành cần có để áp dụng trong công việc kiểm tra chất lượng thực phẩm (kiểm tra chất lượng thịt, sữa, bia, bánh kẹo,...; phân tích độc tố, phân tích vi sinh thực phẩm...) và đảm bảo chất lượng thực phẩm (quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm, quản lý an toàn thực phẩm sản phẩm nông nghiệp - GAP/GAQP, phân tích môi nguy và xác định điểm kiểm soát tới hạn - HACCP...); đào tạo những kỹ năng thao tác chuẩn theo mô hình của

các doanh nghiệp, cơ sở thực tiễn; và rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập, làm việc nghiêm túc, năng động, sáng tạo theo quy định của luật pháp.

Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 6 năm 2009. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực. Đại học Thủ Dầu Một vinh dự là thành viên của tổ chức CDIO thế giới (từ năm 2015), là thành viên liên kết của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á – AUN (từ năm 2017). Tháng 11/2017, Trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia. Qua 10 năm hình thành và phát triển, Trường đã định hình là một cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực; phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý “Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo”, trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương. Hiện tại, trường Đại học Thủ Dầu Một có 20 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm mỗi năm.

Với thế mạnh là ngành đào tạo mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tiềm năng cung cấp nguồn nhân lực hằng năm cho các khu công nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thực phẩm, ngành đào tạo Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm bậc Đại học chính quy tại Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương sẽ là một trong các lựa chọn hàng đầu của nhiều người khi xác định định hướng nghề nghiệp cho mình trong tương lai, đóng góp vào chủ trương chiến lược chung của Nhà nước và phục vụ đào tạo nguồn nhân lực cho Bình Dương, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đông Nam Bộ.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất như trang thiết bị thí nghiệm – thực hành, thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đứng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực thực phẩm. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình, chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ
AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo ngành ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM, trình độ đại học của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Căn cứ quyết định 209/QĐ-ĐHTDM ngày 4/2/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo.

Lãnh đạo Khoa Công nghệ thực phẩm đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và Nhóm chủ trì soạn thảo thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Khoa tiến hành xây dựng đề án theo các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT. Cụ thể:

1. Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành lân cận.
2. Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đồng thời so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.
3. Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.
4. Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm, trình độ đại học theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

Kính trình Lãnh đạo Trường hoàn tất hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đăng ký mở ngành đào tạo.

LÃNH ĐẠO KHOA

(đã ký)

TS. Võ Viết Trí

TRƯỞNG NHÓM

(đã ký)

TS. Lê Nguyễn Uyên Chi

Bình Dương, ngày tháng năm

BIÊN BẢN

HỢP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học
Ngành đào tạo: Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm
Mã ngành: 7540106

I. Thời gian và địa điểm

Thời gian: giờ ngày tháng năm

Địa điểm: Phòng khách – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

Hội đồng Khoa học và đào tạo theo Quyết định số /QĐ - ĐHTDM ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

2) Thông qua nội dung và ý kiến

TS. Lê Nguyễn Uyên Chi – Khoa Công nghệ thực phẩm, báo cáo Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng mẫu, nội dung và kết cấu chương trình đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập đúng quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT, phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo tính vừa sức cho người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

Góp ý khác:

- Bổ sung một số môn học mang tính hiện đại, theo hướng tích hợp.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

ThS. LÊ THỊ KIM ÚT

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở ngành mới

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
NHIỆM KỲ 1, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030 và Tờ trình số 31/TTr-ĐHTDM, ngày 16/12/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc mở ngành mới;

Căn cứ kết quả thảo luận, thống nhất của thành viên Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một tại cuộc họp ngày 14/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở 10 ngành đào tạo trình độ Đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nhóm ngành
1.	Âm nhạc	7140221D	II
2.	Mỹ thuật	7140222D	II
3.	Công nghệ thông tin	7480201	V
4.	Công nghệ thực phẩm	7540101	V
5.	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	V
6.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	V

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nhóm ngành
7.	Quản lý đô thị	7580105D	V
8.	Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	7480201D	V
9.	Du lịch	7810101	VII
10.	Toán kinh tế	7310108	.VII

Thời gian thực hiện: năm 2020.

Điều 2. Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở ngành theo quy định.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO¹

Tên chương trình:	ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Mã ngành:	7540106
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Khóa:	2020 – 2024

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chương trình

PO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên ngành về phân tích, kiểm định chất lượng thực phẩm để thực hiện thành thạo công việc của một chuyên gia đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

PO2. Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp, tích cực đóng góp vào sự phát triển của tổ chức.

PO3. Theo đuổi học tập suốt đời để nâng cao năng lực nghề nghiệp và phát triển bản thân, tham gia vào các cộng đồng nghề nghiệp, trao đổi kinh nghiệm và đóng góp các sáng kiến cho ngành.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra từng Chương trình	
			Thứ tự	Nội dung
Elo1	Kiến thức	- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	Elo1	Ứng dụng những kiến thức khoa học cơ bản, chuyên ngành và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại để giải quyết các vấn đề đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.
			Elo2	Thực hiện được các kỹ thuật, phương pháp

¹ Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

		- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. - Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.		phân tích sinh học, hóa học, dược học để đánh giá chất lượng của sản phẩm thực phẩm, quản lý an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng thực phẩm
			Elo3	Thiết kế và triển khai được quy trình kiểm định chất lượng thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế và theo nhu cầu xã hội.
Elo2	Kỹ năng	- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. - Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. - Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	Elo4	Tổ chức và tham gia nhóm làm việc một cách hiệu quả.
			Elo5	Sử dụng các phương tiện giao tiếp (nói, viết, đồ họa, báo cáo, thuyết trình) một cách hiệu quả trong công việc.
			Elo6	Phát triển các tư duy phản biện, giải quyết vấn đề trong công việc.
			Elo7	Sử dụng thành thạo các thiết bị hiện đại trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Elo3	Mức tự chủ và trách nhiệm	- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. - Tự định hướng , đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập kế hoạch , điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	Elo8	Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội.
			Elo9	Đam mê học tập suốt đời, luôn hướng đến sự sáng tạo và khởi nghiệp.

1.3. Cơ hội việc làm:

Học viên tốt nghiệp ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm có thể làm việc tại các vị trí như sau:

Chuyên viên thanh tra, đánh giá, cấp phép cho các công ty sản xuất và kinh doanh thực phẩm trực thuộc sự quản lý của sở Công thương, sở NN&PTNT và sở Y tế.

Chuyên gia đào tạo và tư vấn xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm, tư vấn công bố chất lượng sản phẩm ở các công ty tư vấn đào tạo hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm.

Chuyên viên kiểm định chất lượng thực phẩm ở các trung tâm phân tích, trung tâm kiểm định, phòng vệ sinh an toàn thực phẩm ở các tỉnh, thành phố hay các cơ sở ở địa phương.

Chuyên viên đảm bảo chất lượng (QA), kiểm soát chất lượng (QC), nghiên cứu và phát triển (R&D), kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) ở các cơ sở sản xuất thực phẩm hoặc sản phẩm khác, các công ty cung cấp suất ăn công nghiệp, hệ thống nhà hàng, resort, hệ thống siêu thị.

Nhân viên của các nhà phân phối thiết bị, dụng cụ cho các cơ sở sản xuất hay các phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu viên, giảng viên trong tại các trường Đại học và Cao đẳng.

1.4.Trình độ Ngoại ngữ, Tin học: Theo quy định về Chuẩn đầu ra của trường

1.5. Bằng cấp: Cử nhân

2. Thời gian đào tạo: 12 học kì

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 133 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường Đại học Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

6. Thang điểm

Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

7. Nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				Kiến thức cơ sở liên ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập, thực tế và làm khóa luận/báo cáo tốt nghiệp
Đại học	12 học kỳ	120	18	34	60	8
			GIẢI ĐOẠN 1		GIẢI ĐOẠN 2	

GIẢI ĐOẠN I (5 HK)

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC, Tự chọn: 0 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Triết học Mác – Lênin	3	0	45	90	135	x		Không		2.2	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	30	60	90	x		Không		2.3	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	x		Không		3.2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	x		Không		4.1	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	x		Không		4.2	

6	Tư duy biện luận ứng dụng	2	0	30	60	90	x		Không		2.1	
7	Nghiên cứu khoa học	3	0	45	90	135	x		Không		1.2	
8	Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ	2	0	30	60	90	x		Không		3.1	
Tổng		18	0									
TỔNG												

7.2. Kiến thức cơ sở liên ngành: 34 TC (Bắt buộc: 34 TC, Tự chọn: 0 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x		Không		1.1	1, 5
2	Hóa đại cương + hóa lý + vô cơ (3+0)	3	0	45	90	135	x				1.1	1, 5
3	An toàn phòng thí nghiệm (2+0)	2	0	30	60	90	x				1.1	1, 5
4	Sinh học đại cương (2+0)	2	0	30	60	90	x				1.1	1, 5

5	Thực hành hóa đại cương + hóa lý + vô cơ (0+3)	0	3	45	90	135	x				1.2	1, 2, 4
6	Hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh (3+0)	3	0	45	90	135	x				1.2	1, 5
7	Thực hành hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh (0+3)	0	3	45	90	135	x				1.3	1, 2, 4
8	Công nghệ sơ chế thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.1	1, 5
9	Vi sinh vật (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.1	1, 4, 5
10	Thực hành vi sinh vật	0	2	30	60	90	x				2.1	1, 2, 4
11	Công nghệ chiết xuất (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.1	1, 5
12	An toàn thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.1	1, 4, 5
13	Thực hành công nghệ chiết xuất (0+2)	0	2	30	60	90	x				2.2	1, 2, 4
14	Dinh dưỡng thực	2	0	30	60	90	x				2.2	1, 5

	phẩm (2+0)											
15	Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.2	1, 5
TỔNG		24	10									

GIAI ĐOẠN II (7 HK)

7.3 Kiến thức chuyên ngành: 60 TC (Bắt buộc: 52 C; Tự chọn: 8 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Hóa sinh thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x		Không		2.3	
2	Thực hành hóa sinh thực phẩm (0+1)	0	1	30	60	90	x				3.1	
3	Vi sinh vật thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.3	
4	Thực hành vi sinh thực phẩm (0+1)	0	1	30	60	90	x				3.1	
5	Thiết kế thí nghiệm và phương pháp xử	2	0	30	60	90	x				2.3	

	lý số liệu (2+0)											
6	Kỹ thuật lấy mẫu và xử lý mẫu (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.1	
7	Đánh giá cảm quan thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.2	
8	Phụ gia thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				2.3	
9	Độc tố thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.1	
10	Phân tích thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.1	
11	Thực hành phân tích thực phẩm (0+2)	0	2	60	120	180	x				3.3	
12	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng thịt, thủy hải sản (2+0)	2	0	30	60	90	x				4.1	
13	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng lương	2	0	30	60	90	x				3.2	

	thực (2+0)											
14	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sữa và sản phẩm từ sữa (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.2	
15	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng bánh kẹo (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.3	
16	Thực tập doanh nghiệp 1 (0+2)	0	2	60	120	180	x				2.3	
17	Thực tập doanh nghiệp 2 (0+2)	0	2	60	120	180	x				3.3	
18	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sản phẩm rượu, bia, nước giải khát (2+0)	2	0	30	60	90	x				3.2	
19	Thực hành chế biến và kiểm soát chất lượng rượu, bia, nước giải	0	2	60	120	180	x				3.3	

	khát (0+2)											
20	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng rau quả (2+0)	2	0	30	60	90	x				4.1	
21	Thực hành chế biến và kiểm soát chất lượng rau quả (0+2)	0	2	60	120	180	x				4.2	
22	Thực phẩm chức năng (2+0)	2	0	30	60	90	x				4.2	
23	Chuyên đề seminar 1 (0+1)	0	1	30	60	90	x				3.1	
24	Chuyên đề seminar 2 (0+1)	0	1	30	60	90	x				4.1	
25	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng (2+0)	2	0	30	60	90	x				4.1	
26	Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x				4.2	
27	Hợp chất hoạt tính	2	0	30	60	90	x				3.2	

	sinh học (2+0)											
28	Thực hành hợp chất hoạt tính sinh học (0+2)	0	2	60	120	180	x				3.3	
TỔNG		36	16									
Học phần tự chọn: chọn 8 TC (4 học phần)												
29	Bảo quản lương thực thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			3.1	
30	Kỹ thuật nano trong thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			3.1	
31	Công nghệ sinh học thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			3.1	
32	Đánh giá rủi ro và quản lý an toàn thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			3.3	
33	Bệnh học thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			4.2	
34	Công nghệ bao gói thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			4.1	
35	Quản lý và cải tiến chất lượng	2	0	30	60	90		x			4.1	

	thực phẩm (2+0)											
36	Phát triển sản phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			4.2	
37	Luật thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x			4.1	
38	Quản lý bếp ăn công nghiệp (2+0)	2	0	30	60	90		x			3.3	
Tổng		20	0									
TỔNG		56	16									

7.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp: 8 TC (Bắt buộc: 8 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Thực tập tốt nghiệp (0+3)	0	3	90	180	270	x				4.3	
2	Khóa luận tốt nghiệp (0+5) Hoặc Báo cáo tốt nghiệp (0+5)	0	5	150	300	450	x				4.3	
TỔNG		0	8									

8. Kế hoạch giảng dạy

8.1 Học kỳ 1.1: 9 TC (9 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ	Loại học phần	Điều kiện	Học kỳ	Elos	Giai đoạn
--------	--------------	------------	--------	---------------	-----------	--------	------	-----------

		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
2	Hóa đại cương + hóa lý + vô cơ (3+0)	3	0	45	90	135	x						
3	An toàn phòng thí nghiệm (2+0)	2	0	30	60	90	x		Không				
4	Sinh học đại cương (2+0)	2	0	30	60	90	x		Không				
TỔNG		9	0	135	270	405							

8.2 Học kỳ 1.2: 11 TC (11 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ	Loại học phần	Điều kiện	Học kỳ	Elos	Giai đoạn
--------	--------------	------------	--------	---------------	-----------	--------	------	-----------

		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Nghiên cứu khoa học (3+0)	3	0	45	90	135	x						
2	Giáo dục thể chất (2+0)	2	0	30	60	90	x						
3	Thực hành hóa đại cương + hóa lý + vô cơ (3+0)	3	0	45	90	135	x		Không				
4	Hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh (3+0)	3	0	45	90	135	x		Không				
TỔNG		11	0	165	330	495							

8.3 Học kỳ 1.3: 11 TC (11 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			

1	Giáo dục quốc phòng an ninh (5+3)	5	3	165	330	495	x						
2	Thực hành hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh (3+0)	3	0	45	90	135	x		Không				
TỔNG		8	3	210	420	630							

4.8.4 Học kỳ 2.1: 12 TC (12 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Tư duy biện luận ứng dụng (2+0)	2	0	30	60	90	x						
2	Công nghệ sơ chế thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						

3	Vi sinh vật (2+0)	2	0	30	60	90	x						
4	Thực hành vi sinh vật (0+2)	0	2	60	120	180	x		Không				
5	Công nghệ chiết xuất (2+0)	2	0	30	60	90	x		Không				
6	An toàn thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
TỔNG		10	2	210	420	630							

8.5. Học kỳ 2.2: 12 TC (12 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Triết học Mác – Lênin (3+0)	3	0	45	90	135	x						

2	Giáo dục thể chất (0+3)	0	3	90	180	270	x						
3	Thực hành công nghệ chiết xuất (0+2)	0	2	60	120	180	x		Không				
4	Dinh dưỡng thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x		Không				
5	Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
TỔNG		7	5	255	510	765							

8.6 Học kỳ 2.3: 12 TC (10 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Kinh tế chính	2	0	30	60	90	x		Không				

	trị Mác – Lê nin												
2	Vì sinh vật thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
3	Hóa sinh thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
4	Phụ gia thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
5	Thiết kế thí nghiệ m và phươn g pháp xử lý số liệu (2+0)	2	0	30	60	90	x						
6	Thực tập doanh nghiệp 1 (0+2)	0	2	60	120	180	x		Khôn g				
TỔNG		10	2	210	420	630							

8.7 Học kỳ 3.1: 13 TC (11 TC bắt buộc + 2 TC tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ	Loại học phần	Điều kiện	Học kỳ	Elos	Giai đoạn
----	--------------	------------	--------	---------------	-----------	--------	------	-----------

		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam bộ	2	0	30	60	90	x						
2	Phân tích thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
3	Thực hành vi sinh thực phẩm (0+1)	0	1	30	60	90	x						
4	Thực hành hóa sinh thực phẩm (0+1)	0	1	30	60	90	x						
5	Kỹ thuật lấy mẫu và xử lý mẫu (2+0)	2	0	30	60	90	x						
6	Độc tố thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
7	Chuyên đề seminar 1 (0+1)	0	1	30	60	90	x						
	Tổng	8	3	210	420	630							
SV chọn 2 TC tự chọn (1 học phần)													

8	Kỹ thuật nano trong thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
9	Bảo quản lương thực thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
10	Công nghệ sinh học thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
TỔNG		14	3	300	600	900							

8.8 Học kỳ 3.2: 12 TC (12 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	x						
2	Đánh giá cảm quan thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						

3	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng lương thực (2+0)	2	0	30	60	90	x						
4	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sản phẩm rượu, bia, nước giải khát (2+0)	2	0	30	60	90	x						
5	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sữa và sản phẩm từ sữa (2+0)	2	0	30	60	90	x						
6	Hợp chất hoạt tính sinh học (2+0)	2	0	30	60	90	x						
TỔNG		16	0	180	360	540							

8.9 Học kỳ 3.3: 12 TC (10 TC bắt buộc + 2 TC tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Thực hành phân tích thực phẩm (0+2)	0	2	60	120	180	x						
2	Thực tập doanh nghiệp 2 (0+2)	0	2	60	120	180	x						
3	Thực hành chế biến và kiểm soát chất lượng rượu, bia, nước giải khát (0+2)	0	2	60	120	180	x						
4	Thực hành hợp chất hoạt tính sinh học (0+2)	0	2	60	120	180	x						
5	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng bánh kẹo (2+0)	2	0	30	60	90	x						
SV chọn 2 TC tự chọn (1 học phần)													

6	Đánh giá rủi ro và quản lý an toàn thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
7	Quản lý bếp ăn công nghiệp (2+0)	2	0	30	60	90		x					
TỔNG		8	6	330	660	990							

8.10 Học kỳ 4.1: 11 TC (9 TC bắt buộc + 2 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng g	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	x		Khôn g				
2	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng rau quả (2+0)	2	0	30	60	90	x						
3	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất	2	0	30	60	90	x						

	lượng thịt, thủy hải sản (2+0)												
4	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng (2+0)	2	0	30	60	90	x						
5	Chuyên đề semina r 2 (0+1)	0	1	30	60	90	x						
SV chọn 2 TC tự chọn (1 học phần)													
6	Quản lý và cải tiến chất lượng thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90							
7	Luật thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
8	Công nghệ bao gói thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
TỔNG		14	1	240	480	720							

8.11 Học kỳ 4.2: 10 TC (8 TC bắt buộc + 2 TC tự chọn)

T T	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ	Loại học phần	Điều kiện	Học kỳ	Elos	Giai đoạn
--------	--------------------	---------------	--------	---------------------	-----------	--------	------	-----------

		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	x		Không				
2	Thực phẩm chức năng (2+0)	2	0	30	60	90	x						
3	Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm (2+0)	2	0	30	60	90	x						
4	Thực hành chế biến và kiểm soát chất lượng rau quả (0+2)	0	2	60	120	180	x						
SV chọn 2 TC tự chọn (1 học phần)													
5	Bệnh học	2	0	30	60	90		x					

	thực phẩm (2+0)												
6	Phát triển sản phẩm (2+0)	2	0	30	60	90		x					
TỔNG		10	2	210	420	630							

8.12 Học kỳ 4.3: 8 TC (8 TC bắt buộc + 0 TC tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
1	Thực tập tốt nghiệp (0+3)	0	3	90	180	270	x						
2	Khóa luận tốt nghiệp (0+5) hoặc Báo cáo tốt nghiệp (0+5)	0	5	150	300	450	x						
TỔNG		0	8	240	480	720							

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1 Đối với cơ sở đào tạo

Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2 Đối với giảng viên

Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.

Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế niên chế.

Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá.

9.3 Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

Tích cực khai thác các thông tin trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

9.4 Thực tập

Sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm có thể thực tập và nghiên cứu thực tế ở các cơ quan đơn vị, ban ngành có liên quan:

- Sở Khoa học và Công nghệ (tỉnh/thành phố);
- Sở Công thương (tỉnh/thành phố);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (tỉnh/thành phố);
- Sở y tế (tỉnh/thành phố);
- Chi cục an toàn VSTP (tỉnh/thành phố);

- Các phòng: Công thương, Nông nghiệp và PTNT các quận - thị - huyện;
- Các phường, thị trấn, xã;
- Các công ty tư vấn, công ty đầu tư kinh doanh, sản xuất trong các lĩnh vực liên quan đến ngành thực phẩm, lương thực, nước giải khát, thực phẩm chức năng;
- Các Viện, Trường Đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu trong nước như:
 - + Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm.
 - + Đại học Nông Lâm Tp.Hồ Chí Minh
 - + Đại học Khoa học tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh.
 - + Trung tâm Công nghệ sinh học Tp.Hồ Chí Minh.
 - + Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao Tp.Hồ Chí Minh.

10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

10.1.1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
2. Số tín chỉ: 5 (5, 0)
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết: không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:
 - Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18-09-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Chương trình bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
6. Tài liệu học tập chính:
Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, 2009.

10.1.2. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Số tín chỉ: 3 (3, 0)
3. Trình độ: năm thứ ba
4. Điều kiện tiên quyết: không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:
 - Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18-09-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Chương trình giới thiệu khái lược về đối tượng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.
6. Tài liệu học tập chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009.

10.1.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ hai
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần
 - Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18-09-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Chương trình môn học giới thiệu khái quát về cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và đạo đức.
6. Tài liệu học tập chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009.

10.1.4. TƯ DUY BIỆN LUẬN ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Tư duy biện luận ứng dụng
2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)
3. Trình độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết: không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần gồm có các nội dung cơ bản như:

 - Nhận biết được thế nào là tư duy biện luận
 - Hiểu các thành tố và thuộc tính của tư duy biện luận
 - Vận dụng, thực hiện tư duy biện luận trong giải quyết tình huống đưa ra
 - Phân chia, khái quát hóa các tố chất của tư duy biện luận
 - Đánh giá, tranh luận, chứng minh một vấn đề để phát huy tư duy biện luận
6. Tài liệu học tập chính:

Dương Thị Hoàng Oanh (2015), *Tư duy biện luận ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

10.1.5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần gồm có 04 phần với 12 chương gồm những nội dung cơ bản như:

 - Phần thứ 1: đại cương về nhà nước và pháp luật, gồm những khái niệm và lý luận chung về nhà nước và pháp luật;

- Phần thứ 2: đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm các lĩnh vực: pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật kinh doanh, pháp luật đất đai và môi trường.

- Phần thứ 3: đại cương về pháp luật quốc tế, gồm những kiến thức chung về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế.

- Phần thứ tư: đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.

6. Tài liệu học tập chính:

Giáo trình "Pháp luật Đại cương", Bộ giáo dục và đào tạo– NXB Đại học sư phạm, 2015.

10.1.6. TƯ DUY SÁNG TẠO VÀ NCKH

1. Tên học phần: Tư duy sáng tạo và nghiên cứu khoa học

2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết: Tư duy biện luận

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Trong học phần này, bạn sẽ học cách nhận thức về tư duy, vận dụng các công cụ tư duy vào thiết kế một ý tưởng nghiên cứu khoa học; cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu.

Học phần này sẽ cung cấp cho bạn những công cụ của tư duy giúp bạn nhận biết được những ý tưởng sáng tạo của bản thân, khả năng áp dụng vào thực tiễn, học tập và nghiên cứu khoa học.

6. Tài liệu học tập chính:

Nhiều tác giả, 2012, *Nhập môn Tư duy sáng tạo và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Tri Thức và Trung tâm phát triển khoa học và công nghệ trẻ.

10.1.7. HÓA ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Hóa đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn Hoá Đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương cần thiết về cấu tạo chất (cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hoá học...) được xây dựng dựa trên lý thuyết cơ học lượng tử hiện đại, và về các qui luật diễn ra của các quá trình hóa học (động lực, chiều, mức độ, tốc độ, cơ chế, các điều kiện xảy ra...) trên cơ sở các lý thuyết nhiệt động học.

6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Đình Soa, *Hóa đại cương, tập 1 và 2*, Trường Đại học Bách khoa TP.HCM, 1989.

10.1.8. DÂN TỘC HỌC

1. Tên học phần: Dân tộc học

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản về Dân tộc học như khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và lịch sử phát triển của ngành Dân tộc học của Việt Nam cũng như trên thế giới; tộc người và đặc trưng tộc người; về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam: đặc điểm phân bố và các đặc trưng văn hoá tộc người ở Việt Nam; chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ đó có thể vận dụng vào việc nghiên cứu các vấn đề văn hoá và văn hoá tộc người.

6. Tài liệu học tập chính:

- Lê Sỹ Giáo, *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục, 1997.
- Đặng Nghiêm Vạn, *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục, 1998.

10.1.9. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Tâm lý học đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ hai

4. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý; các khái niệm cơ bản về tâm lý học: tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách, các hoạt động tâm lý cơ bản. Vận dụng kiến thức Tâm lý học vào cuộc sống và học tập.

6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Tâm lí học đại cương*, NXB ĐHSP Hà Nội, 2003.

10.1.10. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Xã hội học đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung môn học bao gồm những khái niệm và kiến thức cơ bản về xã hội học như quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, cá nhân và xã hội - quá trình xã hội hoá và một số trường phái xã hội học; Những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản; Phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng trong xã hội học.

6. Tài liệu học tập chính:

- Nguyễn Hữu Khiển – Cb, *Giáo trình Xã hội học đại cương*, Đào tạo đại học hành chính, Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2008.
- Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, *Xã hội học*, Đại học quốc gia Hà Nội, 2008.

10.1.11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 1

2. Số tín chỉ:

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Kim Minh, *Giáo trình điện kinh*, NXB. Đại học Sư phạm, 2003.

10.1.12. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 2

2. Số tín chỉ:

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung ban hành kèm theo QĐ số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Kim Minh, Hồ Đắc Sơn, *Giáo trình bóng chuyền*, NXB. Đại học Sư phạm, 2003.

10.1.13. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng

2. Số tín chỉ:

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tài liệu học tập chính:

- Đào Mạnh hiệp và ctg, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

- Nguyễn tiến Hải và ctg, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

10.2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

10.2.1. NHẬP MÔN NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Nhập môn ngành công nghệ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần nhập môn ngành được thiết kế để trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về ngành công nghệ thực phẩm. Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về ngành công nghệ thực phẩm, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp tương lai của mình.

Học phần này giúp cho sinh viên về định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm cũng như nền tảng đạo đức nghề nghiệp.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Xuân Hiền (2005), *Chế biến thực phẩm đại cương*. Trường đại học An Giang.

10.2.2. VẬT LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Vật lý đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết : không

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần lý B1:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ học như: chuyển động của chất điểm; mối liên hệ giữa lực và chuyển động; công và năng lượng; chuyển động quay của vật rắn; chuyển động của chất khí; chuyển động dao động và những kiến thức cơ sở về thuyết tương đối hẹp.
- Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của nhiệt động lực học; thuyết động học phân tử khí; trạng thái rắn của vật chất và sự chuyển pha.
- Nắm vững các kiến thức trên, sinh viên có thể hiểu được các quy luật chuyển động của các vật thường gặp trong kỹ thuật và trong cuộc sống hàng ngày, có thể hiểu được sự vận động của các nguyên tử, phân tử cấu tạo nên các vật và tính chất nhiệt của chúng.

6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Thị Bé Bảy, *Vật lý đại cương (Cơ – nhiệt)*, ĐHBK TP.HCM, 2003.

10.2.3. TOÁN CAO CẤP

1. Tên học phần: Toán cao cấp

2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết: không

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần toán A 1:

- Trang bị những kiến thức về chuỗi số, chuỗi lũy thừa và chuỗi Fourier: sự hội tụ và phân kỳ của một chuỗi số, chuỗi dương, chuỗi đan dấu, chuỗi lũy thừa, chuỗi Fourier.
- Phương trình vi phân thường: phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai, hệ phương trình vi phân tuyến tính cấp một với hệ số hằng số.
- Phương trình đạo hàm riêng: phương trình đạo hàm riêng tuyến tính cấp một, cấp hai, phương pháp giải phương trình truyền sóng.

6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán cao cấp A1 (Tập 2)*, NXB Giáo Dục, 2007.

10.2.4. SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Sinh học đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết về sinh học để giúp sinh viên học tập các học phần về thiên nhiên. Nội dung chủ yếu của học phần gồm: các kiến thức về tế bào và cơ sở di truyền học, sinh học thực vật, sinh học động vật, nguồn gốc sự sống và các giới sinh vật, quan hệ sinh vật với môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Như Hiền, *Sinh học đại cương*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

10.2.5. SINH HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Sinh hóa học đại cương

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Môn học nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức về thành phần cơ bản của cơ thể sống (sinh vật), những biến đổi thành phần trong quá trình sống của sinh vật (chuyển hóa các chất trong thành phần cơ thể sống), ứng dụng những chuyển hóa này trong các quá trình sản xuất thực tế, vận dụng vào các quá trình có liên quan đến Sinh học và Công nghệ Sinh học: SX các sản phẩm mới có tính ưu việt hơn, điều khiển các quá trình SX theo hướng có lợi nhất, sáng tạo ra những quy trình mới có ứng dụng vì sinh vật trong các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là trong xử lý môi trường

6. Tài liệu học tập chính:

- Giáo trình: “Sinh hóa học đại cương” của ThS. Vương Lợi.
- Đồng Thị Thanh Thu. Sinh hóa cơ bản phần I, Nxb ĐHKH tự nhiên, TPHCM (2000).
- Hà Ái Quốc, Nguyễn Đình Huyền, Đồng thị Thanh Thu (HĐ), Sinh hóa cơ bản phần II, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM (2000).
- Trương Thanh Cảnh, Sinh hóa môi trường, Nxb KH & KT (2009).

10.2.6. CÔNG NGHỆ ENZYME - PROTEIN

1. Tên học phần: Công nghệ enzyme - protein

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học nghiên cứu các nội dung chính như sau:

- Thành phần, tính chất, cơ chế hoạt động của enzyme.
- Phân loại enzyme.
- Các phương pháp tinh chế enzyme.
- Ứng dụng của enzyme trong đời sống.

6. Tài liệu học tập:

- Nguyễn Đức Lượng, Cao Cường, Nguyễn Anh Tuyết...2004. *Công nghệ enzym*, NXB Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Thị Trân Châu, Phan Tuấn Nghĩa, 2007. *Công nghệ sinh học, Tập ba: Enzyme và ứng dụng*, NXB Giáo Dục.

10.2.7. VI SINH VẬT HỌC

1. Tên học phần: Vi sinh vật học

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức về các nhóm vi sinh vật, cách phân biệt, đặc điểm của từng nhóm. Ngoài ra môn học cũng trình bày các kiến thức về sinh lý, di truyền của vi sinh vật. Đồng thời, môn học còn cung cấp các kiến thức để ứng dụng các kiến thức về vi sinh vật trong thực tế.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Thành Đạt, Mai Thị Hằng, 2007. Vi sinh học, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
Nguyễn Lâm Dũng, Nguyễn Đình Quyên, Phạm Văn Ty, 1997. Vi sinh vật học, NXB Giáo dục.

Bruce Alberts, Dennis Bray, Julian Lewis, Martinkaff, Keith Roberts, James D. Watson, 2005. Molecular Biology of the cell, Garland Publishing Inc, New York.

10.2.8. VI SINH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Vi sinh thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ vi sinh vật trong thực phẩm, ứng dụng của hệ vi sinh vật có lợi và các phương pháp ức chế hệ vi sinh vật có hại cho thực phẩm.

Đây là môn học cơ sở ngành giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức của những môn học chuyên ngành cũng như giúp sinh viên vững vàng ứng dụng trong nghề nghiệp sau này.

Ứng dụng hợp lý và điều khiển các quá trình của vi sinh vật xảy ra trong công nghệ chế biến thực phẩm. Học phần này cũng cung cấp các kiến thức về ngộ độc thực phẩm bao gồm nguyên nhân, biểu hiện và cách phòng tránh.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Bài giảng Vi sinh thực phẩm do giảng viên phụ trách biên soạn.

[2]. Nguyễn Thành Đạt 2012: "Cơ sở sinh học vi sinh vật" Tập I và tập II, nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.

10.2.9. HÓA HỌC THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Hóa học thực phẩm

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Trình độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến nước, hoạt độ của nước và vai trò của chúng đối với cấu trúc, chất lượng thực phẩm. Vai trò của protein, glucid, lipid, và một số thành phần khác trong thực phẩm. Các tính chất công nghệ của một số hợp phần thực phẩm quan trọng, các phương pháp biến hình lý, hoá để cải biến cấu hình của các hợp phần nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Lê Ngọc Tú (2003), Hóa học thực phẩm, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

10.2.10. VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Tên học phần: VSAT Thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về vệ sinh thực phẩm, an toàn thực phẩm và ngộ độc thực phẩm do việc sử dụng các chất hóa học, thuốc kháng sinh và các chất cấm trong sản xuất thực phẩm hiện nay. Ngoài ra còn giúp sinh viên nắm được các yêu cầu và biện pháp vệ sinh chủ yếu áp dụng trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Hữu Hòa, Phạm Diệu Thùy (2017), *Bài giảng Vệ sinh An toàn Thực Phẩm*, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.

10.2.11. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Giới thiệu cho học viên các khái niệm và công cụ nghiên cứu khoa học cơ bản như Chuẩn bị đề cương nghiên cứu, Thiết kế và thực hiện nghiên cứu, Cách thành lập bảng hỏi, Phương pháp thu thập số liệu, Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu, Phân tích và phát biểu thành lời những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu, cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu, ...và các kỹ năng liên quan nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nghiên cứu.

- Hướng dẫn cho sinh viên sử dụng một số công cụ lập kế hoạch nghiên cứu, thống kê và phân tích số liệu (Excel hoặc Origin). Môn học này được giảng dạy vào Học kỳ 1 và kéo dài 6 tuần lễ gồm 1 bài giảng và các bài tập thực hành hàng tuần. Các bài tập sau đó được trình bày và thảo luận trước lớp.

6. Tài liệu học tập chính:

Vũ Cao Đàm (2008). *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học*. NXB Giáo Dục.

10.2.12. DINH DƯỠNG THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Dinh dưỡng thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng (2003), *Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam*. NXB Y học Hà Nội

[2] Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn Thực phẩm. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Dinh dưỡng và An toàn Thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

10.2.13. QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ TRONG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về các quá trình thủy lực, khí nén và các quá trình cơ học, truyền khối xảy ra trong công nghệ thực phẩm, ứng dụng và vận hành các hệ thống thiết bị phục vụ cho quá trình xử lý thực phẩm một cách hợp lý, đồng thời làm nền tảng cho việc thực hiện các đồ án môn học, đồ án khóa luận tốt nghiệp.

Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về quá trình thủy lực, khí nén và các quá trình cơ học, truyền khối, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của mình.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Tấn Dũng, Các quá trình và thiết bị truyền nhiệt trong công nghệ hóa học và thực phẩm, phần 1, phần 3. NXB ĐHQG TpHCM, năm 2013.

10.2.14. ĐỒ ÁN QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ TRONG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Đồ án quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (0, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Hệ thống hóa phương pháp tính toán các quá trình, thiết bị trong cơ học, truyền khối, truyền nhiệt ứng dụng trong công nghệ thực phẩm.

- Tính toán thiết kế được các thiết bị cơ học, truyền nhiệt, truyền khối

- Thực hiện được bản vẽ sơ đồ quy trình công nghệ, cấu tạo thiết bị chính ứng dụng trong công nghệ thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Vũ Bá Minh, Võ Văn Bang, *Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá học và thực phẩm*, tập 3: truyền khối, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh, 2009.

[2] Phạm Văn Bôn, Nguyễn Đình Thọ. *Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 5: quá trình và thiết bị truyền nhiệt: quyển 1: truyền nhiệt ổn định*, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh, 2006.

10.2.15. ĐỘC TỔ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Độc tổ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:



5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất và các loại độc tố trong thực phẩm, cơ chế hấp thu, phân bố, tàng trữ, chuyển hóa sinh học và đào thải chất độc ra khỏi cơ thể sống; tác dụng độc và phương pháp xác định độc tính của chất độc; các phương pháp định tính và định lượng chất độc có trong nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Dương Thanh Liêm - *Độc chất học và vệ sinh an toàn nông sản thực phẩm* – Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2010.

[2] Lê Ngọc Tú - *Độc tố học và An toàn Thực phẩm* - Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2006.

10.2.16. LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Luật an toàn thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về thực phẩm, chất lượng thực phẩm, luật và các pháp lệnh, quy định trong sản xuất và chế biến thực phẩm.

- Hướng dẫn các quy trình và thủ tục để đăng ký tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm, công bố các tiêu chuẩn thực phẩm, các quy định về ghi nhãn hàng hóa, giấy chứng nhận đạt vệ sinh an toàn thực phẩm, các quy định về nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm.

- Trang bị cho người học các kiến thức về luật cho các nhóm thực phẩm như luật trong thực phẩm chức năng

- Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về luật của châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc,...

- Giúp người học biết và hiểu về một số quy định cụ thể liên quan đến xuất và nhập thực phẩm ví dụ như quy trình xuất 1 lô hàng thủy sản vào Mỹ.

6. Tài liệu học tập chính:

Luật số 55/2010/ QH 2012, Luật an toàn thực phẩm.

10.2.17. THIẾT KẾ BAO BÌ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Thiết kế bao bì thực phẩm

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bao bì thực phẩm như vai trò và chức năng của bao bì trong bảo quản và chế biến thực phẩm, tính chất của các loại vật liệu dùng làm bao bì thực phẩm, các phương pháp đóng gói và ứng dụng chúng đối với một số loại sản phẩm. Nội dung chính của học phần gồm: Học phần “Bao bì thực phẩm” gồm có 6 chương tập trung vào các nội dung chính: Giới thiệu về bao bì thực phẩm; Chức năng của bao bì thực phẩm; Cấu tạo, phân loại bao bì thực phẩm; Nhãn hiệu

thực phẩm; Mã số mã vạch; cấu tạo và yêu cầu kỹ thuật của các loại bao bì dùng trong công nghệ thực phẩm; Công nghệ bao gói bao bì thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Đổng Thị Anh Đào (2008), *Kỹ thuật bao bì thực phẩm*. NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.

10.2.18. THỰC HÀNH HÓA HỌC THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Thực hành hóa học thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học bao gồm các nội dung sau: các thí nghiệm về tính chất và phương pháp định lượng các thành phần dinh dưỡng và thành phần chức năng trong nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm như glucid, lipid, protein, enzyme, vitamin, khoáng.

Giới thiệu về cách sử dụng các phương pháp phân tích quang phổ hiện đại như UV-Vis, IR, ... để tiến hành phân tích cấu trúc hóa học của các hợp chất hữu cơ.

Kiến thức về tác động của hóa học hữu cơ đối với xã hội và môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

Lê Ngọc Tú (2003), *Hóa học thực phẩm*, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

10.2.19. THỰC HÀNH SINH HÓA HỌC

1. Tên học phần: Thực hành sinh hóa học

2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh Hóa học đại cương

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản làm việc trong các phòng thí nghiệm Sinh hóa, bao gồm: các quy tắc an toàn phòng thí nghiệm, các thao tác sử dụng các thiết bị thí nghiệm thông dụng và các máy móc phân tích hiện đại.

Sinh viên có khả năng thực hiện các phương pháp kiểm tra định lượng một số chỉ tiêu sinh hóa cơ bản, bố trí các thí nghiệm về ứng dụng sinh hóa cơ bản trong thực tế sản xuất.

Học phần thực hành này giúp sinh viên làm quen với thao tác phòng thí nghiệm, củng cố thêm kiến thức cho các nội dung lý thuyết, giúp sinh viên yêu thích thêm ngành học và hình thành những ý tưởng nghiên cứu sau này.

6. Tài liệu học tập chính:

Ngô Đại Nghiệp, 2014. *Kỹ thuật sinh hóa và các ứng dụng*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

10.2.20. THỰC HÀNH VI SINH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Thực hành vi sinh thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: vi sinh thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi sinh vật như đặc điểm về hình thái, cấu tạo, dinh dưỡng, quá trình sinh trưởng, phát triển, hoạt động sống cũng như vai trò quan trọng của vi sinh vật đối với các quá trình chuyển hóa cơ bản của các chất trong thiên nhiên nói chung và trong thực phẩm nói riêng. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ vi sinh vật trong thực phẩm, ứng dụng của hệ vi sinh vật có lợi và các phương pháp ức chế hệ vi sinh vật có hại cho thực phẩm. Đây là môn học cơ sở ngành giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức của những môn học chuyên ngành cũng như giúp sinh viên vững vàng ứng dụng trong nghề nghiệp sau này. Ứng dụng hợp lý và điều khiển các quá trình của vi sinh vật xảy ra trong công nghệ chế biến thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Linh Thuộc, 2006, *Phương pháp phân tích vi sinh vật trong nước, thực phẩm và môi trường*, NXBGD.

10.2.21. SINH HÓA ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Sinh hóa ứng dụng
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh hóa đại cương, thực hành sinh hóa đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở hóa học, sinh học của các quá trình lên men, ứng dụng vi sinh và các chất có hoạt tính sinh học vào lãnh vực thực phẩm, xử lý môi trường, chăn nuôi và các lãnh vực sản xuất công nghiệp khác.

Học phần cũng giúp định hướng cho người học việc sử dụng enzyme và các chế phẩm sinh học để giải quyết các vấn đề của cuộc sống và các quá trình sản xuất công nghiệp, để có thể cải tiến công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các nguy cơ ô nhiễm môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

Đồng Thị Thanh Thu (2003), *Sinh hóa ứng dụng*, NXB. Đại học Quốc Gia TP. HCM.

10.2.22. THỰC HÀNH SINH HÓA ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Thực hành Sinh hóa ứng dụng
2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh hóa ứng dụng
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản làm việc trong các phòng thí nghiệm Sinh hóa, bao gồm: các quy tắc an toàn phòng thí nghiệm, các thao tác sử dụng các thiết bị thí nghiệm thông dụng và các máy móc phân tích hiện đại.

Sinh viên có khả năng thực hiện các phương pháp kiểm tra định lượng một số chỉ tiêu sinh hóa cơ bản trong nông sản và thực phẩm, bố trí các thí nghiệm về ứng dụng sinh hóa trong thực tế sản xuất.

Học phần thực hành này giúp sinh viên làm quen với thao tác phòng thí nghiệm, củng cố thêm kiến thức cho các nội dung lý thuyết, giúp sinh viên yêu thích thêm ngành học và hình thành những ý tưởng nghiên cứu sau này.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Ngọc Hùng (2018), *Bài giảng thực hành sinh hóa ứng dụng*, Trường Đại Học Thủ Dầu Một, tài liệu lưu hành nội bộ.

10.3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

10.3.1. PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ VÀ BỐ TRÍ THÍ NGHIỆM

1. Tên học phần: Phương pháp thống kê và bố trí thí nghiệm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên tắc khi bố trí một thí nghiệm, cung cấp thông tin cho người học với nhiều cách bố trí thí nghiệm và nhiều cách thống kê xử lý số liệu để đánh giá, nhận xét số liệu theo giả thiết đã đặt ra. Phương pháp nghiên cứu và thu thập số liệu, xác định được các dạng số liệu để chọn cách thống kê, cách bố trí thí nghiệm, kiểm định giả thuyết, phân tích phương sai và xếp hạng các trung bình, lập phương trình hồi quy. Bên cạnh đó, môn học rèn luyện kỹ năng phân tích kết quả thống kê vào báo cáo khoa học. Bồi dưỡng ý thức và trách nhiệm khi tiến hành phân tích số liệu một cách trung thực.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Văn Đức (2002). *Phương pháp kiểm tra thống kê sinh học*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

10.3.2. CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

1. Tên học phần: Công nghệ sau thu hoạch
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Công nghệ sau thu hoạch là phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các biến đổi sinh lý và hóa sinh trong nông sản sau thu hoạch; những rối loạn sinh lý, sự thiệt hại do vi sinh vật, mầm bệnh và các nhân tố khác dẫn đến sự mất mát chất lượng sản phẩm; nguyên lý và các phương pháp bảo quản, chế biến nông sản; quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Lê Văn Tán (chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Thị Lệ Hằng, Quản Lê Hà (2008), "Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả", NXB Khoa học và Kỹ thuật

[2] Hà Văn Thuyết, Cao Hoàng Lan, Nguyễn Thị Hạnh(2013), "Công nghệ rau quả", NXB Bách Khoa Hà Nội.

10.3.3. PHỤ GIA THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Phụ gia thực phẩm
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về phụ gia được sử dụng trong công nghệ thực phẩm để sau khi hoàn thành môn học, người học có thể lựa chọn được các loại phụ gia phù hợp với từng loại nguyên liệu và sản phẩm thông qua tìm hiểu về đặc điểm và tính chất của chúng.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Phú Đức (Chủ biên), Lê Thị Hồng Ánh. 2017, *Giáo trình Phụ gia thực phẩm*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

10.3.4. CÔNG NGHỆ KIỂM NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Công nghệ kiểm nghiệm và phân tích thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cách thức lấy mẫu; Nguyên tắc, cách thức tiến hành và xử lý kết quả của các phương pháp phân tích thành phần hóa học và chỉ tiêu vi sinh có trong thực phẩm. Ứng dụng những kiến thức về phân tích thực phẩm trong kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm. Giúp cho sinh viên có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về công nghệ chế biến thực phẩm. Đồng thời nâng cao kỹ năng về công nghệ phân tích thực phẩm giúp ích cho sinh viên hội nhập kinh tế quốc tế về an toàn thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Hà Duyên Tư (chủ biên), *Phân tích hóa học thực phẩm*, NXB khoa học và kỹ thuật, 2009.

[2]. Trần Linh Thuộc, *Phương pháp phân tích vi sinh vật trong nước, thực phẩm và môi trường*, NXB giáo dục, 2002.

10.3.5. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG

1. Tên học phần: Công nghệ sản xuất đồ uống

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về phương pháp phân loại các loại thức uống trên thị trường, tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thức uống hiện nay; tính chất, vai trò của các loại nguyên liệu sử dụng trong công nghệ sản xuất thức uống; quy trình công nghệ sản xuất các loại thức uống không cồn (nước uống đóng chai, nước giải khát pha chế, nước rau quả) và thức uống có cồn (bia, rượu...) và tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm thức uống.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Bùi Ái, 2013. *Công nghệ lên men ứng dụng trong công nghệ thực phẩm*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM.

[2] Hoàng Đình Hòa, 2002. *Công nghệ sản xuất malt và bia*. NXB khoa học và kỹ thuật.

[3] Lê Văn Việt Mẫn, 2006. *Công nghệ sản xuất thức uống pha chế*, tập 2. Nhà xuất bản Đại học quốc gia, 2010.

10.3.6. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN RAU QUẢ

1. Tên học phần: Công nghệ chế biến rau quả

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học tìm hiểu các thành phần hóa học của rau quả, các thành phần chủ yếu ảnh hưởng đến quá trình chế biến và dinh dưỡng, sự biến đổi các thành phần hóa học trong quá trình chế biến và bảo quản, các phương pháp bảo quản rau quả tươi. Môn học còn bao gồm nội dung tìm hiểu các đặc điểm, tính chất và các chỉ tiêu của nguyên liệu chế biến sản phẩm rau quả cũng như nguyên tắc, phương pháp chế biến, quy trình sản xuất các loại đồ hộp rau quả, các loại thiết bị và nguyên tắc hoạt động thiết bị ứng dụng trong sản xuất các sản phẩm rau quả đóng hộp.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Mạnh Khải, Nguyễn Thị Bích Thủy, Đinh Sơn Quang. 2005. *Giáo trình bảo quản nông sản*. Nhà xuất bản Giáo dục.

10.3.7. PROBIOTIC VÀ PREBIOTIC TRONG THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Probiotic và Prebiotic trong thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật đại cương

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về probiotic, prebiotic (khái niệm, phân lập, nuôi cấy, môi trường dinh dưỡng,...). Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp các kiến thức về mối tương tác giữa vi sinh vật đường ruột với cơ thể người. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được và giải thích được nguyên nhân tại sao vi sinh vật đường ruột tác động đến hệ miễn dịch ở người.

Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về probiotic như: kỹ thuật nuôi cấy, sản xuất probiotic, prebiotic trong tự nhiên và trong công nghiệp; ứng dụng của probiotic trong thực phẩm chức năng, trong thủy sản, chăn nuôi, và môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Văn Duy (chủ biên), Lê Đình Đức, Nguyễn Thị Kim Cúc, Phạm Thu Thủy, Lê Phương Chung(2015). “*Giáo trình công nghệ probiotic*”, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

10.3.8. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN ĐIỀU, TIÊU, TRÀ, CÀ PHÊ, CA CAO

1. Tên học phần: Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết: Công nghệ chế biến và bảo quản thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học bao gồm các nội dung chính sau:

- Nguồn nguyên liệu điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao: thực trạng nguồn nguyên liệu, đặc điểm thực vật, thành phần hóa học của nguyên liệu.
- Quá trình thu hoạch, sơ chế, bảo quản tiêu, điều, trà, cà phê, ca cao.

- Quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu tiêu, điều, trà, cà phê, ca cao
- Các tài liệu TCVN hiện hành về tiêu, điều, trà, cà phê, ca cao.

6. Tài liệu học tập chính:

Bài giảng môn học: “Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao” của giảng viên.

10.3.9. CÔNG NGHỆ NẤM ĂN VÀ NẤM DƯỢC LIỆU

1. Tên học phần: Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này trang bị các kiến thức cơ bản về đặc điểm hình, cấu tạo, sinh lý và giá trị dinh dưỡng của nấm; cơ sở khoa học của việc trồng nấm; các kỹ thuật nuôi trồng một số loài nấm ăn và nấm dược liệu cũng như cách bảo quản và chế biến nấm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Lâm Dũng, 2005. Công nghệ nuôi trồng nấm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

[2]. Nguyễn Hữu Đồng, Đinh Xuân Linh, 2000. Nấm ăn – nấm dược liệu (Công dụng và công nghệ nuôi trồng). Nhà xuất bản Hà Nội.

10.3.10. THỰC HÀNH SẢN XUẤT NẤM ĂN VÀ NẤM DƯỢC LIỆU

1. Tên học phần: Thực hành sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu

2. Số tín chỉ: 1 (0, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này trang bị các kiến thức cơ bản về kỹ thuật nuôi trồng nấm, đặc biệt là nấm Bào ngư và nấm Linh chi. Bên cạnh đó, môn học rèn luyện kỹ năng thực hiện các thao tác như phân lập, nhân giống, vào bịch phôi, chăm sóc và thu hái nấm, giúp sinh viên tiếp cận với thực tế sản xuất.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Lâm Dũng, 2005. Công nghệ nuôi trồng nấm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

[2]. Nguyễn Hữu Đồng, Đinh Xuân Linh, 2000. Nấm ăn – nấm dược liệu (Công dụng và công nghệ nuôi trồng). Nhà xuất bản Hà Nội.

10.3.11. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỊT VÀ THỦY SẢN

1. Tên học phần: Công nghệ chế biến thịt và Thủy sản

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên liệu dùng trong thực phẩm và các phương pháp để chế biến thịt và thủy sản. Cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng để hiểu về thực phẩm và công nghệ chế biến thịt và thủy sản, đồng thời tiến hành các hoạt động quản lý chất lượng thực phẩm trong nhà máy chế biến. Môn

học này sẽ giúp người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thịt, cá trong dinh dưỡng và chế biến thực phẩm, trong sản xuất công nghiệp.

Giúp cho sinh viên có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về công nghệ chế biến thực phẩm. Đồng thời nâng cao kiến thức về công nghệ chế biến thịt và thủy sản sẽ giúp ích cho sinh viên hội nhập kinh tế quốc và có chiến lược về chế biến và xuất nhập khẩu sản phẩm thịt, tôm, cá khi xây dựng và hoạch định công nghệ thực phẩm tại các nhà máy chế biến thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Lê Văn Việt Mẫn và cộng sự, (2010), *Công nghệ chế biến thực phẩm*, NXB Đại học quốc gia Tp.HCM.

10.3.12. XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ PHÉP PHỤ PHẨM

1. Tên học phần: Xử lý nước thải và phế phụ phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết: Hóa thực phẩm, Vi sinh thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Xử lý nước thải và phế phụ phẩm là môn học đề cập đến bản chất và tính chất của phế phụ phẩm cho ra từ quá trình hoạt động sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp thực phẩm. Từ đó đưa ra hướng giải quyết làm giảm lượng chất thải, tận dụng nguồn phế phụ phẩm cho các quá trình sản xuất các sản phẩm hữu ích phục vụ đời sống con người, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường, tăng thêm thu nhập, hướng tới quá trình sản xuất bền vững. Môn học cung cấp cho sinh viên những phương pháp, quy trình công nghệ chủ yếu để xử lý nước thải và phế phụ phẩm nông nghiệp và công nghiệp.

6. Tài liệu học tập chính:

Nicholas P. Cheremisinoff (2003), *“Handbook of solid waste management and waste minimization technologies”*, Amsterdam, The Netherlands: Butterworth-Heinemann.

10.3.13. CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN LẠNH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Công nghệ bảo quản lạnh thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức cơ bản về công nghệ chế biến và bảo quản lạnh thực phẩm, ứng dụng và vận hành các hệ thống thiết bị hệ thống lạnh phục vụ cho quá trình sản xuất một cách hợp lý, đồng thời làm nền tảng cho việc thực hiện các đồ án môn học, đồ án khóa luận tốt nghiệp

Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về công nghệ chế biến và bảo quản lạnh thực phẩm, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của mình.

6. Tài liệu học tập chính:

Bài giảng môn học: “Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao” của giảng viên.

10.3.14. KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN

1. Tên học phần: Kiểm nghiệm chất lượng nông sản

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Kiểm nghiệm chất lượng nông sản là một phần của quản lý chất lượng, tập trung vào việc thực hiện các yêu cầu chất lượng. Nội dung môn học sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kiểm soát chất lượng cũng có nghĩa là: “Những hoạt động và kỹ thuật mang tính tác nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu chất lượng”. Kiểm nghiệm chất lượng bao gồm những hoạt động và kỹ thuật mang tính tác nghiệp nhằm đồng thời theo dõi một quá trình và loại trừ những nguyên nhân của hoạt động không thỏa mãn ở mọi giai đoạn của vòng chất lượng để đạt hiệu quả kinh tế và an toàn vệ sinh nông sản phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Đỗ Thị Bích Thủy. 2009. *Bài giảng quản lý chất lượng nông sản*. Trường Đại học Nông lâm Huế.

10.3.15. LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN

1. Tên học phần: Lập và phân tích dự án
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học được thiết kế thành 4 chương chính. Trong đó chương 1 đề cập đến các yêu cầu cần phải có và các cách thu thập thông tin để hình thành lên một bản dự án. Trong chương 2 sẽ bàn về các kỹ thuật phân tích tài chính của dự án. Chương 3 tập trung nghiên cứu các vấn đề rủi ro của dự án. Chương 4 giới thiệu về các vấn đề trong phân tích kinh tế và xã hội.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Thị Hồng Hạnh và Nguyễn Thu Huyền, 2013. *Giáo trình Lập và phân tích dự án*. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

10.3.16. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CẢM QUAN

1. Tên học phần: Phân tích và đánh giá cảm quan
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần trang bị những kiến thức căn bản về phương pháp khoa học, được sử dụng để gọi lên, đo đạc, phân tích và giải thích cảm giác đối với các sản phẩm, được nhận biết thông qua các giác quan: thị giác, khứu giác, xúc giác, vị giác và thính giác.

Nội dung kiến thức được trình bày trong các chương: phương pháp luận về đánh giá cảm quan; giải phẫu sinh lý học các cơ quan cảm giác (cơ bản); phép thử phân biệt; phép thử mô tả; phép thử thị hiếu.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Hoàng Dũng (biên dịch) (2007), “*Đánh giá cảm quan thực phẩm: Nguyên tắc và thực hành*”, NXB Đại học Quốc gia.

[2] Hà Duyên Tư (2006), ”*Kỹ thuật phân tích cảm quan thực phẩm*”, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật.

10.3.17. THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

1. Tên học phần: Thực phẩm chức năng

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết: : Hóa đại cương, Sinh hóa học đại cương, Hóa học thực phẩm, Vi sinh thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về định nghĩa và các qui định về thực phẩm chức năng. Tình hình sản xuất thực phẩm chức năng trên thế giới và Việt Nam. Các thành phần có tính đặc hiệu tạo nên tính chất chức năng của thực phẩm. Nguyên nhân gây bệnh đối với cơ thể người. Nguyên lý và khả năng phát triển một thực phẩm chức năng.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Đồng Thị Anh Đào (2017), Bài giảng về thực phẩm chức năng, ĐH Bách Khoa Tp.HCM

[2] Glenn R. Gibson và Christine M. Williams (2000), Functional foods: concept to product, CRC Press

10.3.18. THỰC TẬP 1

1. Tên học phần: Thực tập 1

2. Số tín chỉ: 3 (0, 3)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này giúp sinh viên tiếp cận với quy trình sản xuất, chế biến một số loại thực phẩm trong thực tế. Nắm được các nội quy cơ bản trong các cơ sở, xí nghiệp chế biến thực phẩm. Song song đó, môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp trong công sở, nhà máy, xây dựng kế hoạch làm việc; kỹ năng xử lý số liệu; tổng hợp, viết và trình bày báo cáo kết quả. Thông qua đó, sinh viên rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp và tích lũy kinh nghiệm thực tế. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch, thực hiện một hoạt động sản xuất nông nghiệp hoặc một nghiên cứu đơn giản, giúp sinh viên phát triển một số năng lực bản thân.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Trần Ngọc Hùng, 2017, *Tài liệu hướng dẫn thực tập cơ sở*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

10.3.19. THỰC TẬP 2

1. Tên học phần: Thực tập 2

2. Số tín chỉ: 3 (0, 3)

3. Tiến độ: năm thứ 3

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng: Xây dựng kế hoạch thực tập, kỹ năng thực hiện công việc cụ thể. Thu thập và xử lý số liệu, tổng hợp, viết và trình bày báo cáo kết quả thông qua quá trình khảo sát thực tế sản xuất.

Thông qua đó, sinh viên có định hướng đúng về nghề nghiệp, phục vụ cho việc chủ động học tập, nghiên cứu tiếp theo.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Vũ Cao Đàm, 2005. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2005, 178 trang.

10.3.20. QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG TRONG CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Quản lý sản xuất và chất lượng trong chế biến lương thực, thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 4

4. Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh thực phẩm, Vệ sinh an toàn thực phẩm, Độc tố thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản cần thiết về quản lý sản xuất và chất lượng trong chế biến lương thực thực phẩm, các phương pháp kiểm tra đánh giá và quản lý chất lượng thực phẩm, các kiến thức về vệ sinh và an toàn trong thực phẩm, chương trình sản xuất theo HACCP, SSOP và ISO.

Môn học cũng trang bị cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có kỹ năng đánh giá chất lượng về vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm trong các nhà máy thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Hà Duyên Tư (2006), *Quản lý chất lượng thực phẩm*, Nxb KH & KT Hà Nội.

10.3.21. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

1. Tên học phần: Phát triển sản phẩm mới

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 4

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị những kiến thức căn bản về mối quan hệ trong tiến trình phát triển sản phẩm như tính khoa học, kỹ thuật, quản lý nghiên cứu, quản lý thương mại, sản xuất, tiếp thị. Cung cấp cho sinh viên cơ sở phát triển ý tưởng và phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất thực tế các sản phẩm. Ngoài ra, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: chiến lược kinh doanh liên quan đến phát triển sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, cách quản lý quy trình phát triển sản phẩm và cải tiến quy trình liên tục nhằm đưa đến sự thành công trong phát triển sản phẩm mới.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Lê Anh Cường, 2005, *Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*, NXB Lao động – xã hội.

10.4. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Điệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ²
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong: Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1.	Nguyễn Phước Minh, 1981	TS, ĐH Bách Khoa - ĐH Quốc Gia Tp. HCM, 2008	Công nghệ thực phẩm và đồ uống	ĐH TDM, 2020	Đúng	
2.	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1977, Giảng viên	TS, VN, 2020	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2009	Đúng	
3.	Lê Nguyễn Uyên Chi	TS, Hàn Quốc, 2011	Y học phân tử	ĐH TDM, 2015	Đúng	
4.	Nguyễn Thị Bích Thảo, 1988, Giảng viên	ThS, Pháp, 2012	Sức khỏe chất lượng và môi trường trong thức ăn và sản xuất chăn nuôi	ĐH TDM, 2020	Đúng	
5.	Nguyễn Bằng Phi, 1984, Giảng viên	NCS, ThS, Pháp,	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2014	Đúng	
6.	Nguyễn Anh Dũng, 1985, Giảng viên	ThS, VN, 2010	Vi sinh vật học	ĐH TDM, 2010	Đúng	

² Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

7.	Phạm Thị Mỹ Trâm, 1985, Giảng viên	ThS, VN, 2012	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2014	Đúng	
8.	Lê Thị Thu Huệ, 1979, Giảng viên	ThS, VN, 2009	Sinh học động vật	ĐH TDM, 2009	Đúng	
9.	Nguyễn Thị Liên, 1986, Giảng viên	ThS, VN, 2013	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2012	Đúng	
10.	Vương Lợi, 1980, Giảng viên	NCS, ThS, VN, 2007	Sinh học	ĐH TDM, 2016	Đúng	
11.	Phạm Đình Dũ, 1979, Giảng viên	TS, Việt Nam, 2012	Hóa	2013	Đúng	
12.	Nguyễn Thị Lợi, 1988, Giảng viên	ThS, VN, 2013	Hóa phân tích	ĐH TDM, 2016	Đúng	
13.	Đặng Trung Thành, 1976, GV	ThS, VN, 2008	Nông nghiệp	ĐH TDM, 2012	Đúng	
14.	Lê Thị Huỳnh Như, 1984, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2010	Hóa Phân Tích	ĐH TDM, 2011	Đúng	
15.	Lưu Huỳnh Vạn Long, 1983, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2013	Hóa hữu cơ	ĐH TDM, 2010	Đúng	

1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Liên Thương, 1981, Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Thực Nghiệm	Tiến Sĩ, 2012	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2012	Đúng	
2	Vương Lợi, 1980, Phó Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Thực Nghiệm	Thạc sĩ, 2007	Sinh học	ĐH TDM, 03/2011	Đúng	
3	Trương Thị Cẩm Tiên, 1958, Trưởng Phòng Thí Nghiệm	Cử Nhân, 1984	Vật Lý	THSP SB 12/1984 ĐHTDM 7/2014	Đúng	

4	Nguyễn Trung Hiếu, 1983, Cán Bộ PTN	Thạc sĩ, 2012	Hóa Học	ĐH TDM, 2013	Đúng	
5	Huỳnh Kim Ngân, 1986, Cán Bộ PTN	Thạc sĩ, 2017	Hóa Học	ĐH TDM, 2017	Đúng	
6	Cao Hồ Kim Ngân, 1996, Nhân viên PTN	Cử Nhân, 2018	Hóa Học	ĐH TDM, 2018	Đúng	
7	Lê Lã Vương Linh, Cán bộ PTN	Thạc sỹ, 2006	Vật Lý	ĐH TDM, 2006	Đúng	
8	Lê Hữu Thương, 1975, Cán bộ PTN	Thạc Sỹ, 2006	Môi Trường	ĐH TDM, 2009	Đúng	
9	Huỳnh Nguyên Thảo Vy, 1986, Nhân viên PTN	Thạc sỹ, 2018	Sinh Học	ĐH TDM, 2018	Đúng	
10	Lê Anh Duy, 1990, Cán bộ Trung Tâm	Đại Học, 2014	Kỹ sư CN Sinh Học	ĐH TDM, 2016	Đúng	
11	Lê Duy Khánh, 1994, Nhân viên PTN	Đại học, 2016	Khoa học môi trường	ĐH TDM, 2017	Đúng	
12	Nguyễn Thị Thanh Thảo, 1981, Cán bộ Trung Tâm	Đại Học, 2008	Dược Sỹ	ĐH TDM, 2014	Đúng	
13	Phạm Văn Thế, 1981, Cán bộ Trung Tâm	Tiến Sỹ, 2019	Sinh Học	ĐH TDM, 2019	Đúng	

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số T T	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m2)		
1	Phòng máy tính	8	1.135,7	Máy vi tính	464			Đúng	
2	Phòng học ngoại ngữ	23	1.285,6	Đầu video CD, Tivi,				Đúng	

				máy cattsete					
3	Phòng nhạc, họa	6	746,1	Đàn organ yamaha, đàn guitar, đàn piano, bộ gõ...				Đúng	
4	Thư viện/Trung tâm học liệu	5	1,980	Máy tính phục vụ tra cứu	40			Đúng	
5	Phòng thí nghiệm	16	4,654	Các thiết bị thực hành Lý, Hóa, Sinh...				Đúng	
6	Xưởng thực tập, thực hành	14	3,698. 5	Các thiết bị thực hành Điện- điện tử, Môi trường, Kiến trúc, Xây dựng, Chế biến lâm sản...				Đúng	
7	Nhà tập đa năng	1	836.5	Hệ thống âm thanh, ánh sáng, công cụ, dụng cụ...				Đúng	
8	Hội trường/giảng đường/phòng học	169	20.357	Projecto r, Hệ thống âm thanh,	169	Các học phần		Đúng	

				ánh sáng, tivi, máy lạnh					
--	--	--	--	-----------------------------------	--	--	--	--	--

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1	Phòng thí nghiệm Hóa Hữu Cơ	90	Bếp gia nhiệt hồng ngoại nhiệt độ cao	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Máy lắc ngang	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Máy lắc sàng/D0407/B, Controls	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Máy ly tâm lạnh Universal 320R	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
			Bơm hút chân không	1 bộ	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
			Thiết bị đo độ âm/625, Testo	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa môi trường	Đúng	

			Thiết bị phá mẫu vi sóng/Anton Paar	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
			Tủ lạnh/Panasonic	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Tủ ủ mẫu/AL654, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
2	Phòng thí nghiệm Phân tích	90	Đĩa Secchi đo độ trong	1	Công nghệ xử lý chất thải	Đúng	
			Giá kẹp bình tam giác 100ml	23	Hóa phân tích,	Đúng	
			Giá kẹp bình tam giác 250ml	11	Hóa phân tích	Đúng	
			Máy đo chất rắn lơ lửng/ AL250, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo pH cầm tay/Sension ⁺ , Hach	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo hàm lượng dầu trong nước/OCMA350, Horiba	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo DO/MW600, Minwaukee	2	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy phân tích nước đa chỉ tiêu	1	Hóa phân tích, Hóa	Đúng	

					môi trường		
			Thiết bị lấy mẫu nước ngầm /220234, Ben Meadows	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Tủ sấy 250 ⁰ C/ Ecocell L111, MMM	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy cất nước một lần/WSC/4S, Hamilton	1	Hóa phân tích,	Đúng	
			Dụng cụ lấy mẫu nước kiểu ngang/1120-G42, Wildco	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo pH cầm tay/Sension ⁺ , Hach	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Thiết bị đo độ sâu mực nước/WL16, Global Water	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Bộ đo BOD 6 chỗ/AL606, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo COD/AL250, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Bộ phá mẫu xác định COD, TOC... /DRB 200	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	

3	Phòng thí nghiệm Hóa Thực Phẩm	90	Bếp chung cách thủy/WNB 14, Memmert	1	hóa sinh học	Đúng	
			Nồi hấp diệt khuẩn	1	Hóa học thực phẩm, hóa sinh học	Đúng	
			Thiết bị lấy mẫu phiêu sinh vật/ Wisconsin, Wilco	2	Hóa học thực phẩm, hóa sinh học	Đúng	
			Tủ cấy vi sinh	1	Hóa học thực phẩm	Đúng	
			Kính hiển vi	1	Hóa học thực phẩm,	Đúng	
			Cân kỹ thuật/CPA3202S, Sartorius	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Cân phân tích/PA214C, Ohaus	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Hệ thống lọc hút chân không	1	Hóa sinh, Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Hệ thống xác định đạm tự động/Buchi - Thiết bị chưng cất đạm Kjeldahl/K355	1	Hóa phân tích, Hóa thực phẩm	Đúng	

			- Thiết bị phá hủy mẫu/K425 - Thiết bị hút hơi độc/B414				
			Lò nung điện tử/LE14/11-B150, Nabertherm	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy đo pH để bàn/MW100, Minwaukee	4	Hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy khuấy từ có gia nhiệt/ C-MAG HS4, IKA	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy quang phổ hấp thụ phân tử/V-630, Jasco (kèm theo máy tính để bàn LG và Máy in ML – 1670, Samsung)	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1980 m²; Diện tích phòng đọc: 1410 m²
- Số chỗ ngồi: 468 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 34
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn ;
- Số lượng sách, giáo trình điện tử:
- + Tài liệu dạng giấy 20.700
- + Tài liệu điện tử: 26.000 (trong đó sách 4.832, bài báo tạp chí 20.365, các loại khác 803)

(Ghi chú: số liệu thống kê đến ngày 31/5/2019)

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

S T T	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn	Đúng / Không đúng	Ghi chú
-------------	----------------	-------------	--------------	--------------	--------	-----------------	-------------------	---------

						học/học phần	với hồ sơ	
1	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin</i>	PGS.TS Nguyễn Viết Thông	Chính trị Quốc gia-sự thật	2011	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Đúng	
2	<i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đặng Quang	Chính trị Quốc gia	2012	5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đúng	
3	<i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	Phạm Ngọc Anh	Chính trị Quốc gia-Sự thật	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đúng	
4	<i>Giáo trình pháp luật đại cương: Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật</i>	Mai Hong Quý (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2015	20	Pháp luật Đại cương	Đúng	
5	<i>Giáo trình xã hội học đại cương</i>	ThS. Tạ minh	Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	2007	3	Xã hội học đại cương	Đúng	
6	<i>Dân tộc học đại cương</i>	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam,	Giáo dục	2009	10	Dân tộc học	Đúng	

		Lê Ngọc Thắng						
7	<i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>	GS. TS. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), TS. Nguyễn Văn Lũy, TS. Đinh Văn Vang	Đại học sư phạm	2013	10	Tâm lý học đại cương	Đúng	
8	<i>Essential English for students of science</i>	Trần Thị Nga	Giáo dục	2005	2	Anh văn căn bản 1	Đúng	
9	<i>Toán cao cấp A1. Phần đại số tuyến tính: Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm</i>	Nguyễn Duy Thuận	Giáo dục	2001	1	<i>Toán cao cấp A1, A2</i>	Đúng	
10	<i>Vật lý đại cương tập 1, Cơ-Nhiệt-Điện-Dao động-Sóng</i>	Cao Long Vân	Giáo dục	2008	10	Vật lý đại cương B1	Đúng	
11	<i>Vật lý đại cương tập 2, Điện-Dao động-Sóng: Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp</i>	Lương Duyên Bình, Dư Trí Công, Nguyễn Hữu Hồ	Giáo dục Việt Nam	2010	10	Vật lý đại cương B2	Đúng	
12	<i>Sinh học đại cương tập 1, Sinh học phân tử - tế bào</i>	Hoàng Đức Cự	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	2	Sinh học đại cương	Đúng	

1 3	<i>Sinh học (Biology tập 1)</i>	W. D. Phillips, T. J. Chilton; Nguyễn Bá, Nguyễn Mộng Hùng, Hoàng Đức Cự và những người khác (dịch).	Giáo dục Việt Nam	2009	10		Đúng	
1 4	<i>Sinh học đại cương: Sinh học thực vật, Sinh học động vật</i>	PGS. TS. Nguyễn Đình Giàu.	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2000	10		Đúng	
1 5	<i>Hóa học đại cương: Dành cho sinh viên không thuộc chuyên ngành Hóa</i>	Lâm Ngọc Thêm (Chủ biên), Bùi Duy Cam	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	15	Hóa đại cương	Đúng	
1 6	<i>Thí nghiệm hóa vô cơ: Thí nghiệm hoá đại cương-vô cơ 2</i>	Bộ môn hóa vô cơ- Trường đại học bách khoa- Đại học Quốc gia TP.HCM	Đại học Quốc gia TP.HCM	2008	10	Thực hành hóa học	Đúng	
1 7	<i>Giáo trình thực tập hoá đại cương B-Tái bản lần thứ hai-có sửa chữa</i>	Võ Duy Thanh, Võ Văn Bé	Đại học Quốc gia TP.HCM	2008	10		Đúng	

1 8	<i>Giáo trình Môi trường và con người</i>	Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan	Giáo dục Việt Nam	2014	10	Môi trường và con người	Đúng	
1 9	<i>Giáo trình điện kinh</i>	Nguyễn Kim Minh	NXB. Đại học Sư phạm	2004	38	Giáo dục thể chất 1	Đúng	
2 0	<i>Giáo trình bóng chuyền</i>	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	1	Giáo dục thể chất 2	Đúng	
2 1	<i>Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	Đào Huy Hiệp và cộng sự	Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng	Đúng	
2 2	<i>Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh. Tập 2: Dành cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng-Tái bản lần thứ ba</i>	Nguyễn Tiên Hải và cộng sự	Giáo dục Việt Nam	2011	100 1		Đúng	
2 3	<i>Hóa sinh học: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm</i>	Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thy Thu	ĐHSP	2005	44	Sinh hóa học đại cương	Đúng	
2 4	<i>Hóa sinh nông nghiệp</i>	Nguyễn Thị Hiền	ĐHSP	2003	7		Đúng	
2 5	<i>Nhập môn Công Nghệ Sinh Học</i>	Phạm Thành Hồ	Giáo Dục	2005	3	Nhập môn Công nghệ thực phẩm	Đúng	
2 6	<i>Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	Nguyễn Quang Thạch	ĐHSP	ĐHSP 200 5	48		Đúng	
2 7	<i>Sinh học phân tử</i>	Hồ Huỳnh Thùy Dương	Giáo Dục	2008	5	Sinh học phân tử	Đúng	
2 8	<i>Vi sinh vật học</i>	Nguyễn Lân	Giáo dục	2009	10	Vi sinh vật học	Đúng	

		Dũng, Nguyễn Đình Quyển, Phạm Văn Ty						
2 9	<i>Giáo trình sinh lý thực vật</i>	Hoàng Minh Tuấn	ĐHSP	2004	49	Sinh lý thực vật	Đúng	
3 0	<i>Sinh lý học thực vật</i>	PGS. Nguyễn Bá Lộc	ĐH Huế	2011			Đúng	
3 1	<i>Giáo trình sinh lý học thực vật</i>	Nguyễn Nhu Khanh	ĐHSP	2007	49		Đúng	
3 2	<i>Giáo trình sinh lý học thực vật</i>	Hoàng Minh Tấn	ĐHSP	2003	6		Đúng	
3 6	<i>Giáo trình Phương pháp luyện nghiên cứu Khoa học</i>	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	2011	9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đúng	
3 7	<i>Mô hình hóa môi trường</i>	Bùi Tá Long	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	5	Phương pháp thống kê và bố trí thí nghiệm	Đúng	
3 8	<i>Biology: concep ts and applications</i>	Cecie Starr, Christin e A. Evers, Lisa Starr	Thomson	2008	1	Anh văn chuyên ngành 1	Đúng	
3 9	<i>Từ điển Sinh học phổ thông</i>	Lê Đình Lương (chủ biên), Nguyễn Bá, Thái Trần Bái...	2001	Giáo dục	2	Anh văn chuyên ngành 2	Đúng	

4 0	<i>Bảo vệ thực vật</i>	Hà Huy Niên	ĐHSP	2005	50	Bệnh học cây trồng	Đúng	
4 2	<i>Giáo trình Miễn Dịch Học</i>	Huỳnh Đình Chiến	Đại học Huế	2006	3	Miễn dịch	Đúng	
4 3	<i>Miễn dịch học cơ sở</i>	Đỗ Ngọc Liên	ĐHQGH N	2008	10	học đại cương	Đúng	
4 4	<i>Virus học</i>	Phạm Văn Ty	Giáo dục	2007	3	Virus	Đúng	
4 5	<i>Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp: Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học kỹ thuật và dạy nghề</i>	PGS. TS. Nguyễn Xuân Thành (chủ biên), TS. Nguyễn Bá Hiền, GV. Vũ Thị Hoàn	Giáo dục	2007	5	Vi sinh học công nghiệp	Đúng	
4 6	<i>Giáo trình vi sinh học</i>	Nguyễn Thành Đạt	ĐHSP	2007	48		Đúng	
4 7	<i>Công nghệ sinh học, tập ba, Enzyme và ứng dụng: Dùng cho sinh viên ĐH, CĐ chuyên và không chuyên ngành CNSH, giáo viên và học sinh THPT</i>	GS. TSKH. Phạm Thị Trân Châu, PGS. TS. Phan Tuấn Nghĩa	Giáo dục Việt Nam	2009	5	Công nghệ protein- enzyme	Đúng	
4 8	<i>Giáo trình enzyme</i>	Đỗ Quý Hai, Trần Thanh Phong	Đại học Huế	2008	3		Đúng	

4 9	<i>Hóa phân tích, tập 2</i>	Phùng Thế Đồng, Trần Thị Trúc Thanh, Phan Thanh Dũng, Nguyễn Hữu Lạc Thủy	Giáo dục Việt Nam	2009	3	Hóa phân tích	Đúng	
5 0	<i>Sinh học phân tử</i>	Hồ Huỳnh Thủy Dương	Giáo dục		3	Kỹ thuật di truyền 1, 2	Đúng	
5 1	<i>Sinh học phân tử</i>	Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lệ, Hà Thị Minh Thi	Đại học Huế	2007	3	Kỹ thuật di truyền 1, 2	Đúng	
5 2	<i>Hình thái - giải phẫu học thực vật</i>	Hoàng Thị Sản	ĐHSP	2004	49	Thực tập cơ sở 1 (trồng trọt)	Đúng	
5 3	<i>Giáo trình tập tính học động vật</i>	Lê Vũ Khôi, Lê Nguyên Ngật	Giáo dục Việt Nam	2012	10	Thực tập cơ sở 2 (chăn nuôi)	Đúng	
5 4	<i>Tự học nghề trồng nấm</i>	Nguyễn Lân Dũng	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2006	3	Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	Đúng	
5 5	<i>Ứng dụng tin học trong sinh học</i>	Chu Văn Mẫn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	3	Sinh tin học	Đúng	

5 6	<i>Công nghệ chuyển gen ở động-thực vật</i>	Trần Quốc Dung, Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lê	Đại học Huế	2010	3	Công nghệ tế bào động vật ứng dụng	Đúng	
5 7	<i>Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	Nguyễn Quang Thạch	ĐHSP	2005	48	Công nghệ cấy truyền phôi động vật	Đúng	
5 8	<i>Nuôi cấy mô tế bào thực vật và ứng dụng</i>	Nguyễn Đức Thành	Nông nghiệp Hà Nội	2000	3	Nuôi cấy mô thực vật	Đúng	
5 9	<i>Bài giảng công nghệ sau thu hoạch.</i>	Hồ Bích Liên		2012	3	Công nghệ sau thu hoạch	Đúng	
6 0	<i>Điện tử y sinh học</i>	Huỳnh Thu, Hồ Trung Mỹ	Đại học Quốc gia TP.HCM	2005	10	Cơ sở vật lý y sinh học	Đúng	
6 1	<i>Giáo trình công nghệ vi sinh vật xử lý chất thải</i>	Lê Gia Hy	Quốc gia Việt Nam	2010	5	Công nghệ sản xuất phân sinh học và phân hữu cơ	Đúng	
6 2	<i>Thức ăn và dinh dưỡng động vật</i>	Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng	Nông nghiệp TP HCM	2006	5	Thức ăn và dinh dưỡng động vật	Đúng	

6 3	<i>Giáo trình kỹ thuật xử lý nước thải</i>	Lê Hoàng Việt, Nguyễn Võ Châu Ngân	Đại học Cần Thơ	2014	5	Công nghệ xử lý chất thải	Đúng	
6 4	<i>Vi sinh vật học nông nghiệp</i>	Nguyễn Xuân Thành	ĐHSP	2004	49	Probiotic trong nông nghiệp	Đúng	

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Physical Chemistry	Ira N. Levine	The McGraw-Hill Companies, Inc, 2009.	6 th edition	Hóa lý 1 và Hóa lý 2	Đúng	
2	Physical Chemistry	Robert G.Mortimer	Elsevier Inc, 2008	3 rd edition	Hóa lý 1 và Hóa lý 2	Đúng	
3	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2004	1 st edition	Hóa học đại cương	Đúng	
4	Hóa học đại cương	Nguyễn Đình Chi	NXB Giáo dục, 2013		Hóa học đại cương	Đúng	
5	Hóa học đại cương	Lê Mậu Quyền	NXB Giáo dục, 2007	3 rd edition	Hóa học đại cương	Đúng	
6	Bài tập Hóa học đại cương	Lâm Ngọc Thiềm (chủ biên), Trần Hiệp Hải	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2003	2 nd edition	Hóa học đại cương	Đúng	
7	Hóa học đại cương	Nguyễn Khanh	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2010	3 rd edition	Hóa học đại cương	Đúng	
8	General Chemistry	Darrell D. Ebbing and Steven D. Gammon	Houghton Mifflin Company, New York, 2009.	9th edition	Hóa học đại cương	Đúng	
9	Organic Chemistry	Robert V. Hoffman	John Wiley & Sons, Inc, 2004	3 rd edition	Hóa hữu cơ 1 và 2	Đúng	

10	Modern Analytical Chemistry	David Harvey	McGraw-Hill Companies, Inc, 2000.	1 st edition	Hóa phân tích 1 và 2	Đúng	
11	Hóa học vô cơ tập 1, 2 và 3	Hoàng Nhâm	NXB Giáo Dục, 2005.	7 th	Hóa vô cơ 1 và 2	Đúng	
12	Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông	Nguyễn Xuân Trường	NXB Giáo Dục, 2006.	1 st	Lý luận và phương pháp dạy học hóa học, Các phương pháp dạy học hiệu quả	Đúng	
13	Hóa lý tập 1, 2, 3 và 4	Trần Văn Nhân (chủ biên), Nguyễn Thạc Sứ và Nguyễn Văn Tuế	NXB Giáo Dục, 2005.	4 th	Hóa lý 1 và Hóa lý 2	Đúng	

2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Cơ sở hợp tác	Thời gian kí kết
1	Khoa Sinh Học – Công nghệ Sinh Học – Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG – HCM.	04/2019
2	Khoa Khoa học và Công nghệ vật liệu – Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG – HCM	04/2019
3	Khoa Khoa Học Tự Nhiên – Trường Đại Học Cần Thơ	05/2018

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Diệp

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO³

Tên ngành: **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM;**

Mã số: **7540106**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

- Trường Đại học Thủ Dầu Một thành lập theo Quyết định số 900/QĐ -TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ của Trường: Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0650. 3822.518

Fax: 0650.3837.150

- Website: <http://tdmu.edu.vn>

- Loại hình trường: Công lập

- Tổng số giảng viên, cán bộ viên chức của Trường tính đến 5/2020 là: 732 người.

Số giảng viên là 632 người, về chức danh và trình độ đào tạo cụ thể như sau: PGS-TS: 20, TS: 120, ThS: 502 với 112 CB-GV đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Từ khi được thành lập đến nay Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở cả 03 bậc: thạc sỹ, đại học và cao đẳng. Với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học, hoàn chỉnh chương trình đại học, cao đẳng và các khóa học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp chuyên đề ngắn hạn.

Hòa chung với công tác đào tạo nguồn nhân lực với cả nước, Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế, cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiếp cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực.

*** Về các chuyên ngành đào tạo:**

Tính đến năm học 2017-2018, Trường Đại học Thủ Dầu Một đào tạo 9 ngành cao học, 30 ngành đào tạo trình độ đại học. Trong đó, các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học cụ thể là:

+ Khối ngành khoa học quản lý: Quản lý công nghiệp; Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Đất đai; Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý Nhà nước.

+ Khối ngành tự nhiên: Khoa học môi trường; Sinh học ứng dụng, Toán học, Lý học, Hóa học.

³ Phụ lục III (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

+ Khối ngành kỹ thuật: Kỹ thuật xây dựng; Kiến trúc; Kỹ thuật Điện; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin.

+ Khối ngành xã hội nhân văn: Luật; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Công tác xã hội, Văn học, Địa lý học.

+ Khối kinh tế: Tài chính – ngân hàng; Kế toán; Quản trị kinh doanh.

+ Khối ngành sư phạm: Giáo dục học; Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Ngôn ngữ học; Lịch sử.

*** Về tổ chức bộ máy đào tạo:**

1. Chủ tịch hội đồng trường: 01 người

2. Ban giám hiệu: 04 người

2. Đảng bộ: 183

3. Khoa: 9 khoa (bao gồm các Khoa: Kinh Tế, Kiến trúc, Kỹ thuật – Công nghệ; Công nghệ thực phẩm; Ngoại ngữ, Xã hội nhân văn; Sư phạm; Khoa học Quản lý; Mỹ thuật Âm nhạc).

Trung tâm – viện: 11 trung tâm, bao gồm: Tuyển sinh, Thị trường Lao động, Ngoại ngữ, Đào tạo quốc tế, Công nghệ thông tin, Giáo dục thường xuyên, Học liệu, Đào tạo kiến thức chung, Đào tạo kỹ năng xã hội, Dịch vụ đại học, Kiểm định và tư vấn xây dựng; và 03 Viện gồm: Viện Phát triển ứng dụng, Viện phát triển chiến lược, Viện Đông Nam bộ.

*** Về nghiên cứu khoa học:**

- Hạ tầng khoa học công nghệ đảm bảo cho học tập và nghiên cứu. Hiện nay, Trường đã mạnh dạn đầu tư các máy móc hiện đại, phục vụ cho thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và môi trường. Điển hình là: Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) trị giá hơn 1,6 tỷ đồng; Máy quang phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourier (638 triệu đồng); Máy quang phổ hấp thụ UV-vis/NIR (470 triệu đồng);...

- Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và con người của cả nước để thực hiện các dự án khoa học

Thông qua Đề án NCKH về miền Đông Nam Bộ, Trường hiện đang là đầu mối liên kết các nhà khoa học của vùng, của cả nước; các cơ sở, đơn vị nghiên cứu như: các Sở khoa học Công nghệ các tỉnh thành Đông Nam Bộ, các Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Quỹ phát triển công nghệ Quốc gia Nafoted, các Trường Đại học,... để thực hiện các đề tài NCKH gắn liền với miền Đông Nam Bộ và phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của vùng và đặc biệt là cho tỉnh Bình Dương.

Tổ chức thành công các Hội thảo Quốc gia: “Chiến thắng Điện Biên Phủ - Những vấn đề lịch sử”, “20 năm đô thị hóa Nam Bộ - Lý luận và thực tiễn” (năm 2014); các Hội thảo Quốc tế: “Nền móng và giải pháp địa kỹ thuật xây dựng”(năm 2013); “Việt Nam – 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập” (năm 2015) với sự tham gia của các học giả nổi tiếng của Việt Nam và thế giới như: GS.TSKH. Vũ Minh Giang (Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam), GS. Tsuboi (Đại học Waseda, Nhật Bản), GS. Thayer (Học viện Quốc phòng Úc)...

Giảng viên nghiên cứu khoa học của Trường từ chỗ chỉ đạt tỉ lệ 18,41% (2010) đã tăng lên 74,06% (2015). Sinh viên nghiên cứu khoa học từ 3,64% (2013) đã tăng lên 10,59% (2015). Đây là những con số đáng khích lệ và cho thấy bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào nghiên cứu khoa học mạnh mẽ trong tập thể trường Đại học Thủ Dầu Một. Đặc biệt, năm 2014, một đề tài khoa học của sinh viên đã đạt giải ba cuộc thi tài năng khoa học trẻ do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức (tên đề tài: “Tổng hợp và

nghiên cứu hoạt tính sinh học vật liệu y sinh Hydroxyapatite từ vỏ trứng”). Theo Luật ngân sách nhà nước, hàng năm Trường đều dành 2% tổng ngân sách của Trường cho hoạt động khoa học công nghệ (khoảng trên 2 tỷ đồng/năm). Ngoài ra, kinh phí nghiên cứu khoa học còn được bổ trí thêm từ nguồn vốn tự có của Trường cùng các hoạt động liên doanh, liên kết khác

Số bài báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong nước: 914; Số bài báo nước ngoài: 99; Số báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế: 98; Hoàn thành 15 giáo trình,...

Trong giai đoạn từ khi bắt đầu thành lập trường Đại học Thủ Dầu Một đến nay, Trường đã thực hiện:

- 01 cấp Nhà nước 2013 – 2015 do Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia NAFOSTED tài trợ: “Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP”.

- 07 cấp tỉnh và 238 cấp trường.

Hiện trường đang quan tâm, tập trung nghiên cứu các đề tài liên quan mật thiết đến Bình Dương và vùng Đông Nam bộ là:

- Sự bùng phát của cây lục bình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đề xuất giải pháp kiểm soát hiệu quả;

- Dân nghèo Bình Dương, Đông Nam Bộ - Thực trạng và các giải pháp giảm nghèo mang tính bền vững;

- Chiến lược phát triển bền vững không gian đô thị Bình Dương trong quan hệ tổng thể miền Đông Nam Bộ - Tầm nhìn 2020-2030;

- Nghiên cứu xử lý protein trong latex cao su tự nhiên đạt chuẩn quốc tế bằng polysaccharide;

- Nuôi cấy nấm Đông Trùng Hạ Thảo trong phòng thí nghiệm (Sản phẩm “Đông trùng hạ thảo” do nhóm giảng viên khoa Tài nguyên Môi trường nghiên cứu đã vinh dự nhận giấy chứng nhận và cúp vàng sở hữu trí tuệ “Sản phẩm tin cậy – Dịch vụ hoàn hảo – Nhãn hiệu ưa dùng 2015” của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế).

- Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một hoạt động hiệu quả và có uy tín. Từ 2011 xuất bản định kỳ 06 số/năm, đăng tải các bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên, sinh viên trong và ngoài Trường. Hội đồng chức danh giáo sư cấp Nhà nước đã dùng Tạp chí để tính điểm trong phong hàm PGS, GS ở các lĩnh vực Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học và Tâm lý học. Tạp chí đã xuất bản được 21 số, đăng tải 242 bài báo khoa học có chất lượng.

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển, Ban Biên dịch bước đầu triển khai kế hoạch hoạt động góp phần làm cho hoạt động khoa học của Trường thêm phong phú, đa dạng.

- Kết quả hoạt động KHCN năm 2019:

- + Chủ trì 02 đề tài cấp Quốc gia, gồm: 01 đề tài do Bộ KH&CN cấp kinh phí, 01 đề tài do Nafosted tài trợ; 04 đề tài cấp tỉnh, trong đó 03 đề tài của Bình Dương và 01 đề tài của Bình Thuận; 115 đề tài cấp cơ sở (trong đó, có 22 đề tài đã nghiệm thu, 40 đề tài đã ký hợp đồng thực hiện, 21 đề tài đã duyệt đề cương, 32 đề tài chưa duyệt đề cương). Hiện đang tổ chức lấy ý kiến chuyên gia để ban hành danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Trường năm 2018 với 54 đề tài và 24 tài liệu giảng dạy.

- + Phối hợp tổ chức thành công 03 hội thảo khoa học Quốc tế và 02 hội thảo Quốc gia: (1) Công tác xã hội và an sinh xã hội trong bối cảnh cộng đồng ASEAN, (2) Khoa học Xã hội và Nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, (3) Kết nối

với Việt Nam lần thứ 9 – Đối thoại liên ngành; (4) Vai trò của công tác quản trị địa phương đối với sự phát triển bền vững của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, (5) 50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968 - 2018) - Giá trị lý luận và thực tiễn.

+ Các đơn vị đã chủ động hình thành 26 nhóm nghiên cứu (khoa Kỹ thuật - Công nghệ 03, khoa Khoa học Tự nhiên 07, khoa Hành chính – Luật 04, khoa Sử 03, khoa Ngoại ngữ 03, khoa Ngữ văn 02, khoa Khoa học Quản lý) 02, khoa Sư phạm 02).

+ Nghiên cứu khoa học trong sinh viên: Sinh viên đã thực hiện 288 đề tài. Các em đạt 02 giải ba, 02 khuyến khích cuộc thi "Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2017 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đạt Top 10 tác phẩm xuất sắc vòng chung kết Cuộc thi "Biến đổi khí hậu cuộc sống" năm 2017 do Tạp chí điện tử Môi trường và Cuộc sống tổ chức.

* **Về đội ngũ cán bộ, giảng viên có học hàm, học vị:** Tính đến 5/2020 là: 732 người. Số giảng viên là 632 người, về chức danh và trình độ đào tạo cụ thể như sau: PGS-TS: 20, TS: 120, ThS: 502 với 112 CB-GV đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

* **Về tình hình hợp tác quốc tế:**

Từ năm 2013 đến nay, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Điển hình: học tập, trao đổi kinh nghiệm tại trường Đại học Thammasat (Vương Quốc Thái Lan); tham dự “Diễn đàn giáo dục Đài – Việt” lần thứ 3 (Trường Đại học Nghĩa Thu, thành phố Cao Hùng); tham dự Hội nghị CDIO thế giới lần thứ 11 (Trường Đại học Công nghệ Thông tin Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) và thực hiện thành công báo cáo xin gia nhập Tổ chức CDIO thế giới. Hiện nay Trường Đại học Thủ Dầu Một là thành viên thứ 3 của Việt Nam tham gia tổ chức CDIO thế giới sau Đại học Quốc gia TP HCM và Đại học Duy Tân,...

Hoạt động quan hệ quốc tế của Nhà trường tiếp tục mở rộng. Trường đã tiếp đoàn đại biểu Trường Đại học Kyungseong, Viện Trao đổi Văn hóa Quốc tế Hàn Quốc, Trường Nhật ngữ An (Nhật Bản), Đại học Nam Columbia, Đại sứ quán Australia tại Hà Nội,... để tìm hiểu trao đổi, mở rộng quan hệ hợp tác; ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Đại học Woosong về thành lập Trung tâm Hàn ngữ, trao đổi Chương trình đào tạo và giảng viên; ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Học viện Kinh tế Kỹ thuật Bình Đông – Đài Loan để hợp tác đào tạo cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại các tỉnh Đông Nam Bộ.

Hiện Trường đang cùng với Đại học Kyungseong thực hiện các bước cần thiết để thành lập Trung tâm ngôn ngữ Hàn – Việt đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Hiện Trường đang đào tạo 25 sinh viên Lào, theo học các ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng và Công nghệ thông tin.

* **Về cơ sở vật chất của Nhà trường:**

+ Về quy mô đất: Tổng diện tích đất: 64,36 ha

+ Về cơ sở vật chất: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo: 30.867,2m²

Trong đó:

1. Diện tích giảng đường/phòng học: 18.784,2m² (với 136 phòng học, 13 phòng bộ môn), các phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, hệ thống âm thanh, chiếu sáng, hệ thống wifi phủ sóng trong toàn trường,...

2. Phòng Thư viện: 992m² (gồm 01 kho sách, 01 phòng đọc, 01 phòng đọc giảng viên).

3. Phòng thí nghiệm: 4,654m² (gồm 21 phòng)

4. Nhà xưởng thực hành: 3.102,68m²

*** Về công tác quản trị đại học**

Trường thực hiện mô hình quản trị trường Đại học 02 cấp: cấp Trường và cấp Khoa; phân cấp quản lý và phân quyền tự chủ cho các khoa chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác quản lý có nhiều chuyển biến tích cực. Bộ máy được sắp xếp hợp lý với 14 khoa, 18 phòng, ban chức năng và 08 trung tâm. Đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình để giải quyết công việc. Đã xây dựng cơ chế phối hợp giữa các phòng, ban, khoa; cơ chế kiểm tra, giám sát.

Trang thông tin điện tử của Trường được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, là kênh thông tin chủ lực đẩy mạnh truyền thông cho Nhà trường, tạo dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh.

*** Về công tác đảm bảo chất lượng**

Hiện nay, Nhà trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các ngành học, ở cả hệ chính quy và thường xuyên. Công tác đào tạo của Trường được quản lý bằng phần mềm Edusoft, tích hợp các tiện ích: từ đăng ký môn học đến nhập điểm, xem thời khóa biểu,...

Từ năm học 2014-2015, triển khai thực hiện đề xướng CDIO để phát triển chất lượng đào tạo một cách toàn diện và có hệ thống. Đây được xem là hướng cải tiến mới mà Đại học Quốc gia Tp. HCM và các Đại học thành viên đang tích cực áp dụng.

CDIO là kim chỉ nam hướng dẫn công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện liên tục và hiệu quả. Đảm bảo vững chắc từng bước đạt được các tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam, khu vực (AUN) và thế giới như chiến lược đặt ra.

Năm 2014, hoàn thành đánh giá trong. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành đánh giá trong và được xếp hạng thứ 196 trên tổng số 345 trường Đại học tại Việt Nam.

Tháng 11/2017, Trường đã đạt chuẩn chất lượng giáo quốc gia.

Tháng 12/2017, Trường là thành viên liên kết của tổ chức AUN.

Thành lập Ban phát triển chất lượng đào tạo, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách và điều phối việc cải tiến nội dung, chất lượng chương trình theo CDIO của toàn Trường. Mục tiêu là để chương trình đào tạo được cải tiến không ngừng và chất lượng đào tạo luôn luôn được nâng lên.

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO

2.1 Kết quả khảo sát nguồn nhân lực

Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục thuộc Bộ GD-ĐT cho biết, đến năm 2020, nước ta sẽ cần ít nhất là 30.000 lao động chuyên sâu trong lĩnh vực này.

Tỉnh Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao nhất cả nước; riêng trên địa bàn tỉnh hiện có 28 KCN với 1.280 dự án đầu tư vào các KCN tạo việc làm cho hơn 200 ngàn công nhân lao động (và dự kiến đến năm 2020 có khoảng 40 KCN) đã đem lại giá trị sản phẩm thực tế cho tỉnh rất cao. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho các công tác chuyên môn có liên quan đến công nghệ thực phẩm và an toàn thực phẩm trong các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước,... cũng rất lớn.

Chính vì vậy, việc phát triển ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐH Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của đất nước, vùng,

tỉnh về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nhằm nắm bắt công nghệ mới, đưa các ứng dụng khoa học công nghệ vào phục vụ sản xuất và đời sống.

2.2 Thực tiễn đào tạo công nghệ thực phẩm ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Đào tạo về Công nghệ thực phẩm bậc đại học của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện có ở một số trường Đại học sau đây:

- Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh Thành lập Khoa Công nghệ thực phẩm năm 1983, hiện nay khoa đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm, khoảng 100 kỹ sư được đào tạo hàng năm.

- Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thành lập khoa Công nghệ thực phẩm từ 1998, đào tạo 2 ngành chính là: Bảo quản và chế biến nông sản, và Chế biến thủy sản. Hàng năm đào tạo khoảng 100-200 kỹ sư thuộc hai ngành trên.

- Ngoài ra ngành Công nghệ thực phẩm còn được đào tạo tại các Trường: Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM, Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH), Đại học Quốc tế (Đại học Quốc gia TP.HCM), Đại học Công nghệ Sài Gòn...

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các công ty nước ngoài tăng cường đầu tư vào Việt Nam, trong đó có rất nhiều công ty đầu tư vào lĩnh vực Công nghệ thực phẩm, đồ uống như: đồ giải khát, bia, rượu, các nhà máy sản xuất đồ hộp, mì sợi, các loại thực phẩm chức năng.... nguồn nhân lực cung cấp cho thị trường lao động về Công nghệ thực phẩm còn rất thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu về năng lực kiến thức.

Do đó, việc mở ngành đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là yêu cầu cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực rất lớn tại chỗ cho các khu Công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan quản lý của tỉnh Bình Dương và lân cận là Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Đắk Nông...

3. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG ĐỐI VỚI NHỮNG NGÀNH ĐANG ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Năm học đầu tiên sau ngày thành lập, Trường chỉ đào tạo 06 ngành đại học, 06 ngành cao đẳng với tổng quy mô sinh viên 2.288. Đến năm học 2016 - 2017, Trường đang đào tạo 26 ngành đại học, 09 ngành cao học, với tổng quy mô 14.348 sinh viên, học viên, tăng gấp 07 lần sau 06 năm hoạt động.

Sau 07 năm hoạt động, Trường đã có 5.780 sinh viên tốt nghiệp (TC:1.326, CĐ: 3.542, ĐH: 912) với tỉ lệ khá, giỏi cao: 45%. Hầu hết sinh viên ra trường đều tìm được việc làm phù hợp, đạt tỷ lệ: 86,21% đối với hệ cao đẳng và 85,24% đối với hệ đại học, đặc biệt là sinh viên ngành sư phạm được các đơn vị người sử dụng lao động đánh giá cao.

4. GIỚI THIỆU VỀ KHOA SẼ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO

4.1 Sự ra đời, chức năng, nhiệm vụ

a) Sự ra đời

Ngành Công nghệ thực phẩm thuộc Khoa Khoa học Tự nhiên (tiền thân là khoa Công nghệ Sinh học, khoa Tài nguyên Môi trường và khoa Tự nhiên) của trường Đại

học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 341/QĐ-ĐHTDM ngày 17 tháng 10 năm 2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập các khoa thuộc trường Đại học Thủ Dầu Một.

b) Chức năng

- **Chức năng tham mưu:** Tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, định hướng phát triển các ngành, chuyên ngành học của Khoa.

- **Chức năng quản lý:** Quản lý công tác chuyên môn, quản lý nhân sự và quản lý sinh viên thuộc trách nhiệm và thẩm quyền.

c) Nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo năm học và toàn khóa học, tổ chức thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ giảng dạy được giao.

2. Tổ chức biên soạn giáo trình môn học, bài giảng, bài tập thực hành và các tài liệu khác phục vụ công tác đào tạo, quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung môn học, chất lượng giảng dạy môn học thuộc Khoa đảm nhiệm.

3. Nghiên cứu nhu cầu đào tạo trong xã hội để phát triển ngành học; từng bước hoàn thiện mục tiêu, chương trình đào tạo, không ngừng đổi mới, hoàn thiện giáo trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và cập nhật các tài liệu phục vụ giảng dạy.

4. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học của Khoa, tổ chức thực hiện các đề tài khoa học được giao, tham gia hội thảo khoa học trong nước, ngoài nước theo chương trình hợp tác của trường.

5. Bồi dưỡng giảng viên mới, tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên theo qui định.

6. Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đào tạo sau đại học, thuộc lĩnh vực được giao.

7. Tổ chức cho sinh viên năm thứ 3 thứ 4, thuộc Khoa, tiến hành nghiên cứu khoa học, tham gia các câu lạc bộ khoa học của trường để rèn luyện cho sinh viên tính tư duy khoa học và tính chủ động sáng tạo.

8. Tổ chức thực hiện các dự án đào tạo theo chương trình hợp tác quốc tế được trường phân công; chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan để mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình hợp tác, trình Hiệu trưởng quyết định.

9. Quản lý sinh viên các hệ đào tạo của khoa, sinh viên thuộc diện đào tạo liên thông, đào tạo văn bằng 2 thuộc khoa theo quy chế của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo quy định của trường. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quyết định của Hiệu trưởng về quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy; quy định công tác giáo viên chủ nhiệm; quy định về ban đại diện lớp; đề xuất việc thực hiện chế độ, chính sách cũng như công tác khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên thuộc khoa.

10. Thiết lập mối quan hệ với cựu sinh viên đã tốt nghiệp để thu thập nguồn thông tin cần thiết, nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của trường.

11. Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo định kỳ về nội dung hoạt động chuyên môn, tình hình và chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng như tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên thuộc thẩm quyền quản lý của Khoa.

12. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nhằm nâng cao năng lực làm việc và hiệu quả của công tác đơn vị.

13. Quản lý và sử dụng có hiệu quả lao động, cơ sở vật chất và các phương tiện, thiết bị được nhà trường giao.

4.2 Cơ cấu tổ chức khoa

- Ban chủ nhiệm Khoa

1. TS. Võ Viết Trí – Trưởng khoa

2. Nguyễn Thị Kim Ngân – Phó Trưởng khoa

- Các tổ bộ môn (chương trình): có 06 chương trình: Sinh học ứng dụng, Toán học, Vật lý học, Hóa học, Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm.

- Nhân sự của Khoa Khoa học Tự nhiên: hiện có 86 giảng viên, trong đó gồm: 01 Phó giáo sư, 11 Tiến sĩ, 71 Thạc sĩ và 03 Cử nhân.

4.3. Các loại hình đào tạo

Bậc đào tạo đại học, gồm có 5 ngành hệ đại học chính quy tập trung và 01 ngành cao đẳng chính quy: Thời gian đào tạo 4 năm cho các ngành đại học gồm có các ngành: Sinh học ứng dụng, Toán học, Vật lý học, Hóa học, Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

5. LÝ DO ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Việc kiểm soát chất lượng thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm có ý nghĩa rất lớn đối với đời sống con người. Nhận thức được tầm quan trọng đó, các quốc gia phát triển luôn ưu tiên đầu tư rất lớn cho những nghiên cứu và những kế hoạch mang giá trị thực tế cao. Ngành thực phẩm được xem là lĩnh vực vô cùng quan trọng trong cuộc sống của cộng đồng, đặc biệt là các quốc gia như Mỹ, Châu Âu, Nhật, Hàn, Thái Lan,... Ngành này không chỉ bó hẹp ở lĩnh vực thực phẩm mà còn là ngành học của sức khỏe, khoa học thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Quyết tâm phát triển công nghệ cao trong đó có Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm được thể hiện qua hàng loạt các văn bản của Đảng và Chính phủ kế tiếp nhau theo thời gian: Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, Luật KH&CN, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khoá IX mới đây. Những quan điểm trên được cụ thể hoá, phát triển phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế khi Việt Nam ra nhập WTO. Giai đoạn từ nay đến năm 2010: Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi kỹ thuật tiên bộ trong ngành nông – lâm – ngư nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ thực phẩm nhằm phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên sinh học nhiệt đới, nâng cao giá trị hàng hóa, tăng sức cạnh tranh của nông sản xuất khẩu ngang bằng với các nước có nền nông nghiệp phát triển trong khu vực. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đáng kể đời sống nhân dân và bộ mặt nông thôn ở Việt Nam. Công nghệ chế biến và kiểm định chất lượng thực phẩm được chú trọng phát triển các lĩnh vực sau:

Công nghệ sơ chế: đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng công nghệ trong sơ chế, phân loại, làm sạch, đóng gói với những loại bao bì thích hợp, màng thông minh nhằm tạo ra các nông phẩm chất lượng cao, ổn định và đồng nhất phục vụ xuất khẩu và nhu cầu trong nước. Tập trung giải quyết các công nghệ có quy mô nhỏ và vừa phục vụ yêu cầu sơ chế tại chỗ của các hộ, nhóm hộ, nhằm cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt cho các cơ sở chế biến tập trung.

Công nghệ bảo quản: Chú trọng phổ cập các công nghệ làm khô lúa và hoa màu sau thu hoạch. Tiếp thu và phổ cập các công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an

toàn thực phẩm để bảo quản rau, hoa, quả tươi, các mặt hàng thủy sản, các sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Nghiên cứu sử dụng chất bảo quản sinh học, chất bảo quản có nguồn gốc tự nhiên, từng bước thay thế chất bảo quản hoá học có độc tính cao.

Công nghệ chế biến và kiểm định: Tận dụng mọi khả năng để tiếp cận các công nghệ chế biến và kiểm nghiệm tiên tiến phù hợp, đa dạng, nâng cao chất lượng thực phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Đặc biệt, chú trọng nâng cấp, hiện đại hoá công nghệ chế biến đối với một số sản phẩm có lợi thế và có triển vọng xuất khẩu của Việt Nam như gạo, thủy sản, cà phê, chè, điều, cao su, sản phẩm thịt, sữa, rau, quả, nước quả, dầu thực vật v.v...

Hiện đại hoá hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản, thực phẩm chế biến theo công nghệ tương hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng xuất khẩu và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nước.

An toàn thực phẩm: Chính phủ Việt Nam đã ban hành các văn bản về an toàn sinh học, trong đó vấn đề an toàn thực phẩm rất được quan tâm phát triển nhằm ngăn chặn tình trạng mất an toàn hiện nay. Tháng 10 năm 2004, Việt Nam ban hành về chương trình hành động thực hiện "an toàn sinh học" theo hiệp ước "Cartagena". Trong đó nhấn mạnh thực hiện trên cơ sở pháp lý về an toàn sinh học, các hoạt động được đề cập là vấn đề quản lý, kiểm soát an toàn sinh học đối với các lĩnh vực như: sức khỏe, môi trường, thực phẩm, công nghệ gen... Chính phủ Việt Nam thông qua các Bộ (như Bộ KH-CN, Bộ Tài Nguyên Môi Trường, Bộ Y Tế...) phát triển nhiều chương trình nghiên cứu, đánh giá và chuyển giao về an toàn sinh học trong đó có an toàn thực phẩm, hướng tới việc sử dụng sản phẩm an toàn, sạch và nâng cao sức khỏe.

Trước tình hình trên, việc mở ngành đào tạo bậc đại học ngành Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là cần thiết, đóng góp vào chủ trương chiến lược chung của Nhà nước và phục vụ đào tạo nguồn nhân lực cho Bình Dương, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đông Nam Bộ.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1. Năng lực của cơ sở đào tạo

1.1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên

1.1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong: Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1.	Nguyễn Phước Minh, 1981, Giám đốc CTĐT	TS, ĐH Bách Khoa - ĐH Quốc Gia Tp. HCM, 2008	Công nghệ thực phẩm và đồ uống	ĐH TDM, 2020	Đúng	

2.	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1977, Giảng viên	TS, VN, 2020	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2009	Đúng	
3.	Lê Nguyễn Uyên Chi	TS, Hàn Quốc, 2011	Y học phân tử	ĐH TDM, 2015	Đúng	
4.	Nguyễn Thị Bích Thảo, 1988, Giảng viên	ThS, Pháp, 2012	Sinh học, Sức khỏe chất lượng và môi trường trong thức ăn và sản xuất chăn nuôi	ĐH TDM, 2020	Đúng	
5.	Nguyễn Bằng Phi, 1984, Giảng viên	NCS, ThS, Pháp,	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2014	Đúng	
6.	Nguyễn Anh Dũng, 1985, Giảng viên	ThS, VN, 2010	Vi sinh vật học	ĐH TDM, 2010	Đúng	
7.	Phạm Thị Mỹ Trâm, 1985, Giảng viên	ThS, VN, 2012	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2014	Đúng	
8.	Lê Thị Thu Huệ, 1979, Giảng viên	ThS, VN, 2009	Sinh học động vật	ĐH TDM, 2009	Đúng	
9.	Nguyễn Thị Liên, 1986, Giảng viên	ThS, VN, 2013	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2012	Đúng	
10.	Vương Lợi, 1980, Giảng viên	NCS, ThS, VN, 2007	Sinh học	ĐH TDM, 2016	Đúng	
11.	Phạm Đình Dũ, 1979, Giảng viên	TS, Việt Nam, 2012	Hóa	2013	Đúng	
12.	Nguyễn Thị Lợi, 1988, Giảng viên	ThS, VN, 2013	Hóa phân tích	ĐH TDM, 2016	Đúng	
13.	Đặng Trung Thành, 1976, GV	ThS, VN, 2008	Nông nghiệp	ĐH TDM, 2012	Đúng	
14.	Lê Thị Huỳnh Như, 1984, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2010	Hóa Phân Tích	ĐH TDM, 2011	Đúng	

15.	Lưu Huỳnh Vạn Long, 1983, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2013	Hóa hữu cơ	ĐH TDM, 2010	Đúng	
16.	Phạm Thị Hồng Duyên	ThS, Nga, 2010	Hóa hữu cơ	ĐH TDM, 2010	Đúng	
17.	Nguyễn Thị Bích Trâm	TS, VN, 2016	Hóa hữu cơ	ĐH TDM, 2009	Đúng	
18.	Nguyễn Vinh Hiền, 1980, Giảng viên	ThS, VN, 2007	Sinh học	ĐH TDM, 2009	Đúng	

1.1.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Ngô Đại Nghiệp, 1975, Trưởng Khoa–	PGS, TS, Hàn Quốc, 2010	Công nghệ sinh học	ĐH KH Tự nhiên	Đúng	

1.1.3. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu:

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Liên Thương, 1981, Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Thực Nghiệm	Tiến Sĩ, 2012	Công nghệ sinh học	ĐH TDM, 2012	Đúng	
2	Vương Lợi, 1980, Phó Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Thực Nghiệm	Thạc sĩ, 2007	Sinh học	ĐH TDM, 03/2011	Đúng	
4	Nguyễn Trung Hiếu, 1983, Cán Bộ PTN	Thạc sĩ, 2012	Hóa Học	ĐH TDM, 2013	Đúng	
5	Huỳnh Kim Ngân, 1986, Cán Bộ PTN	Thạc sĩ, 2017	Hóa Học	ĐH TDM, 2017	Đúng	

T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
6	Cao Hồ Kim Ngân, 1996, Nhân viên PTN	Cử Nhân, 2018	Hóa Học	ĐH TDM, 2018	Đúng	
7	Lê Lã Vương Linh, Cán bộ PTN	Thạc sỹ, 2006	Vật Lý	ĐH TDM, 2006	Đúng	
8	Lê Hữu Thương, 1975, Cán bộ PTN	Thạc Sỹ, 2006	Môi Trường	ĐH TDM, 2009	Đúng	
9	Huỳnh Nguyên Thảo Vy, 1986, Nhân viên PTN	Thạc sỹ, 2018	Sinh Học	ĐH TDM, 2018	Đúng	
10	Lê Anh Duy, 1990, Cán bộ Trung Tâm	Đại Học, 2014	Kỹ sư CN Sinh Học	ĐH TDM, 2016	Đúng	
11	Lê Duy Khánh, 1994, Nhân viên PTN	Đại học, 2016	Khoa học môi trường	ĐH TDM, 2017	Đúng	
12	Nguyễn Thị Thanh Thảo, 1981, Cán bộ Trung Tâm	Đại Học, 2008	Dược Sỹ	ĐH TDM, 2014	Đúng	
13	Phạm Văn Thế, 1981, Cán bộ Trung Tâm	Tiến Sỹ, 2019	Sinh Học	ĐH TDM, 2019	Đúng	
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1990, Nhân viên trung tâm thực nghiệm	Cử nhân, 2014	Kế toán kiểm toán	2018	Đúng	

1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình

1.2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số T T	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ,	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)		

	<i>phòng máy tính...)</i>								
1	Phòng máy tính	8	1.135,7	Máy vi tính	464			Đúng	
2	Phòng học ngoại ngữ	23	1.285,6	Đầu video CD, Tivi, máy cattsete				Đúng	
3	Phòng nhạc, họa	6	746,1	Đàn organ yamaha, đàn guitar, đàn piano, bộ gõ...				Đúng	
4	Thư viện/Trung tâm học liệu	5	1,980	Máy tính phục vụ tra cứu	40			Đúng	
5	Phòng thí nghiệm	16	4,654	Các thiết bị thực hành Lý, Hóa, Sinh...				Đúng	
6	Xưởng thực tập, thực hành	14	3,698.5	Các thiết bị thực hành Điện-điện tử, Môi trường, Kiến trúc, Xây dựng, Chế biến lâm sản...				Đúng	
7	Nhà tập đa năng	1	836.5	Hệ thống âm thanh, ánh sáng, công cụ,				Đúng	

				dụng cụ...					
8	Hội trường/giảng đường/phòng học	169	20.357	Projector, Hệ thống âm thanh, ánh sáng, tivi, máy lạnh	169	Các học phần		Đúng	

1.2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1	Phòng thí nghiệm Hóa Hữu Cơ	90	Bếp gia nhiệt hồng ngoại nhiệt độ cao	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Máy lắc ngang	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Máy lắc sàng/D0407/B, Controls	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Máy ly tâm lạnh Universal 320R	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
			Bơm hút chân không	1 bộ	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	

			Thiết bị đo độ ẩm/625, Testo	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa môi trường	Đúng	
			Thiết bị phá mẫu vi sóng/Anton Paar	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
			Tủ lạnh/Panasonic	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ, Hóa Đại Cương	Đúng	
			Tủ ủ mẫu/AL654, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa Hữu Cơ	Đúng	
2	Phòng thí nghiệm Phân tích	90	Đĩa Secchi đo độ trong	1	Công nghệ xử lý chất thải	Đúng	
			Giá kẹp bình tam giác 100ml	23	Hóa phân tích,	Đúng	
			Giá kẹp bình tam giác 250ml	11	Hóa phân tích	Đúng	
			Máy đo chất rắn lơ lửng/ AL250, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo pH cầm tay/Sension ⁺ , Hach	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo hàm lượng dầu trong nước/OCMA350, Horiba	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	

			Máy đo DO/MW600, Minwaukee	2	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy phân tích nước đa chỉ tiêu	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Thiết bị lấy mẫu nước ngầm /220234, Ben Meadows	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Tủ sấy 250 ⁰ C/ Ecocell L111, MMM	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy cất nước một lần/WSC/4S, Hamilton	1	Hóa phân tích,	Đúng	
			Dụng cụ lấy mẫu nước kiểu ngang/1120-G42, Wildco	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Máy đo pH cầm tay/Sension ⁺ , Hach	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Thiết bị đo độ sâu mực nước/WL16, Global Water	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Bộ đo BOD 6 chỗ/AL606, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	

			Máy đo COD/AL250, Aqualytic	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
			Bộ phá mẫu xác định COD, TOC... /DRB 200	1	Hóa phân tích, Hóa môi trường	Đúng	
3	Phòng thí nghiệm Hóa Thực Phẩm	90	Bếp chung cách thủy/WNB 14, Memmert	1	hóa sinh học	Đúng	
			Nồi hấp diệt khuẩn	1	Hóa học thực phẩm, hóa sinh học	Đúng	
			Thiết bị lấy mẫu phiêu sinh vật/ Wisconsin, Wilco	2	Hóa học thực phẩm, hóa sinh học	Đúng	
			Tủ cấy vi sinh	1	Hóa học thực phẩm	Đúng	
			Kính hiển vi	1	Hóa học thực phẩm,	Đúng	
			Cân kỹ thuật/CPA3202S, Sartorius	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Cân phân tích/PA214C, Ohaus	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Hệ thống lọc hút chân không	1	Hóa sinh, Hóa phân tích, Hóa	Đúng	

					Hữu Cơ, Hóa Đại Cương		
			Hệ thống xác định đạm tự động/Buchi - Thiết bị chưng cất đạm Kjeldahl/K355 - Thiết bị phá hủy mẫu/K425 - Thiết bị hút hơi độc/B414	1	Hóa phân tích, Hóa thực phẩm	Đúng	
			Lò nung điện tử/LE14/11- B150, Nabertherm	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy đo pH để bàn/MW100, Minwaukee	4	Hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy khuấy từ có gia nhiệt/ C- MAG HS4, IKA	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	
			Máy quang phổ hấp thụ phân tử/V-630, Jasco (kèm theo máy tính để bàn LG và Máy in ML – 1670, Samsung)	1	Hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý	Đúng	

1.2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1980 m²; Diện tích phòng đọc: 1410 m²
- Số chỗ ngồi: 468 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 34
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn ;
- Số lượng sách, giáo trình điện tử:

+ Tài liệu dạng giấy 20.700
 + Tài liệu điện tử: 26.000 (trong đó sách 4.832, bài báo tạp chí 20.365, các loại khác 803)

(Ghi chú: số liệu thống kê đến ngày 31/5/2019)

1.2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

S T T	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Gh i chú
1	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>	PGS.TS. Nguyễn Việt Thông	Chính trị Quốc gia-sự thật	2011	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Đúng	
2	<i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	Chính trị Quốc gia	2012	5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đúng	
3	<i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	Phạm Ngọc Anh	Chính trị Quốc gia-Sự thật	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đúng	
4	<i>Giáo trình pháp luật đại cương: Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Luật</i>	Mai Hồng Quỳ (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2015	20	Pháp luật Đại cương	Đúng	
5	<i>Giáo trình xã hội học đại cương</i>	ThS. Tạ minh	Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	2007	3	Xã hội học đại cương	Đúng	
6	<i>Dân tộc học đại cương</i>	Lê Sĩ Giáo, Hoàng	Giáo dục	2009	10	Dân tộc học	Đúng	

		Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng						
7	<i>Giáo trình tâm lí học đại cương</i>	GS. TS. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), TS. Nguyễn Văn Lũy, TS. Đinh Văn Vang	Đại học sư phạm	2013	10	Tâm lý học đại cương	Đúng	
8	<i>Essential English for students of science</i>	Trần Thị Nga	Giáo dục	2005	2	Anh văn căn bản 1	Đúng	
9	<i>Toán cao cấp A1. Phần đại số tuyến tính: Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm</i>	Nguyễn Duy Thuận	Giáo dục	2001	1	<i>Toán cao cấp A1, A2</i>	Đúng	
10	<i>Vật lý đại cương tập 1, Cơ-Nhiệt-Điện-Dao động-Sóng</i>	Cao Long Vân	Giáo dục	2008	10	Vật lý đại cương B1	Đúng	
11	<i>Vật lý đại cương tập 2, Điện-Dao động-Sóng: Dùng cho các trường đại học khối kĩ thuật công nghiệp</i>	Lương Duyên Bình, Dư Trí Công, Nguyễn Hữu Hồ	Giáo dục Việt Nam	2010	10	Vật lý đại cương B2	Đúng	
12	<i>Sinh học đại cương tập 1, Sinh học phân tử - tế bào</i>	Hoàng Đức Cự	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	2	Sinh học đại cương	Đúng	
13	<i>Sinh học (Biology tập 1)</i>	W. D. Phillips, T. J. Chilton;	Giáo dục Việt Nam	2009	10		Đúng	

		Nguyễn Bá, Nguyễn Mộng Hùng, Hoàng Đức Cự và những người khác (dịch).						
14	<i>Sinh học đại cương: Sinh học thực vật, Sinh học động vật</i>	PGS. TS. Nguyễn Đình Giàu.	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2000	10		Đúng	
15	<i>Hóa học đại cương: Dành cho sinh viên không thuộc chuyên ngành Hóa</i>	Lâm Ngọc Thềm (Chủ biên), Bùi Duy Cam	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	15	Hóa đại cương	Đúng	
16	<i>Thí nghiệm hóa vô cơ: Thí nghiệm hoá đại cương-vô cơ 2</i>	Bộ môn hóa vô cơ-Trường đại học bách khoa-Đại học Quốc gia TP.HCM	Đại học Quốc gia TP.HC M	2008	10	Thực hành hóa học	Đúng	
17	<i>Giáo trình thực tập hoá đại cương B-Tái bản lần thứ hai-có sửa chữa</i>	Võ Duy Thanh, Võ Văn Bé	Đại học Quốc gia TP.HC M	2008	10		Đúng	
18	<i>Giáo trình Môi trường và con người</i>	Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan	Giáo dục Việt Nam	2014	10	Môi trường và con người	Đúng	

19	<i>Giáo trình điện kinh</i>	Nguyễn Kim Minh	NXB. Đại học Sư phạm	2004	38	Giáo dục thể chất 1	Đúng	
20	<i>Giáo trình bóng chuyền</i>	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	1	Giáo dục thể chất 2	Đúng	
21	<i>Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	Đào Huy Hiệp và cộng sự	Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng	Đúng	
22	<i>Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh. Tập 2: Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng-Tái bản lần thứ ba</i>	Nguyễn Tiến Hải và cộng sự	Giáo dục Việt Nam	2011	1001		Đúng	
23	<i>Hóa sinh học: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm</i>	Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thy Thu	ĐHSP	2005	44	Sinh học đại cương	Đúng	
24	<i>Hóa sinh nông nghiệp</i>	Nguyễn Thị Hiền	ĐHSP	2003	7		Đúng	
25	<i>Nhập môn Công Nghệ Sinh Học</i>	Phạm Thành Hồ	Giáo Dục	2005	3	Nhập môn Công nghệ thực phẩm	Đúng	
26	<i>Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	Nguyễn Quang Thạch	ĐHSP	ĐHSP 2005	48		Đúng	
27	<i>Sinh học phân tử</i>	Hồ Huỳnh Thùy Dương	Giáo Dục	2008	5	Sinh học phân tử	Đúng	
28	<i>Vi sinh vật học</i>	Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quỳ, Phạm Văn Ty	Giáo dục	2009	10	Vi sinh vật học	Đúng	
29	<i>Giáo trình sinh lí thực vật</i>	Hoàng Minh Tuấn	ĐHSP	2004	49	Sinh lý thực vật	Đúng	

30	<i>Sinh lý học thực vật</i>	PGS. Nguyễn Bá Lộc	ĐH Huế	2011			Đúng	
31	<i>Giáo trình sinh lý học thực vật</i>	Nguyễn Như Khanh	ĐHSP	2007	49		Đúng	
32	<i>Giáo trình sinh lý học thực vật</i>	Hoàng Minh Tấn	ĐHSP	2003	6		Đúng	
36	<i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học</i>	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	2011	9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đúng	
37	<i>Mô hình hóa môi trường</i>	Bùi Tá Long	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	5	Phương pháp thống kê và bố trí thí nghiệm	Đúng	
38	<i>Biology: concepts and applications</i>	Cecie Starr, Christine A. Evers, Lisa Starr	Thomson	2008	1	Anh văn chuyên ngành 1	Đúng	
39	<i>Từ điển Sinh học phổ thông</i>	Lê Đình Lương (chủ biên), Nguyễn Bá, Thái Trần Bái...	2001	Giáo dục	2	Anh văn chuyên ngành 2	Đúng	
40	<i>Bảo vệ thực vật</i>	Hà Huy Niên	ĐHSP	2005	50	Bệnh học cây trồng	Đúng	
42	<i>Giáo trình Miễn Dịch Học</i>	Huỳnh Đình Chiến	Đại học Huế	2006	3	Miễn dịch học đại	Đúng	
43	<i>Miễn dịch học cơ sở</i>	Đỗ Ngọc Liên	ĐHQG HN	2008	10	cương	Đúng	
44	<i>Virus học</i>	Phạm Văn Ty	Giáo dục	2007	3	Virus	Đúng	
45	<i>Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp: Dành cho sinh viên các</i>	PGS. TS. Nguyễn Xuân	Giáo dục	2007	5	Vi sinh học công nghiệp	Đúng	

	<i>trường Đại học, Cao đẳng, Trung học kỹ thuật và dạy nghề</i>	Thành (chủ biên), TS. Nguyễn Bá Hiền, GV. Vũ Thị Hoàn						
46	<i>Giáo trình vi sinh học</i>	Nguyễn Thành Đạt	ĐHSP	2007	48		Đúng	
47	<i>Công nghệ sinh học, tập ba, Enzyme và ứng dụng: Dành cho sinh viên ĐH, CĐ chuyên và không chuyên ngành CNSH, giáo viên và học sinh THPT</i>	GS. TSKH. Phạm Thị Trân Châu, PGS. TS. Phan Tuấn Nghĩa	Giáo dục Việt Nam	2009	5	Công nghệ protein-enzyme	Đúng	
48	<i>Giáo trình enzyme</i>	Đỗ Quý Hai, Trần Thanh Phong	Đại học Huế	2008	3		Đúng	
49	<i>Hóa phân tích, tập 2</i>	Phùng Thế Đồng, Trần Thị Trúc Thanh, Phan Thanh Dũng, Nguyễn Hữu Lạc Thủy	Giáo dục Việt Nam	2009	3	Hóa phân tích	Đúng	
50	<i>Sinh học phân tử</i>	Hồ Huỳnh Thùy Dương	Giáo dục		3	Kỹ thuật di truyền 1, 2	Đúng	

51	<i>Sinh học phân tử</i>	Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lệ, Hà Thị Minh Thi	Đại học Huế	2007	3	Kỹ thuật di truyền 1, 2	Đúng	
52	<i>Hình thái - giải phẫu học thực vật</i>	Hoàng Thị Sản	ĐHSP	2004	49	Thực tập cơ sở 1 (trồng trọt)	Đúng	
53	<i>Giáo trình tập tính học động vật</i>	Lê Vũ Khôi, Lê Nguyên Ngật	Giáo dục Việt Nam	2012	10	Thực tập cơ sở 2 (chăn nuôi)	Đúng	
54	<i>Tự học nghề trồng nấm</i>	Nguyễn Lân Dũng	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2006	3	Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	Đúng	
55	<i>Ứng dụng tin học trong sinh học</i>	Chu Văn Mẫn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	3	Sinh tin học	Đúng	
56	<i>Công nghệ chuyển gen ở động-thực vật</i>	Trần Quốc Dung, Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lệ	Đại học Huế	2010	3	Công nghệ tế bào động vật ứng dụng	Đúng	
57	<i>Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	Nguyễn Quang Thạch	ĐHSP	2005	48	Công nghệ cấy truyền phôi động vật	Đúng	
58	<i>Nuôi cấy mô tế bào thực vật và ứng dụng</i>	Nguyễn Đức Thành	Nông nghiệp Hà Nội	2000	3	Nuôi cấy mô thực vật	Đúng	
59	<i>Bài giảng công nghệ sau thu hoạch.</i>	Hồ Bích Liên		2012	3	Công nghệ sau thu hoạch	Đúng	
60	<i>Điện tử y sinh học</i>	Huỳnh Thu, Hồ	Đại học Quốc gia	2005	10	Cơ sở vật lý y sinh học	Đúng	

		Trung Mỹ	TP.HC M					
61	<i>Giáo trình công nghệ vi sinh vật xử lý chất thải</i>	Lê Gia Hy	Quốc gia Việt Nam	2010	5	Công nghệ sản xuất phân sinh học và phân hữu cơ	Đúng	
62	<i>Thức ăn và dinh dưỡng động vật</i>	Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng	Nông nghiệp TP HCM	2006	5	Thức ăn và dinh dưỡng động vật	Đúng	
63	<i>Giáo trình kỹ thuật xử lý nước thải</i>	Lê Hoàng Việt, Nguyễn Võ Châu Ngân	Đại học Cần Thơ	2014	5	Công nghệ xử lý chất thải	Đúng	
64	<i>Vi sinh vật học nông nghiệp</i>	Nguyễn Xuân Thành	ĐHSP	2004	49	Probiotic trong nông nghiệp	Đúng	

1.2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Physical Chemistry	Ira N. Levine	The McGraw-Hill Companies, Inc, 2009.	6 th edition	Hóa lý 1 và Hóa lý 2	Đúng	
2	Physical Chemistry	Robert G.Mortimer	Elsevier Inc, 2008	3 rd edition	Hóa lý 1 và Hóa lý 2	Đúng	
3	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2004	1 st edition	Hóa học đại cương	Đúng	
4	Hóa học đại cương	Nguyễn Đình Chi	NXB Giáo dục, 2013		Hóa học đại cương	Đúng	
5	Hóa học đại cương	Lê Mậu Quyền	NXB Giáo dục, 2007	3 rd edition	Hóa học đại cương	Đúng	

6	Bài tập Hóa học đại cương	Lâm Ngọc Thiềm (chủ biên), Trần Hiệp Hải	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2003	2 nd edition	Hóa học đại cương	Đúng	
7	Hóa học đại cương	Nguyễn Khanh	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2010	3 rd edition	Hóa học đại cương	Đúng	
8	General Chemistry	Darrell D. Ebbing and Steven D. Gammon	Houghton Mifflin Company, New York, 2009.	9 th edition	Hóa học đại cương	Đúng	
9	Organic Chemistry	Robert V. Hoffman	John Wiley & Sons, Inc, 2004	3 rd edition	Hóa hữu cơ 1 và 2	Đúng	
10	Modern Analytical Chemistry	David Harvey	McGraw-Hill Companies, Inc, 2000.	1 st edition	Hóa phân tích 1 và 2	Đúng	
11	Hóa học vô cơ tập 1, 2 và 3	Hoàng Nhâm	NXB Giáo Dục, 2005.	7 th	Hóa vô cơ 1 và 2	Đúng	
12	Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông	Nguyễn Xuân Trường	NXB Giáo Dục, 2006.	1 st	Lý luận và phương pháp dạy học hóa học, Các phương pháp dạy học hiệu quả	Đúng	
13	Hóa lý tập 1, 2, 3 và 4	Trần Văn Nhân (chủ biên), Nguyễn Thạc Sửu và Nguyễn Văn Tuế	NXB Giáo Dục, 2005.	4 th	Hóa lý 1 và Hóa lý 2	Đúng	

1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong những năm gần đây, đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện 40 đề tài nghiên cứu khoa học và 31 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.

TT	Tên công trình khoa học	Tên tác giả	Năm	Nơi Nghiên thu; xuất bản; áp dụng	Ghi chú
I.	Các đề tài nghiên cứu khoa học				
1	Điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng môi trường huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	2007-2008	Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (CEEEO)	Tham gia
2	Điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng môi trường huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	2008-2009	Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (CEEEO)	Tham gia
3	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khu du lịch sinh thái Tây Bắc Hòn Lớn-Vân Phong	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chủ nhiệm
4	Lắp đặt thiết bị công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 2m3/ngày-đêm thành phố Bến Tre	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Trại tạm giam Công an Đồng Nai	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
6	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Trại tạm giam Công an Đắk Lắk	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
7	Dự án bảo vệ môi trường khu vực sản xuất tinh bột mỳ quy mô nhỏ tại huyện Cam Lâm	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
8	Điều tra, nghiên cứu đánh giá xây dựng kế hoạch cải thiện môi trường, phát triển đảo Bình Ba, Cam Bình, thị xã Cam Ranh, Khánh Hòa	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2010-2011	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chủ nhiệm

9	Tư vấn, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án điều chỉnh dự án nâng cấp, cải tạo nâng cấp, cải tạo QL22B đoạn từ thị trấn Gò Dầu- cửa khẩu Xa Mát - Tây Ninh	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
10	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại trại tam giam Công an tỉnh Đắk Nông	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011 - nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
11	Thi công lắp đặt, thiết bị HTXLNT Bệnh viện Đa khoa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2010-2011	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
12	Khảo sát và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên QL 60, tỉnh Bến Tre và Trà Vinh	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
13	Tư vấn hệ thống xử lý nước thải đầu tư xây dựng công trình cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Tóc Tiên 2, huyện Tân Thành	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
14	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại Trại tạm giam Long Tuyền - Công an thành phố Cần Thơ	ThS. Huỳnh Tiến Đạt	2011-nay	Trung tâm Công nghệ và Ứng dụng – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tham gia
15	Điều tra đánh giá hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị	ThS. Thủy Châu Tờ	2010	Tỉnh Quảng Trị	Tham gia
16	Nghiên cứu phát triển phương pháp von-ampe hòa tan phân tích lượng vết cadimi và chì trong một số mẫu môi trường	ThS. Thủy Châu Tờ	2007-2008	Bộ GD&ĐT	Tham gia

17	Đánh giá môi trường đầm phá Tam Giang – Cầu Hai	ThS. Thủy Châu Tờ	2007	Hợp tác quốc tế (ADB tài trợ)	Tham gia
18	Đánh giá chất lượng nước và trầm tích đầm phá Tam Giang – Cầu Hai	ThS. Thủy Châu Tờ	2006- 2007	Hợp tác quốc tế (FAO tài trợ)	Tham gia
19	Quản lý nguồn nước ở các xã Cam Thành và Cam Nghĩa – huyện Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị	ThS. Thủy Châu Tờ	2006	Hợp tác quốc tế (ADB tài trợ)	Tham gia
20	Nghiên cứu điều chỉnh mô hình chỉ số chất lượng nước (WQI) của Bhargava để áp dụng cho một số sông bị nhiễm mặn ở khu Vực Bình – Trị - Thiên	ThS. Thủy Châu Tờ	2006	Trường Đại học Huế	Chủ nhiệm
21	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt trên cơ sở chỉ số chất lượng nước (WQI) ở một số vùng trọng điểm của tỉnh Quảng Trị phục vụ quản lý nguồn nước và phát triển bền vững	ThS. Thủy Châu Tờ	2004- 2005	Tỉnh Quảng Trị	Tham gia
22	Đánh giá chất lượng nước sông Hương và đầm phá Thừa Thiên Huế	ThS. Thủy Châu Tờ	1998- 2003	Hợp tác quốc tế (Pháp tài trợ)	Tham gia
23	Quan trắc chất lượng nước và đa dạng sinh học vùng ven biển Thừa Thiên Huế	ThS. Thủy Châu Tờ	2002- 2003	Hợp tác quốc tế (Hà Lan tài trợ)	Tham gia
24	Nghiên cứu đánh giá hệ sinh thái và môi trường vùng hạ lưu sông Kiến Giang phục vụ phát triển bền vững	ThS. Thủy Châu Tờ	2001- 2002	Tỉnh Quảng Trị	Tham gia
25	INSU-ST-RIVER: Controlling geological, hydrological and anthropogenic processes	TS. Đặng Thị Hà	2008- 2011	Hợp tác giữa Viện Hóa học, Viện KH&CN Việt Nam với	Tham gia

	on river-deltaic water quantity and transport modelling in a highly erosive watershed in SE Asia			trường ĐH Bordeaux, Pháp	
26	UMR 211-BIOEMCO: Biogéochimie et Ecologie des Milieux Continentaux	TS. Đặng Thị Hà	2006-2009	Hợp tác giữa Viện NC phát triển của Pháp và Viện tổ chức Nông hóa, Hà Nội	Tham gia
27	Nghiên cứu khả năng thu nhận Ling zhi-8 bằng phương pháp nuôi cấy dịch huyền phù tế bào nấm Linh chi	ThS. Vương Lợi	2010	Sở KH&CN tỉnh Bình Dương	Đồng chủ nhiệm
28	Nghiên cứu sản xuất bio-butanol từ rơm rạ	ThS. Nguyễn Bằng Phi	2008-2009	Trường ĐH Bình Dương	Tham gia
29	Ứng dụng công nghệ GIS đánh giá tài nguyên đất huyện Củ Chi	ThS. Đặng Trung Thành	2003-2004	Vườn ươm khoa học – CN (Thành Đoàn TP.HCM)	Chủ nhiệm
30	Điều chỉnh, bổ sung Bản đồ đất tỉnh Vĩnh Long.	ThS. Đặng Trung Thành	2005-2006	Viện QH-TKNN (Phân viện QH-TKNN thực hiện)	Tham gia
31	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tổng thể và khả thi bảo vệ nguồn nước sông Sài Gòn đảm bảo an toàn cấp nước cho thành phố - giai đoạn 2	ThS. Lê Việt Thắng	2010-2011	TP.HCM	Chủ nhiệm
32	Quy hoạch địa điểm xử lý rác thải tỉnh Long An giai đoạn 2010-2020 và định hướng đến năm 2025	ThS. Lê Việt Thắng	2010-2011	Tỉnh Long An	Tham gia
34	Quy hoạch địa điểm xây dựng nghĩa trang tỉnh Long An giai đoạn 2010-2020 và định hướng đến năm 2025	ThS. Lê Việt Thắng	2010-2011	Tỉnh Long An	Tham gia
35	Điều tra thống kê đánh giá và xây dựng kế hoạch hành động đa	ThS. Lê Việt Thắng	2010-2011	Tỉnh Tiền Giang	Tham gia

	dạng sinh học tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2011-2020				
36	Xây dựng dữ liệu môi trường lưu vực sông Sài Gòn – Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Bình Phước	ThS. Lê Việt Thắng	2010-2011	Tỉnh Bình Phước	Tham gia
37	Xây dựng mạng lưới và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Bạc Liêu	ThS. Lê Việt Thắng	2010	Tỉnh Bạc Liêu	Chủ nhiệm
38	Đánh giá hiện trạng môi trường và xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ môi trường huyện Bù Đăng đến năm 2020	ThS. Lê Việt Thắng	2009	Huyện Bù Đăng – tỉnh Bình Phước	Chủ nhiệm
39	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 2011-2015; quy hoạch hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và QHSXNN 6 xã nông thôn mới huyện Châu Thành – tỉnh Sóc Trăng	ThS. Đặng Trung Thành	2011	UBND các 6 xã - huyện Châu Thành (Công ty CP KD XNK ĐV tư vấn)	Chủ nhiệm
40	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2011-2015 huyện Cư Jút – tỉnh Đắk Nông	ThS. Đặng Trung Thành	2010-2011	Huyện Cư Jút (Công ty CP KD XNK ĐV tư vấn)	Chủ nhiệm
II Các bài báo đăng tạp chí chuyên ngành					
1	Water quality index – an efficient tool for water quality management: a case study for Huong river in Hue city, Central Vietnam	ThS. Thủy Châu Tờ	2011	Minamata International Symposium on Environment an Energy Technology, Japan	
2	Nghiên cứu xác định đồng thời một số anion vô cơ hòa tan trong nước bằng phương pháp sắc ký ion	ThS. Thủy Châu Tờ	2010	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học	
3	Đánh giá chất lượng nước sông Bồ ở tỉnh Thừa Thiên Huế đưa	ThS. Thủy Châu Tờ	2010	Tạp chí Khoa học, Đại học Huế	

	vào chỉ số chất lượng nước (WQI)				
4	Đánh giá chất lượng nước và trạng thái dinh dưỡng vịnh Vân Phong tỉnh Khánh Hòa theo mô hình Vollenweider	ThS. Thủy Châu Tờ	2009	Kỷ yếu Hội thảo môi trường đới ven bờ các tỉnh Duyên Hải miền Trung Việt Nam	
5	Quản lý bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn TP.HCM	ThS. Huỳnh Thị Ánh Tuyết	2011	Khoa học và Công nghệ Tập 49-Số 5C năm 2011 – Viện Khoa học và CN Việt Nam	
6	Nghiên cứu và đề xuất mạng quan trắc môi trường nước mặt lưu vực sông Thị Tính tỉnh Bình Dương	ThS. Vũ Thanh Bình	2011	Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một	
7	Long-term monitoring (1960-2008) of river-sediment transport in the Red River Watershed (Vietnam): temporal variability and dam impact	TS. Đặng Thị Hà	2010	Science of the Total Environment 408, 4646-4664	
8	Origin of the matter in water of the Red River system, Vietnam	TS. Đặng Thị Hà	2008	Proceeding of the Chemistry and Environment Conference, Hanoi, Vietnam	
9	Impact des activités anthropiques sur les flux detières en suspension et sur la qualité des eaux du fleuve Rouge à l'etrée du delta	TS. Đặng Thị Hà	2007	Actes des JSIRAUF, Vietnam	
10	Erosion and impact of human disturbance on sediment transport in the Red River, Vietnam	TS. Đặng Thị Hà	2009	Mechanisms of Erosion and Weathering Processes: From Experiments to models, Davos, Switzeland	
11	Estimating river – Discharges in the Red	TS. Đặng Thị Hà	2009	Proceeding of the 6th	

	River (Vietnam) using rating curves and impact of reservoirs on transport			international symposium on ecosystem behaviour, University of Helsinki, Finland	
12	Hydropower dam needs and erosion control: The case of the Red River in Vietnam	TS. Đặng Thị Hà	2008	8th IAHS Scientific Assembly and 37th IAH Congress: Sediment problems and sediment management in Asian river basins, Inde	
13	Ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng phát triển phôi sau khi thụ tinh trong ống nghiệm trên chuột nhắt	Th.S Vương Lợi	2011	Tập san Khoa học và Kỹ thuật – Trường ĐH Bình Dương	
14	Ảnh hưởng của ánh sáng lên sự tăng trưởng tổng hợp anthocyanin trong nuôi cấy tế bào dâu tây	KS. Phạm Thị Mỹ Trâm	2011	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 2/2011	
15	Prediction of absorbance maximum of complexes between Cu(II) and amino acid using neural network	PGS.TS Phạm Văn Tất	2008	Vietnamese Journal of Analytical Science and Biology, P. 13-17, No. 1, 2008	
16	Prediction of vapor-liquid equilibria for binary system acetic acid (1) - diethyl ether(2) at temperatures 348.15K và 398.15K	PGS.TS Phạm Văn Tất	2008	Vietnamese Journal of Chemistry, P. 554-560, No.5, 2008	
17	QSDAR model: Quantitative Spectrum Data ¹³ C-NMR and ¹⁷ O-NMR Activity Relationships (QSDAR) of a set of anti-cancer 3-aminoflavonoid	PGS.TS Phạm Văn Tất	2009	Vietnamese Journal of Chemistry and Application, P. 43-46, No.14, 2009	

18	Models QSAR of the group 6-aminoquinolone: new anti-HIV agents	PGS.TS Phạm Văn Tất	2009	Vietnamese Journal of Chemistry and Application, P. 30-34, No.15, 2009	
19	Establishment of antibiotic cream formula - erythromycin of Curcuma Long L using multi-layer neural network	PGS.TS Phạm Văn Tất	2009	Vietnamese Journal of Chemistry, P.709713, No.4A, 2009	
20	Ab initio intermolecular potentials and prediction of vapor – liquid equilibria for systems N ₂ and O ₂ using Gibbs ensemble Monte Carlo Simulation	PGS.TS Phạm Văn Tất	2010	Vietnamese Journal of Chemistry, P. 119-121, No. 1, 2010	
21	Determination of acid-dissociation constants and investigation of species distribution in weak acid solution HnA using MS-EXCEL	PGS.TS Phạm Văn Tất	2010	Vietnamese Journal of Chemistry and Application, P. 1-5, No. 1, 2010	
22	QSPR relationship: Prediction of Melting Temperature for a set of similar organic acids structurally using quantum calculation and regression technique	PGS.TS Phạm Văn Tất	2010	Vietnamese Journal of Chemistry and Application, P. 16-20, No. 2, 2010	
23	Determination of species Distribution and Formation Constants of Complexes Between ion Cu ²⁺ and amino acids using Multivariate Regression analysis	PGS.TS Phạm Văn Tất	2011	Vietnamese Journal of Analytical Science and Biology, No. 3, 2011	
24	Monitoring and Assessing water quality of Dankia lake using artificial neural network and nonlinear model	PGS.TS Phạm Văn Tất	2011	Vietnamese Journal of Analytical Science and Biology, No. 3, 2011	

25	Quy hoạch phát triển nông nghiệp TP.HCM đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025	PGS.TS Phạm Văn Tất	2010	Kỷ yếu Hội thảo khoa học trẻ Đại học Nông lâm. 4/2010	
26	Nông nghiệp đô thị thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Đặng Trung Thành	2010	Kỷ yếu Hội thảo phát triển đô thị bền vững (50 năm kết nghĩa Hà Nội – Huế - HCM). 2010	
27	Tìm hiểu về nông nghiệp đô thị và đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị tỉnh Bình Dương	ThS. Đặng Trung Thành	2011	Thông tin Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương	
28	Tìm hiểu các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả kinh tế cao, nông nghiệp đô thị theo hướng thân thiện với môi trường cho lưu vực sông Thị Tín	ThS. Đặng Trung Thành	2011	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 1/2011	
29	Approaching environmental fee to plastic bag waste management in HCM City supermarkets	ThS Lê Nguyễn Thùy Trang	2011	Environmental taxation in China and Asia-Pacific, Critical issues in Enveronmental taxation Volume IX	
30	Đánh giá tổng quan nguồn thải gây ô nhiễm trên lưu vực sông Đồng Nai đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Dương	PGS.TS Lê Mạnh Tân – CN. Đinh Quan Toàn	2011	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một	
31	Phân tích rủi ro khai thác cát trên sông Thị Tín tỉnh Bình Dương	TS. Hồ Chí Anh – ThS. Nguyễn Thành Hưng	2011	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một	

1.4. Hợp tác quốc tế

Trường Đại học Thủ Dầu Một đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục và Trường Đại học nước ngoài như Đại học Woosung (Hàn Quốc), Học viện văn hóa quốc tế Thiên Tân (Trung Quốc),...

Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 40 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, Trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo thỏa thuận hỗ trợ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai ngành Kinh tế và Công nghệ thông tin.

Là thành viên của CDIO quốc tế.

Được kết nạp là thành viên AUN.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Ngô Hồng Điệp

DANH SÁCH LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN⁴

⁴ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: Lê Nguyễn Uyên Chi

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 31/12/1978

4. Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nguyên quán: Thành phố Hồ Chí Minh

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

Khoa: Công nghệ thực phẩm

7. Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm đạt học vị: 2011

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐
☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ:

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Đại học Thủ Dầu Một. Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	62/48, Lý Chính Thắng, Q3, TpHCM
2	Điện thoại/ fax	0650 3844028	0903726334
3	Email		uyenchile.tempuser@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh		x			x			x			x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 10/2011 đến 7/2015	Đại học Thủ Dầu Một, Khoa Khoa học Tự nhiên	Giảng viên
Từ 8/2015 đến 8/2016	Đại học Thủ Dầu Một, Khoa Tài nguyên Môi trường	Giảng viên
Từ 9/2016 đến 7/2017	Đại học Thủ Dầu Một, Khoa Công nghệ sinh học	Giảng viên
Từ 7/2017 đến 2020	Đại học Thủ Dầu Một, Khoa Khoa học Tự nhiên	Giảng viên
Từ 5/2020	Đại học Thủ Dầu Một, Khoa Công nghệ thực phẩm	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1997 - 2001	ĐH. KHTN TP.HCM	Sinh hóa	Đánh giá khả năng các protease phân hủy thịt bò tạo môi trường điều chế vaccine.
Thạc sĩ	2004 - 2006	ĐH Chosun, Hàn quốc	Y học phân tử	Bioluminescence imaging of the prolongation of cardiac stem cell survival with pharmaceutical and genetic intervention
Tiến sĩ	2006 - 2011	ĐH quốc gia Chonnam, Hàn quốc	Y học phân tử	Attenuated <i>Salmonella typhimurium</i> homes and delivers protein into infarcted myocardium

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
CC giáo dục học	2/2004	TT giáo dục y học ĐHYD TPHCM	Sư phạm y học
CC bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	8/2016	Học viện quản lý giáo dục	Bồi dưỡng nghiệp vụ SP cho GV đại học, cao đẳng
CC ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	9/2018	TT tin học ĐH KHTN TPHCM	Ứng dụng công nghệ TT cơ bản

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Y sinh

- Chuyên ngành: Y học phân tử

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Chất hoạt tính sinh học thực vật hỗ trợ điều trị ung thư.
2. Liệu pháp vi khuẩn gram âm nhược độc trong truy tìm khối u và vùng nhồi máu.
3. Liệu pháp gen độc tố trong điều trị ung thư.
4. Chụp ảnh phân tử huỳnh quang trong phát hiện khối u và vùng nhồi máu.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Chuyển gen <i>gfp</i> ổn định vào tế bào ung thư dạ dày ở người	NCKH trường cấp	2016-2017		Chủ nhiệm	2018	
2	Đánh giá sự biến đổi hình thái apoptosis của tế bào ung thư dạ dày gây bởi dịch chiết cây lược vàng	NCKH trường cấp	2017-2018		Chủ nhiệm		
3	Hiệu quả chống ung thư của dịch chiết nước Cordyceps militaris trên tế bào u dạ dày.	NCKH trường cấp	2018-2019		Chủ nhiệm		

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, NCS	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Tăng Công Trường	Xác định sự hiện diện của protein điều chỉnh miễn dịch trong nấm Hoàng chi (<i>Ganoderma colossum</i> Donk) ở Việt Nam	2015	Thạc sỹ	Chính	
2	Đỗ Thị Hân	Khảo sát ảnh hưởng của phức hợp vật liệu nano và chiết xuất Cordyceps militaris trong trị bóng	2018	Thạc sỹ	Đồng hướng dẫn	

		trên mô hình chuột trắng (Mus musculus)				

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Sinh học tế bào và di truyền	Y học	2017	Đồng tác giả		

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF (2016)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Min JJ, Le UC et al, <i>In vivo bioluminescence imaging of cord blood-derived mesenchymal stem cell transplantation into rat myocardium</i> , Ann Nucl. Med.; 20(3):165-70, 2006	0914-7187 (ISI)	1.51	
2	UCN Le, HS Bom, SM Moon, YK Ahn, YS Kim, SY Joo, MH Hong, MH Jeong, HC Song, JJ Min. <i>Monitoring prolongation of cardiac stem cell survival after pharmaceutical/genetic intervention using cooled CCD bioluminescence imaging</i> . J. Nucl. Med.; 47(1):259P, 2006	0161-5505 (ISI)		
3	UCN Le, HS Bom, SM Moon, YK Ahn, YS Kim, SY Joo, MH Hong, MH Jeong, HC Song, JJ Min. <i>Bioluminescence imaging of the prolongation of cardiac stem cell survival with pharmaceutical and genetic intervention</i> . J. Nucl. Med.;48(2):167P, 2007.	0161-5505 (ISI)		
4	Le U, Bom H, Moon S, Park K, Han H, Lee H, Song H, Min J. <i>In vivo imaging of embryonic stem cell implantation into rat corpus cavernosum by using optical imaging system</i> . J Nucl Med.; 48(2):327P, 2007	0161-5505 (ISI)		

5	Min JJ, Le UC et al., <i>Visualization of embryonic stem cell survival in vivo by adenoviral-driven bioluminescence reporter in rat corpus cavernosum</i> , J. Tissue Eng. Regen. Med.; 5(4):743-749, 2008	1738-2696 (ISI)	3.989	
6	Le UC et al., <i>Engineering and visualization of bacteria for targeting infarcted myocardium</i> . Mol. Ther.; 19:951-959, 2011	1525-0016 (ISI)	6.688	
7	UN.Le, A Chong, H Song, H Bom, J Min. <i>Visualization of the ischemic/infarcted tissues using engineered bacteria</i> . J. Nucl. Med. 52(1): 1552, 2011	0161-5505 (ISI)		
8	UN.Le, D Kim, H Song, H Bom, J Min. <i>Improving the potential of attenuated Salmonella typhimurium as a gene-delivering vector specifically to infarcted myocardium with hypoxia-inducible promoter system</i> . J. Nucl. Med. 52(1): 1561, 2011	0161-5505 (ISI)		
9	Kim DY, Le UC et al., <i>Evaluation of a Mitochondrial Voltage Sensor, (18F-Fluoropentyl) Triphenylphosphonium Cation, in a Rat Myocardial Infarction Model</i> , J. Nucl. Med.; 53(11):1779-85, 2012	0161-5505 (ISI)	6.646	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Uyên Chi, Thu nhận protein điều chỉnh miễn dịch FIP từ hệ sợi nấm <i>Ganoderma colossum</i> Donk, Tạp chí y học Tp.HCM, 2016, 20(1): 9	1859-1779		
2	Lê Nguyễn Uyên Chi, Nguyễn Bá Tư, Tăng Công Trường. Nhận diện đoạn trình tự FIP trong tế bào nuôi cấy nấm <i>Ganoderma colossum</i> , Tạp chí y học Tp.HCM, 2017, 21(1): 13	1859-1779		
3	Lê Nguyễn Uyên Chi, Nguyễn Thị Liên Thương. KHẢ NĂNG LÂM LÀNH VẾT BÔNG CỦA DỊCH CHIẾT NẤM <i>Cordyceps militaris</i> TRÊN CHUỘT. Tạp chí di truyền học và ứng dụng, 2020.			

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Sang-Keun Woo, Gi Jeong Cheon, Kyeong Min Kim, Tae Sup Lee, Jae Ho Jung, Jong Guk Kim, Jin Su Kim, Uyenchi Le , Jung-Joon Min, Min Suk Kim, Chang Woon Choi, Sang Moo Lim. <i>Quantitative Assessment of Infarcted Rat Myocardium Using Gated Small Animal PET and Contrast Clinical CT Images</i> . World Molecular Imaging Congress (France 2008.09.10~13)			
2	Jung-Joon Min, Uyenchi N. Le , Sheng-Nan Jiang, Vu H. Nguyen, Ari Chong, Yeongjin Hong, Hyon E. Choy. <i>Recombinant Escheirichia</i>			

	<i>Coli and Attenuated Salmonella Typhimurium As a Tumor Targeting Imageable Therapeutic Probe.</i> World Molecular Imaging Congress (France 2008.09.10~13)			
3	Uyenchi N. Le , Sheng-Nan Jiang, Vu H. Nguyen, Ari Chong, Yeongjin Hong, Hyon E. Choy, and Jung-Joon Min. <i>Recombinant Escheirichia Coli and Attenuated Salmonella Typhimurium As a Tumor Targeting Imageable Therapeutic Probe.</i> HOST- Pathogen Interactions, 2008			
4	Le UN , Kwon JS, Nguyen VH, Kim HS, Jiang SN, Hong YJ, Shin MG, Rhee JH, Bom HS, Gambhir SS, Ahn YK, Choy HE, Min JJ. <i>Engineering Attenuated Salmonella Typhimurium to Selectively Target and Deliver Protein in Infarcted Myocardium.</i> World Molecular imaging Congress, (Montreal, Canada 2009)			
5	Jung-Joon Min, Vu Hong Nguyen, Uyenchi Nguyen Le , Sheng-Nan Jiang, Yeongjin Hong, Hyon Choy. <i>Imaging and Therapy of Cancer Using Tumor-Targeting Bacteria in Living Animals.</i> 11 th International Symposium on the Genetics of Industrial Microorganisms (Melbourne, Australia, 7/2010)			
6	Uyenchi N. Le , Hee Jung Lee, Jung-Joon Min. <i>Increasing potential of attenuated Salmonella as a specific gene delivery vector to infarcted myocardium by hypoxia-inducible promoter system.</i> World Molecular Imaging Congress (Kyoto, Japan 2010)			
7	Uyenchi N. Le , Ari Chong, Jung-Joon Min. <i>Visualization infarcted tissues using engineered bacteria.</i> World Molecular Imaging Congress (Kyoto, Japan 2010)			
8	Dong-Yeon Kim, Uyenchi N. Le , Hee Jung Kim, Youn- Do Choi, Byeong-il Lee, Kook-Hyun Yu, Hee-Seung Bom, Jung-Joon Min. <i>Novel Mitochondrial Voltage Sensor in Rat Myocardial Infarction Model.</i> World Molecular Imaging Congress (Kyoto, Japan 2010)			
9	Dong-Yeon Kim, Hee Jung Kim, Youn-Do Choi, Kook-Hyun Yu, Uyenchi N. Le , Hee-Seung Bom, Jung-Joon Min. <i>Synthesis of 18F labeled Novel Mitochondrial Voltage Sensor.</i> World Molecular Imaging Congress (Kyoto, Japan 2010)			
10	Vu H. Nguyen, Shen nan Jiang, Uyenchi N. Le , Jung-Joon Min. <i>Visualization of Bacteria-mediated Cancer Therapy.</i> IUPAC International Congress on Analytical Sciences (Kyoto, Japan 5/2011)			
11	Uyenchi N. Le , Ari Chong, Seung Hwan Park, Jung-Joon Min. <i>Visualization of the Infarcted Tissues Using Engineered Bacteria.</i> IUPAC International Congress on Analytical Sciences (Kyoto, Japan 5/2011)			
12	Uyenchi N. Le , Jihwa Chung, Dukmi Kim, Jung-Joon Min. <i>Engineering Attenuated Salmonella Typhimurium for Selective Targeting and Gene Expression in Myocardial Infarction.</i> American Society of Gene and Cell Therapy 14th Annual Meeting (Seattle, WA, 5/2011)			
13	UN.Le , A Chong, H Song, H Bom, J Min. <i>Visualization of the ischemic/infarcted tissues using engineered bacteria.</i> Society of Nuclear Medicine (San Antonio, Texas 6/2011)			

14	UN.Le, D Kim, H Song, H Bom, J Min. <i>Improving the potential of attenuated Salmonella typhimurium as a gene-delivering vector specifically to infarcted myocardium with hypoxia-inducible promoter system.</i> Society of Nuclear Medicine (San Antonio, Texas 6/2011)			
15	V.,H.Nguyen, J.Chung, U.Le, Y.Hong, H.E.Choy, H.S.Bom, J.J.Min. <i>Engineering Salmonella Thphimurium to Become a Dual Purpose-probe for Therapeutic and in vivo Monitoring Applied in Cancer or Myocardial Infarction.</i> 4th International Conference on Radiopharmaceutical Therapy (Ho Chi Minh City, Vietnam 11/2011)			

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Min JJ, YS Kim, Le UCN, Moon SM, Heo YJ, Song HC, Bom HS, Kim YS. <i>Introduction of optical reporter gene into cancer and immune cells using lentiviral vector.</i> 43 rd Korean Society Nuclear Medicine, p. 570. Republic of Korea, 2004.11.19~20.			
2	Moon SM, Min JJ, Hong YJ, Kim HJ, Le UCN, Rhee JH, Song HC, Heo YJ, Bom HS, Choy HE. <i>Active targeting of tumor cells using light emitting bacteria.</i> 43 rd Korean Society Nuclear Medicine, p. 570. Republic of Korea, 2004.11.19~20			
3	Uyench N. Le, Jung-Joon Min, Hee-Seung Bom. <i>Downstream Reporter Gene Imaging for signal transduction pathway of dopamine type 2 receptor.</i> 43 rd Korean Society Nuclear Medicine, p. 570. Republic of Korea, 2004.11.19~20			
4	UCN Le, JJ Min, SM Moon, YK Ahn, YS Kim, SY Joo, MH Hong, MH Jeong, HC Song, HS Bom. <i>Bioluminescence imaging to monitor the prolongation of stem cell survival by pharmaceutical intervention.</i> 44 th Korean Society Nuclear Medicine, 2005.11.18~19.			
5	JJ Min, SM Moon, UCN Le, KS Park, HJ Han, HS Lee, HC Song, HS Bom. <i>Monitoring embryonic stem cell transplantation into rat corpus cavernosum by using optical imaging system.</i> 44 th Korean Society Nuclear Medicine, 2005.11.18~19.			
6	UCN Le, HS Bom, SM Moon, KS Park, HJ Han, HS Lee, HC Song, JJ Min. <i>Monitoring embryonic stem cell implantation into rat corpus cavernosum by using optical imaging system.</i> 45 th Korean Society Nuclear Medicine, 2006.10.23.			
7	UCN Le, HS Bom, SM Moon, YK Ahn, YS Kim, SY Joo, MH Hong, MH Jeong, HC Song, JJ Min. <i>Bioluminescence imaging of the prolongation of cardiac stem cell survival with pharmaceutical and genetic intervention.</i> 45 th Korean Society Nuclear Medicine, 2006.10.23.			
8	Uyench N. Le, Seong-Ho Tae, Parasuaman Padmanabhasn, Jung-Joon Min. <i>Improving expression of reporter transgene in stem cell by construction of different lentiviral vectors.</i> 46 th Korean Society Nuclear Medicine, 2007.10.26.			

9	HV Nguyen, SHTae, UCN Le , JJ Min. <i>Specific expression of bioluminescence reporter gene in cardiomyocyte regulated by tissue specific promoter</i> . 46 th Korean Society Nuclear Medicine, 2007.10.26.			
10	Uyenchi N. Le , Seong-Ho Tae, Hee-Seung Bom, Jung-Joon Min. <i>Enhancing the survival of grafted cardiac stem cells for longterm imaging</i> . 46 th Korean Society Nuclear Medicine, 2007.10.26.			
11	Uyenchi N. Le , JS Kwon, HS Kim, SN Jiang, BI Lee, YJ Hong, MG Shin, JH Rhee, HS Bom, SS Gambhir, YK Ahn, HE Choy, Jung-Joon Min. <i>Engineering and Visualization of Bacteria for Targeting Infarcted Myocardium</i> . 48 th Korean Society Nuclear Medicine, 2009.10.30~31.			
12	Le UC , KWON JS, NGUYEN VH., KIM HS, JIANG SN, LEE BI, HONG YJ, SHIN MG, RHEE JH, BOM HS, AHN YK, GAMBHIR SS, CHOY HE, MIN JJ. <i>Visualization of Attenuated Bacteria Targeting at Infarcted Myocardium</i> . Korean Society for Molecular and Cellular Biology, 2009.10.15~16.			
13	Dong-Yeon Kim, Uyenchi N. Le , Hee-Jung Kim, Youn-Do Choi, Byeong-il Lee, Kook-Hyun Yu, Hee-Seung Bom, Jung-Joon Min. <i>Novel Mitochondrial Voltage Sensor in Rat Myocardial Infarction Model</i> . Korean Society Molecular Imaging, 2010.05.29.			
14	Uyenchi N. Le , Ari Chong, and Jung-Joon Min. <i>Visualization infarcted tissues using engineered bacteria</i> . Korean Society Molecular Imaging, 2010.05.29			
15	Uyenchi Nguyen Le , Hee- Jung Lee, and Jung-Joon Min. <i>Increasing potential of attenuated Salmonella as a gene delivery vector specifically to infarcted myocardium by hypoxia-inducible promoter system</i> . Korean Society Molecular Imaging, 2010.05.29.			
16	Uyenchi N. Le , Ari Chong, Jung-Joon Min. <i>Visualization of the infarcted tissues using engineered bacteria</i> . 29 th Korean Society of Nuclear Medicine and Molecular imaging, 2010.10.29~30			
17	Uyenchi N. Le , Hee-Jung Lee, Jung-Joon Min. <i>Improving the potential of attenuated Salmonella typhimurium as gene-delivering vector specifically to infarcted myocardium with hypoxia-inducible promoter system</i> . 29 th Korean Society of Nuclear Medicine and Molecular imaging, 2010.10.29~30			
18	Jihwa Chung, Uyenchi N. Le , Hong Vu Nguyen, Xuan Thuy Phan, Jung-Joon Min. <i>Delivery of angiogenic fibroblast growth factor 1 (FGF1) gene to infarcted myocardium by attenuated Salmonella typhimurium</i> . 50 th Korean Society Nuclear Medicine, 2011.11.03~05.			
19	jihwa Chung, Uyenchi N. Le , Hee-Jung Lee, Deok-mi Kim, and Jung-Joon Min. <i>Improving the potential of attenuated Salmonella typhimurium as a gene-delivering vector specifically to infarcted myocardium with hypoxia-inducible promoter system</i> . Korean Society of Molecular Imaging, 2011.04.30			
20	jihwa Chung, Uyenchi N. Le , Ari Chong, and Jung-Joon Min. <i>Visualization of the infarcted tissues using engineered bacteria</i> . Korean Society of Molecular Imaging, 2011.04.30			
21	Dong-Yeon Kim, Hyeon-Sik Kim, Uyenchi Nguyen Le , Sheng Nan			

Jiang, Hee-Jung Kim, Kyo-Chul Lee, Sang-Keun Woo, Jihwa Chong, Hyung-Seok Kim, Hee-Seung Bom, Kook-Hyun Yu, Jung-Joon Min. <i>Evaluation of a Mitochondrial Voltage Sensor, (5-[18F]Fluoropentyl) triphenylphosphonium Cation, in a rat Myocardial Infarction Model.</i> Hwasun BioMedical Workshop, 2012			
---	--	--	--

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1	Giải thưởng nghiên cứu	Bioluminescence imaging to monitor the prolongation of stem cell survival by pharmaceutical intervention	Korean Society of Nuclear Medicine	11/2005
2	Giải thưởng nghiên cứu BK21- 2 nd	Best presentation	Chonnam National University	02/2008
3	The outstanding presentation award	Selective targeting of hypoxic myocardium by attenuated Salmonella typhimurium	Clinical Vaccine R&D center, Chonnam National University	04/2009
4	Student travel stipend award	Engineering attenuated Salmonella typhimurium to selectively target and deliver protein in infarcted myocardium	World molecular imaging congress - Canada	09/2009
5	Best poster presentation Award	Visualization of attenuated bacteria targeting at infarcted myocardium	Korean Society for Molecular and Cellular biology	10/2009
6	Student travel stipend award	Visualization infarcted tissues using engineered bacteria	World molecular imaging congress - Kyoto, Japan	09/2010
7	Best poster Award	Visualization infarcted tissues using engineered bacteria	Chonnam National University Hospital	07/2010

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

1						
---	--	--	--	--	--	--

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày tháng năm 2020

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Lê Nguyễn Uyên Chi

LÝ LỊCH KHOA HỌC¹

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Thị Liên

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1986

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quê quán: Hoàng Minh, Hoàng Hóa, Thanh Hóa Dân tộc: Kinh

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2013

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Công nghệ thực phẩm

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Phú Mỹ - Thủ Dầu Một – Bình Dương

Điện thoại liên hệ: CQ:

NR:

DD: 0904762844

Fax:

Email: liennt@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Bình Dương; Ngành học: Công nghệ

Sinh học; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2008; Bằng đại học 2:.....;

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Công nghệ sinh học; Năm cấp bằng: 2013; Nơi đào tạo: Đại học Nông Lâm TP. HCM

- Tiến sĩ chuyên ngành:.....; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo:.....;

Tên luận án:....

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2008 - 2010	Đại học Bình Dương	Nhân viên
2010 - nay	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

¹ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu xử lý nước thải sau hệ thống Biogas bằng công nghệ sinh thái	2014/2014	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Thành viên
2	Ảnh hưởng của kỹ thuật sử dụng vật liệu hỗ trợ đến hiệu quả nuôi tảo <i>Spirulina platensis</i> sử dụng nước thải chăn nuôi heo sau biogas	2018/2019	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Chủ nhiệm đề tài
3	Nghiên cứu xử lý bã thải trồng nấm bào ngư làm giá thể trồng rau	2017/2017	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Hướng dẫn sinh viên NCKH
4	Nghiên cứu quá trình chuyển hóa sinh khối rong nước ngọt thành đường bằng enzyme	2015/2015	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Hướng dẫn sinh viên NCKH
5	Trích ly protein từ rong <i>Ceratophyllaceae</i> ở các khu vực nước bị ô nhiễm hữu cơ	2016/2016	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Hướng dẫn sinh viên NCKH

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Tối ưu hóa quá trình tiền xử lý bã rong	2013	Tạp chí hóa học
2	Nghiên cứu quá trình chuyển hóa sinh khối rong lục nước ngọt thành đường bằng enzyme	2015	Tạp chí đại học Thủ Dầu Một
3	The cultivation of <i>Spirulina platensis</i> on vertical aeroponic substrates	2016	Journal of science and technology
4	Khảo sát khả năng thu nhận protein từ rong đuôi chó trên nhánh song Sài Gòn	2016	Tạp chí đại học Thủ Dầu Một

	Hồ Thị Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Liên. Khảo sát khả năng thu nhận protein từ rong đuôi chó trên nhánh sông Sài Gòn		
5	Determination of properties and elemental composition of municipal solid waste in order to proposal of waste -to-energy project in Binh Duong province	2016	Journal of science and technology
6	Tái sử dụng nước thải chăn nuôi heo sau biogas trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một để nuôi vi tảo <i>Spirulina platensis</i>	2017	Hội nghị khoa học cấp trường
7	Nghiên cứu xử lý bã thải trồng nấm bào ngư làm giá thể trồng rau	2017	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một số 1 (32) - 02-2017.
8	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải sinh hoạt phố Thủ Dầu Một bằng vi sinh vật và vi tảo lam <i>Spirulina platensis</i>	2017	Hội thảo “Công nghệ sinh học và sinh học ứng dụng khu vực Đông Nam Bộ” lần 1
9	Nghiên cứu quá trình lên men ethanol sinh học từ nguồn sinh khối rong nước lợ <i>Chaetomorpha</i> sp. sau trích ly protein	2018	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một
10	Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý khu công nghiệp thân thiện môi trường hướng đến phát triển bền vững khu công nghiệp Đất Cuốc – Tỉnh	2018	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một
11	Đánh giá hiện trạng chất lượng nước và đề xuất các biện pháp kiểm soát ô nhiễm sông Sài Gòn đoạn chảy qua TP. TDM	2018	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một
12	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình	2019	-Tạp chí đại học TDM Số 3/2019

	nuôi trồng vi khuẩn lam Spirulina Platensis sử dụng nước thải chăn nuôi heo sau biogas theo phương pháp thủy canh cải tiến		
13	Xây dựng tiêu chí đánh giá quá trình chuyển đổi khu công nghiệp Đất Cước hiện hữu thành khu công nghiệp sinh thái	2019	Tạp chí đại học TDM Số 4(39) 12-2018
14	Quá trình nuôi trồng vi khuẩn lam Spirulina Platensis sử dụng nước thải chăn nuôi heo sau Biogas theo phương pháp thủy canh cải tiến	2019	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 7, kỳ 1, tháng 4/2019

Xác nhận của cơ quan



TS. Trần Văn Trung

....., ngày tháng năm

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Thị Liên

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: LÊ THỊ THU HUỆ
Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 20-08-1979
Nơi sinh: Hà Tĩnh
Quê quán: Hà Tĩnh
Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc sĩ
Năm, nước nhận học vị: Năm 2009, Việt Nam
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Công Nghệ Thực Phẩm trường Đại học Thủ Dầu Một
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 242/72 Nguyễn Đức Thuận, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD: 0979810795
Fax: Email: hueltt@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy Nơi đào tạo: ĐHSP Huế; Ngành học: SP KTNL; Nước đào tạo: VN; Năm tốt nghiệp: 2002; Bằng đại học 2:.....; Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Sinh học; Năm cấp bằng: 2009; Nơi đào tạo: ĐHSP Huế

- Tiến sĩ chuyên ngành (NCS); Công nghệ Sinh học; Năm cấp bằng: Đang học NCS.; Nơi đào tạo: Viện Sinh học Nhiệt đới

Tên luận án:....

3. Ngoại ngữ: 1. B2 Châu Âu Mức độ sử dụng: Khá
2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2002 -2009	Trường THCS Nguyễn Cư Trinh – Tp Huế	Giáo viên

2010 – Nay	Trường ĐH TDM	Giảng viên
------------	---------------	------------

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu hiện tượng tăng tốc của trẻ em từ 8-15 tuổi ở tỉnh Bình Dương	2014-2015	Cấp trường	Thành viên
2	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và một số chỉ tiêu chất lượng thịt của lợn lai F1 giữa lợn đực rừng Việt Nam và lợn nái Móng Cái	2016-2018	Cấp trường	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Thành phần loài họ tôm he (Penaeidae) ở vùng ven biển Nghệ An – Hà Tĩnh	2015	Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 1-2015, trường Đại học Sư phạm Huế
2	Xây dựng khoá định loại các loài thuộc họ tôm he (Penaeidae) ở vùng ven biển Nghệ An – Hà Tĩnh	2015	Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 4-2015, trường Đại học Sư phạm Huế.
3	Nghiên cứu một số chỉ số sinh lý của học sinh 8 – 15 tuổi ở tỉnh Bình Dương,	2016	Tạp chí Công nghệ Sinh học, số 15(3A):1-6, 2017
4	Đánh giá khả năng tăng sinh và lão hoá của nguyên bào sợi heo sóc Tây Nguyên.	2017	Tạp chí Công nghệ Sinh học, số 15(3A):1-6, 2017
5	Đánh giá đa hình gene CAST, CAPN, GH trên lợn rừng Tây Nguyên.	2017	Tạp chí Công nghệ Sinh học, số 15(4A):1-4, 2017
6	Evaluation of warter holding capacity of pork from F1 hybrid pig crossed between Vietnamese native Wild boar and Mong Cai pigs.	2018	<i>International Research Journal of Natural and Applied Sciences.</i>

--	--	--	--

Xác nhận của cơ quan công tác
TL.HIỆU TRƯỜNG
TRƯỜNG PHÒNG KHOA HỌC



TS. Trần Văn Trung

....., ngày tháng năm

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Thị Thu Huệ

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: ĐẶNG TRUNG THÀNH

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 10/8/1976

4. Nơi sinh: TP. Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình

5. Nguyên quán: TP. Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình

6. Đơn vị công tác:

- Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Tài nguyên Môi trường

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2008

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu: Nghiên cứu viên

10. Chức vụ: Phó Trưởng Khoa

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	13/27 Đường C, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, TX. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	0650. 3834931	0913.799007
3	Email	thanhdt@tdmu.edu.vn	



12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh Văn		x			x			x			x	
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 03/1999 – 06/2008	Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp)	Kỹ sư – Nghiên cứu viên
Từ 07/2008 – 01/2010	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Địa chính (Đại học Nông lâm TP.HCM)	Thạc sĩ - Nghiên cứu viên – Phó trưởng phòng Quy hoạch phát triển
Từ 01/2010 – 10/2015	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên / Trưởng Bộ môn/ khoa Tài nguyên Môi trường
Từ 10/2015 – 10/2016	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phó Trưởng khoa Tài nguyên Môi trường
Từ 10/2016 – 8/2017	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phó Trưởng khoa Công nghệ Sinh học
Từ 8/2017 – 8/2019	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên, Trợ lý NCKH khoa Khoa học Tự nhiên
Từ 8/2019 - Nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên, NCV Viện Phát triển ứng dụng

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	1994 - 1998	Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội	Quản lý đất đai	Quy hoạch sử dụng đất xã Ninh Khang - huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình

Thạc sỹ	2004 - 2008	Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học đất	Đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hậu Giang
NCS	2015 -	Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh	Khoa học cây trồng	

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng nhận	22/02/- 3/4/2003	Trung tâm nghiên cứu chính sách đất đai và đào tạo quốc tế (Đài Loan)	Sở hữu đất đai và Phát triển Nông thôn
Chứng nhận	06-20/12/2004	Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp - PTNT (Bộ NN-PTNT)	Bồi dưỡng nghiệp vụ quy hoạch nông nghiệp
Chứng nhận	02-04/07/2007	Trung tâm bồi dưỡng chính trị (Đảng ủy khối cơ sở Bộ Nông nghiệp - PTNT)	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra đảng (NK 2005-2010)
Chứng nhận	6 - 9/10/2014	Đại học Trà Vinh - Đại học Thủ Dầu Một	Huấn luyện phát triển năng lực giảng viên
Chứng nhận	10 - 11/10/2014	Đại học Trà Vinh - Đại học Thủ Dầu Một	Dạy thực tế - đánh giá thực tế

16. Kinh nghiệm chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Kinh nghiệm chuyên môn:

- Nghiên cứu – giảng dạy: Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch phát triển Nông thôn, Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, thổ nhưỡng, đánh giá đất, khoa học đất, môi trường đất,...

- Kinh nghiệm thời gian thực hiện các nhiệm vụ trên: 20 năm.

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Tài nguyên và môi trường
2. Nông nghiệp, Sinh học (thủy canh, khí canh)

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Ứng dụng công nghệ GIS đánh giá tài nguyên đất huyện Củ Chi	Vườn ươm khoa học – CN (Thành Đoàn TP.HCM)	2003-2004	30	Chủ nhiệm	Đã nghiệm thu 2004	Khá
2	Điều chỉnh, bổ sung Bản đồ đất các tỉnh – thành vùng đồng bằng sông Cửu Long.	Phân viện QH và TKNN chủ trì thực hiện	2005		Tham gia thực hiện	Đã nghiệm m thu 2005	
3	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006-2010 huyện Cần Giờ – TP. HCM.	UBND huyện Cần Giờ (Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Địa chính chủ trì thực hiện)	2008-2009		Đồng chủ nhiệm	Đã nghiệm m thu 2009	
4	Đề án quy hoạch sản xuất nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến	Ban QL dự án Sở NN-PTNT chủ	2009		Đồng chủ nhiệm	Đã nghiệm m thu	

	năm 2020, tầm nhìn 2025	đầu tư (Trung tâm NC và UD CNĐC chủ trì thực hiện)				2009	
5	Nghiên cứu các mô hình nông nghiệp sinh thái nhằm bảo vệ môi trường sông Thị Tính - Bình Dương	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2013-2014	60	Chủ nhiệm	Đã nghiệm thu 2009	Đạt
6	Đánh giá tài nguyên đất phục vụ quy hoạch vùng bưởi Tân Triều - Vĩnh Cửu - Đồng Nai	UBND huyện Vĩnh Cửu (Trung tâm NC và UD CNĐC – Trung tâm chuyển giao KHCN ĐH Nông Lâm chủ trì thực hiện)	2009		Tham gia	Đã nghiệm thu 2009	
7	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Long Hồ - tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020.	UBND huyện Long Hồ (Trung tâm NC và UD CNĐC chủ trì thực hiện)	2009		Đồng chủ nhiệm	Đã nghiệm thu 2009	

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
----	---------------------------------------	-----------------------	----------------	-------------	-----------------------------------	--

1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Bài báo: <i>Tìm hiểu các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, nông nghiệp đô thị theo hướng thân thiện với môi trường cho lưu vực sông Thị Tính</i> ; Số 01 Tháng 7/2011, trang 79-87.	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một	Bài báo khoa học	
2	Bài báo: <i>Tìm hiểu về nông nghiệp đô thị và đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị tỉnh Bình Dương</i> ; số 01/2011; trang 4-11.	Thông tin Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương (ISSN 1859-1302)	Bài báo khoa học	
3	Bài báo: <i>Kỹ thuật sản xuất rau ăn lá an toàn trên địa bàn tỉnh Bình Dương</i> , số 9/2013, kỳ 1 tháng 5/2013, trang 71-76.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581)	Bài báo khoa học	
4	Bài báo: <i>Khảo sát các mô hình nông nghiệp sinh thái nhằm bảo vệ môi trường sông Thị Tính - Bình Dương</i> ; số 02(21)-2015, tháng 3/2015	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một	Bài báo khoa học	

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Bài báo: <i>Thực trạng sản xuất rau, rau an toàn và đề xuất một số giải pháp phát triển rau an toàn tỉnh Bình Dương</i> , ngày 14/4/2012, trang 133-138; Hội thảo chuyên đề Nông nghiệp vùng Tây nguyên theo hướng bền vững	Trung tâm khuyến nông Quốc gia		
2	Bài báo: <i>Tìm hiểu và đề xuất các mô hình nông</i>	Hội thảo Khoa		

	<i>nghiệp sinh thái nhằm bảo vệ môi trường lưu vực sông Thị Tính, tháng 3/2012, trang 40-46; Hội thảo giải pháp bảo vệ môi trường và bảo vệ sông Thị Tính.</i>	học Khoa Môi trường/ Đại học Thủ Dầu Một		
3	Bài báo: <i>Quy hoạch phát triển nông nghiệp đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, tháng 5/2010 trang 92-103; Kỷ yếu hội thảo phát triển đô thị bền vững thành phố Hồ Chí Minh.</i>	Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội tỉnh Thừa Thiên Huế - TP.Hồ Chí Minh		
4	Bài báo: <i>Định hướng sử dụng đất nông nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, tháng 6/2017; Kỷ yếu Hội thảo Công nghệ Sinh học và Sinh học ứng dụng khu vực Đông Nam Bộ - lần 1</i>	Đại học Thủ Dầu Một		
5	Bài báo: <i>Đánh giá hiện trạng và đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Nhà Bè – TP.HCM; Tạp chí TDMU, số tháng 3/2018.</i>	Đại học Thủ Dầu Một		

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

1						
---	--	--	--	--	--	--

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh
1	2016	Ban nội dung Hội thảo IFGTM 2016	Thành viên
2	2017	Ban nội dung Hội thảo Công nghệ Sinh học Đông Nam Bộ - lần 1	Phó trưởng ban

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KHOA HỌC

THỦ DẤU MỘT

TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày tháng năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

huu

ThS. Đặng Trung Thành

LÝ LỊCH KHOA HỌC¹

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: PHẠM THỊ MỸ TRÂM
Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 14 – 08 -1985
Nơi sinh: Quảng Ngãi
Quê quán: Quảng Ngãi
Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc sĩ
Năm, nước nhận học vị: 2012
Chức danh khoa học cao nhất:
Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa CNTP
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Phú Chánh, Tân Uyên, BD
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD: 0986137349
Fax: Email: tramtptm@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính qui; Nơi đào tạo: ĐH Nông Lâm, Tp.HCM; Ngành học: Chế biến bảo quản nông sản thực phẩm; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2007; Bằng đại học 2:.....; Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ sinh học; Năm cấp bằng 2012; Nơi đào tạo: ĐH Bách Khoa, Tp.HCM

- Tiến sĩ chuyên ngành: Công nghệ sinh học. Năm cấp bằng: Đang trong thời gian đào tạo; Nơi đào tạo: ĐH Bách Khoa, Tp.HCM;

Tên luận án: Nuôi cấy tế bào cây xạ đen (*Ehretia asperula* Zollinger et Moritzi) *in vitro* để thu nhận sinh khối có khả năng sinh tổng hợp acid rosmarinic

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: Toiec 690

2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2010 đến nay	Khoa CNTP, ĐH Thủ Đức	Giảng dạy

¹ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

--	--	--

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Khảo sát ảnh hưởng của ánh sáng lên sự sinh trưởng và sinh tổng hợp anthocyanin trong nuôi cấy huyền phù tế bào dâu tây (<i>Fragaria ananassa</i> L.)	2012	Khoa học và Công nghệ - ĐH Đà Nẵng
2	Khảo sát sự sinh trưởng huyền phù tế bào dâu tây (<i>Fragaria ananassa</i> L.) có khả năng sinh tổng hợp anthocyanin.	2012	Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐH QG Tp.HCM
3	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên sự sinh tổng hợp anthocyanin trong nuôi cấy tế bào huyền phù dâu tây (<i>Fragaria Ananassa</i> L.)	2012	Khoa học, Đại học Huế
	Khảo sát hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt của lục bình (<i>Eichornia Crassipess</i>) và ngồ trâu (<i>Enydra Fluctuans</i>)	2014	ĐH Thủ Dầu Một
	Bước đầu nghiên cứu việc sử dụng rác thải hữu	2015	ĐH Thủ Dầu Một

	cơ từ chợ làm thức ăn cho trùn quế		
	Ảnh hưởng của thời gian lưu đến khả năng xử lý nước thải sinh hoạt của lục bình (<i>Eichornia Crassipess</i>).	2015	ĐH Thủ Dầu Một
	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng lên quá trình thủy phân tinh bột hạt mít thành nguyên liệu sản xuất ethanol.	2016	ĐH Thủ Dầu Một
	Nghiên cứu hiệu quả ủ phân compost từ cây đậu xanh và cỏ dại tại địa bàn xã Minh Tân huyện Dầu Tiếng..	2017	ĐH Thủ Dầu Một
	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải sinh hoạt của một số loài thực vật.	2017	ĐH Thủ Dầu Một
	Nghiên cứu tỷ lệ phối trộn rom rạ, bã mía để sản xuất giá thể và sử dụng giá thể trồng rau.	2017	ĐH Thủ Dầu Một
	Nghiên cứu sản xuất giá thể trồng hoa từ một số phụ phẩm nông nghiệp, số 1, 2018	2018	ĐH Thủ Dầu Một
	Nghiên cứu nhân chồi xạ đen <i>Ehretia asperula</i> Zoll. et Mor bằng phương pháp in vitro	2019	ĐH Thủ Dầu Một
	Sản xuất hợp chất thứ cấp bằng nuôi cấy tế bào thực vật, số	2019	ĐH Thủ Dầu Một
	<u>Ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường đến quá trình nuôi cấy tế bào xạ đen (<i>Ehretia Asperula</i> Zoll. et Mor.)</u>	2020	Tạp chí Đại học Khoa học Huế: Khoa học Tự nhiên

Ảnh hưởng của chất điều hoà sinh trưởng thực vật, môi trường khoáng và pH lên sự hình thành mô sẹo từ lát cắt thân non cây Xạ đen (<i>Ehretia asperula</i> Zoll. et Mor.)	2020	Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐH QG Tp.HCM
Effects of plant growth regulators and sugars on <i>Ehretia asperula</i> Zoll. et Mor. cell cultures	2020	The 2020 International Symposium on Advanced Engineering (ISAE2020)

Xác nhận của cơ quan công tác
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KHOA HỌC



Bình Dương, ngày tháng năm 20

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Nguyễn Vinh Hiền
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 11 tháng 2 năm 1980
4. **Nơi sinh:** Quảng Trị
5. **Nguyên quán:** Quảng Trị
6. **Đơn vị công tác:** Khoa Khoa học Tự nhiên
7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2007
8. **Chức vụ:** Giảng viên
9. **Liên lạc:** 0985948090

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6 Trần Văn Ôn, Thủ Dầu Một, Bình Dương	122/19 Nguyễn Đức Thuận, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	0274382205/104	098 594 80.90
3	Email		hiennv@tdmu.edu.vn

11. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2008	Trường THCS Triệu Nguyên	Giáo viên chính
Từ 2008 đến 2013	Khoa Khoa học Tự nhiên	Giảng viên
2014 đến 1/4/2019	Phòng ĐBCL	Chuyên viên
1/4/2019 đến nay	Khoa Công nghệ Thực Phẩm	Giảng viên

12. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1998 -2002	Đại học Sư phạm Huế	Sinh học	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài cây có giá trị dược liệu tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
Thạc sỹ	2005– 2007	Đại học Huế	Động vật học	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài cá nước ngọt lưu vực sông Bến Hải, tỉnh Quảng Trị
Cao đẳng	2015- 2018	Cao đẳng y tế Bình Dương	Dược	
Đại học	2019 - nay	Đại học Thủ Dầu Một	Ngôn ngữ anh	

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng anh
2. Tiếng pháp

Mức độ sử dụng: khá

Mức độ sử dụng: trung bình

13. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

13.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Sinh học
- Chuyên ngành: Động vật học

13.2 Hướng nghiên cứu:

1. Nghiên cứu động vật, thực vật dược liệu

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Nghiên cứu sự hải lòng của Sinh viên trường ĐH TDM đối với các	Đề tài cấp trường	2014 - 2016		Thành viên	2016	

	dịch vụ công tại tường.						
2	Bảo tồn nguồn gen đồng khu Lê tinh Bình Thuận	Đề tài cấp tỉnh	2016-2019		Thành viên	2019	
3	Dẫn liệu bước đầu đặc điểm sinh học cá mè lúi <i>osteochilus hasselti</i> (valenciennes, 1842) ở hồ thủy điện sông ba, phú yên	Đề tài cấp trường	2017 - 2019		Thành viên	2019	
4	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài và khảo sát đặc điểm sinh trưởng, phát triển một số loài lan rừng Đông Nam bộ.	Đề tài cấp trường	2019-2020		Thành viên	2020	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

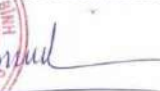
1. Các bài báo:

1.1. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Thành phần loài cá hệ thống sông Bến Hải, Quảng trị	1859-4425		
2	Nguyễn Minh Ty, Nguyễn Vinh Hiền, 2019. Dẫn liệu bước đầu về đặc điểm sinh học cá trôi (<i>Cirrhinus mottitorella</i> Valenciennes, 1842 ở hồ thủy điện sông Ba, Phú Yên. Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ nhất về Ngư loại học, Hà Nội.	Hội nghị khoa học toàn quốc về ngư loại học lần thứ nhất 2019		

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KHOA HỌC


TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày ... tháng năm 20...

Người khai



ThS. Nguyễn Vinh Hiền

LÝ LỊCH KHOA HỌC¹

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: TRẦN THANH HÙNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 07/12/1985

Nơi sinh: Quảng Nam

Quê quán: Quảng Nam

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2010

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Chương trình Sinh học ứng dụng, khoa Công nghệ thực phẩm, trường Đại học Thủ Dầu Một

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 109/40 đường Nguyễn Thái Bình, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại liên hệ: CQ: 06503.834.931

NR:

ĐD: 0366455466

Fax:

Email: hungtt.khtn@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế; Ngành học: Cử nhân Sư phạm Sinh học; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2007; Bằng đại học 2: Cử nhân Ngôn ngữ Anh; Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Sinh học; Năm cấp bằng: 2010; Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

- Tiến sĩ chuyên ngành: Công nghệ Sinh học; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia TP HCM;

Tên luận án:....

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 01/2010 đến	Khoa Khoa học Tự nhiên,	Giảng viên

¹ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

08/2015	Trường Đại học Thủ Dầu Một	
Từ 08/2015 đến 10/2016	Khoa Tài nguyên Môi trường, Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 10/2016 – 08/2017	Khoa Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phó Trưởng bộ môn Công nghệ Vi sinh – Thực phẩm
Từ 08/2017 – 02/2020	Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 02/2020 đến nay	Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Xây dựng và sử dụng bộ tiêu bản hiển vi cố định trong giảng dạy học phần Thực vật học 1 tại Trường Đại học Thủ Dầu Một	2015/2016	Trường	Tham gia
2	Nghiên cứu hoạt tính kháng sâu khoang (<i>Spodoptera litura</i>) hại rau lang của tinh dầu chiết xuất từ một số loài thực vật ở Bình Dương	2018/2019	Trường	Chủ nhiệm
3	Nghiên cứu hoạt tính kháng <i>Helicobacter pylori</i> của tinh dầu từ một số loài thuộc họ Gừng	2019/2021	Trường	Chủ nhiệm
4	Nghiên cứu hoạt tính diệt và xua đuổi muỗi vằn (<i>Aedes Aegypti</i>) của tinh dầu từ một số loài thực vật ở Bình Dương	2020/2022	Trường	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
----	----------------	-------------	-------------

1	Ảnh hưởng của thời vụ gieo trồng đến thời gian phát triển và tổng tích nhiệt hữu hiệu của giống ngô nếp nù	2011	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một</i>
2	Thành phần loài thực vật Hai lá mầm ven bờ sông Sài Gòn qua khảo sát tại phường Chánh nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	2014	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một</i>
3	Thành phần loài cây thuốc hai lá mầm ở ven bờ sông Sài Gòn qua khảo sát tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	2015	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một</i>
4	Xây dựng và sử dụng bộ tiêu bản hiển vi cố định trong dạy học học phần thực vật học tại trường Đại học Thủ Dầu Một	2016	<i>Tạp chí Giáo dục</i>
5	Ảnh hưởng của thời gian nhuộm và khử nước lên chất lượng tiêu bản hiển vi cố định quá trình nguyên phân ở tế bào rễ cây tỏi",	2016	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một</i>
6	Ảnh hưởng của thời gian nhuộm và khử nước lên chất lượng tiêu bản hiển vi cố định ở cây Trầu không (<i>Piper betle</i> L.)	2016	<i>Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 2 về Nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Đà Nẵng.</i>
7	Thành phần loài thực vật Hai lá mầm thân thảo ven bờ sông Sài Gòn qua khảo sát tại phường thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	2016	<i>Hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc, Thành phố Hồ Chí Minh</i>

8	Ảnh hưởng của tinh dầu cúc leo (<i>Mikania cordata</i>) đến sự phát triển và tính ngán ăn của sâu khoang (<i>Spodoptera litura</i>)",	2017	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một</i>
9	Hoạt tính trừ sâu khoang (<i>Spodoptera litura</i>) của tinh dầu chiết xuất từ cây cúc bò (<i>Wedelia trilobata</i>) ở Bình Dương"	2017	<i>Hội nghị toàn quốc lần thứ 7 về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hà Nội.</i>
10	Anti- <i>Helicobacter pylori</i> Activity of Essential Oil from <i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit	2018	<i>The 1st International conference on microbiology and one health in University of Science-HCM.</i>
11	Khảo sát hoạt tính kháng <i>Helicobacter pylori</i> và ức chế <i>H. pylori</i> -urease của cao chiết và tinh dầu lá ôi <i>Psidium guajava</i> L	2018	Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc, Viện Công nghệ sinh học Việt Nam, Hà Nội.
12	Khảo sát hoạt tính kháng ăn và diệt ấu trùng của tinh dầu từ lá tía tô dại (<i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit.), cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i> (L.) RM King & H. Rob) và ngũ sắc (<i>Lantana camara</i> L.) lên sâu khoang <i>Spodoptera litura</i> Fab.(Lepidoptera: Noctuidae)	2020	<i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Tự nhiên</i>

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Xác nhận của cơ quan công tác
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC



TS. Trần Văn Trung

Người khai kí tên
 (Ghi rõ chức danh, học vị)



ThS. Trần Thanh Hùng

LÝ LỊCH KHOA HỌC¹

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HIỀN Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 24-08-1977 Nơi sinh: Duy Phú, Duy Xuyên, Quảng Nam
Quê quán: Duy Phú, Duy Xuyên, Quảng Nam Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước nhận học vị: 2020
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Công nghệ thực phẩm -
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 29-N25-Khu phố 1-Phú Tân-Thủ Dầu Một-
Bình Dương
Điện thoại liên hệ: CQ: 02743844028 NR: DD: 0708535001
Fax: Email: hienntt@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định;
Ngành học: Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp; Nước đào tạo: Việt Nam;
Năm tốt nghiệp: 1999;
Bằng đại học 2: Ngôn ngữ Anh; Năm tốt nghiệp: 2015

2. Sau đại học

Thạc sĩ chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm; Năm cấp bằng: 2008;
- Nơi đào tạo: Đại học Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
- Nơi học (trường, thành phố): Đại học Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
Tiến sĩ chuyên ngành: Công nghệ sinh học; Năm cấp bằng: 2020;
- Nơi đào tạo: Học viện Khoa học và công nghệ;
- Hình thức đào tạo: Chính quy
Tên luận án: Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và ảnh hưởng của kích dục tổ
đến khả năng sinh sản của cây vòi hương (*Paradoxurus hermaphroditus* Pallas,
1777) trong điều kiện nuôi nhốt.

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh	Mức độ sử dụng: Khá
2. Tiếng Pháp	Mức độ sử dụng: Trung bình

¹ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
9/1999-4/2011	THPT Phù Mỹ 2-Bình Định	Giáo viên
5/2011-5/2015	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy, Nghiên cứu khoa học, Trưởng Bộ môn Sinh
6/2015-8/2015	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy, Nghiên cứu khoa học, Trưởng Bộ môn Sinh, Phó Trưởng khoa KHTN.
8/2015	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy, Nghiên cứu khoa học tại khoa Tài nguyên Môi trường, Phó BM Sinh học
10/2016-8/2017	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy, Nghiên cứu khoa học tại khoa Công nghệ sinh học, Phó BM CNSH Nông nghiệp
8/2017-2019	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy, Nghiên cứu khoa học tại khoa KHTN
2020	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy, Nghiên cứu khoa học tại khoa Công nghệ thực phẩm

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Giáo dục bảo vệ môi trường cho sinh viên sư phạm trường ĐH Thủ Dầu Một theo hướng giáo dục trải nghiệm qua Tiết học xanh	2013-2014	Cấp trường	Thành viên
	Nghiên cứu hiện tượng 2ang tóc của trẻ em từ 8-15 tuổi ở tỉnh Bình Dương	2014-2015	Cấp trường	Chủ nhiệm
	Xác định nhu cầu dinh dưỡng và xây dựng khẩu phần thức ăn nhằm nâng khả năng sản xuất cà phê chồn nguyên liệu cho cây vôi hương (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777) trong điều kiện nuôi nhốt	2016-2017	Cấp trường	Chủ nhiệm
	Khảo sát hàm lượng Estrogen	2017-2018	Cấp trường	Chủ nhiệm

	và Progesterone trong phân của cây vòi hương (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777) trong điều kiện nuôi nhốt		
--	--	--	--

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Lê văn Chiên, Nguyễn Thị Thu Hiền, “Sự sinh trưởng của chuột cống (<i>Rattus norvegicus</i>) trong điều kiện nuôi tại Bình Định”.	2007	Tạp chí Khoa học- Đại học Quy Nhơn, số 4, tập I.
2	Lê văn Chiên, Nguyễn Thị Thu Hiền, “Sự sinh trưởng và sinh sản của chuột lắt (<i>Rattus exulans</i> Peale, 1848) trong điều kiện nuôi tại Bình Định”.	2012	Tạp chí Khoa học- Đại học Quy Nhơn, số 2, tập VI.
3	Nguyễn Thị Thu Hiền, “Sự sinh sản của chuột cống (<i>Rattus norvegicus</i>) trong điều kiện nuôi tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định”.	2014	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, tr 17-24, Số 1(14)-
4	Nguyễn Thị Thu Hiền, Lê Thị Ngọc, “Đặc điểm sinh trưởng của gà tre trong điều kiện nuôi thả vườn tại huyện Bến Cát tỉnh Bình Dương”.	2014	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, tr 32-39, Số 18.
5	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thúy Hiệp, “Nghiên cứu thể lực của học sinh tiểu học ở thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương”.	2015	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, tr43-50, số 5(24)
6	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thúy Hiệp, “Nghiên cứu thể lực của học sinh Trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương”.	2015	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, tr40-47 Số 6 (25)
7	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Nhi, Lê Thị Thu Huệ, “Nghiên cứu một số chỉ số sinh lý của học sinh từ 8-15 tuổi ở	2016	Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, Số 5 (30) –68-74

	tỉnh Bình Dương”,		
8	Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Phuong Thao, Nguyen Thanh Binh, Một số đặc điểm sinh trưởng của cây vòi hương (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777) trong điều kiện nuôi nhốt,	2017	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 33 (1S), 207-213
9	Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Phuong Thao, Nguyen Thanh Binh, Study on hematological parameters of common palm civets (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777) in captivity	2017	Tạp chí Công nghệ sinh học, 15(3A), 71-76.
10	Đánh giá cảm quan sản phẩm cà phê Robusta chồn của trường Đại học Thủ Dầu Một	2017	Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một, Số 3(34), 62-67
11	Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Phuong Thao, Nguyen Thanh Binh, A non-invasive technique to monitor reproductive hormone levels in common palm civets, <i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777.	2018	Academia Journal of Biology, 40(3): 74-81.
12	Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Phuong Thao and Nguyen Thanh Binh, Blood and urinary biochemical parameters of the Common Palm Civets (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> , Pallas 1777) in captivity,	2018	Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics, 235, 90-96.
13	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thanh Bình, Đánh giá tính chất lí hoá cà phê Robusta chồn của trường Đại học	2018	Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một, Số 1(36)- 59-68

	Thủ Dầu Một		
14	Ảnh hưởng của kích dục tố lên động thái sinh dục và khả năng sinh sản của cây vôi hương chậm động dục	2020	Tạp chí Đại học Khoa học Huế: Khoa học Tự nhiên Tập 129, số 1A

Xác nhận của cơ quan
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai kí tên
 (Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu tạo chế phẩm nấm <i>Trichoderma</i> có khả năng phòng trị bệnh nấm hồng do nấm <i>Corticium salmonicolor</i> gây ra trên cây cao su (<i>Hevea brasiliensis</i>)	2015/2016	Trường	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Dung Nguyen, Trang Huynh and Tu Nguyen, ANTI-BIOFILM ACTIVITIES OF <i>Lactobacillus acidophilus</i> AGAINST <i>Staphylococcus aureus</i> ATCC 25923, Journal of Chemical and Pharmaceutical Research 8(8), 464-467, 2016	2016	Journal of Chemical and Pharmaceutical
2	Dung V. Nguyen, Tuan Q. Nguyen and Tu H. K. Nguyen, Differentiation of <i>Leuconostoc mesenteroides</i> media modified with different sugars, Journal of Chemical and Pharmaceutical Research 8(8), 502-506, 2016	2016	Journal of Chemical and Pharmaceutical
3	Hoang HH Nguyen, Dung A Nguyen, Tu KH Nguyen (2018), Biological Activities of poly (Lactic acid) polymer produced from <i>Lactobacillus rhamnosus</i> PN04, Research Journal of Pharmacy and Technology, ISSN 0974-360X (Online), 11(7): 3057-3062.	2018	Research Journal of Pharmacy and Technology
4	Giang Vo, Vinh Doan, Dung Nguyen, Tu Nguyen (2018), Improvement of Antibiotic Production in fungi, Research Journal of Pharmacy and Technology, ISSN 0974-360X (Online), 11(7): 3227- 3233.	2018	Research Journal of Pharmacy and Technology
5	Luan Vu Kinh, Dung Nguyen Anh, Santa Romero Jovel, and Tu Nguyen Hoang Khue (2019), Tinidazole Delivery Improved by Nanosized Minicells Originated from <i>Leuconostoc mesenteroides</i> , Hindawi - Journal of Nanomaterials, Vol 2019, Article ID 7684795, 9 pages.	2019	Hindawi - Journal of Nanomaterials,
6	Nguyễn Thị Nhật Hằng, Mai Thị Ngọc Lan Thanh, Nguyễn Anh Dũng, Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Phương Phong, Eco-friendly synthesis of gold nanoparticles using <i>Averrhoa carambola</i> L.,	2016	Journal of Science and technology

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Journal of Science and technology 54-2A, 14-20, 2016		
7	Đỗ Lương Ngọc Châu, Nguyễn Anh Dũng, Khả năng đối kháng của nấm <i>Trichoderma</i> spp. với nấm <i>Sclerotium</i> spp. gây bệnh thối thân và thối lá trên lan <i>Mokara</i> và <i>Dendrobium</i> , Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một số 6 (25), 17-23, 2015	2015	Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một
8	Nguyễn Anh Dũng, Khả năng đối kháng của nấm <i>Trichoderma</i> với nấm <i>Corticium salmonicolor</i> gây bệnh nấm hồng trên cây cao su, Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một số 2(27), 56-61, 2016	2016	Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một
9	Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Anh Dũng, Mai Thị Ngọc Lan Thanh, Trần Thị Ngọc Như, Nghiên cứu thu nhận enzyme pectinase từ <i>aspergillus</i> nuôi cấy trên môi trường bán rắn chứa củi buri để nâng cao hiệu quả bóc vỏ tiêu, Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một số 5(30), 82-89, 2016	2016	Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một
10	Nguyễn Anh Dũng, Trần Ngọc Hùng, Mai Thị Ngọc Lan Thanh, nghiên cứu sản xuất và ứng dụng bào tử nấm <i>Trichoderma harzianum</i> NAD101 trong phòng trị bệnh nấm hồng do nấm <i>Corticium salmonicolor</i> trên cây cao su, Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một số 1(36), 44-50, 2018	2018	Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một
11	Nguyễn Anh Dũng, Nguyễn Hoàng Khuê Tú, Khảo sát khả năng kháng vi khuẩn <i>B. subtilis</i> và <i>E. coli</i> của vi khuẩn <i>Lactobacillus fermentum</i> được phân lập từ thực phẩm lên men, Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 94, 22-31, 2018	2018	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi
12	Nguyễn Bá Tư, Nguyễn Thanh Thuận, Nguyễn Anh Dũng, Tăng Công Trường (2014), Thu nhận Protein Lz-8 từ dịch huyền phù tế bào nấm linh chi bằng kỹ thuật sắc ký cột GPC và sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, ISSN 1859 – 4433, số 1(14): 31-37.	2014	Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một



TS. Trần Văn Trung

....., ngày tháng năm
 Người khai ký tên
 (Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Anh Dũng

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
05/2010 -5/2011	Đại học Bình Dương	Giảng viên
07/2011 – nay	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ BIỂU HIỆN MicroRNA TRONG TUYẾN CHỌN GIỐNG LÚA KHÁNG BỆNH ĐẠO ÔN (<i>MAGNAPORTHE ORYZAE</i>)	2016/2019	Đề tài Sở KH-CN Tp.Hồ Chí Minh	Tham gia nghiên cứu

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Ứng dụng phương pháp PCR trong việc xác định nấm gây bệnh đạo ôn trên lúa, <i>Magnaporthe oryzae</i>	2016	Tạp chí ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh
2	Thiết kế và nghiên cứu bioreactor ngâm chìm định kỳ cho cây dứa Cayenne	2016	Tạp chí ĐH Thủ Dầu Một
3	Phân tích đa hình nấm đạo ôn (<i>Magnaporthe oryzae</i>) ở Việt Nam bằng kỹ thuật SSR marker	2018	Hội nghị Nghiên cứu Khoa học Giảng viên và sinh viên – Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một.
4	Khảo sát sự hiện diện của các gen không độc trên các mẫu phân lập nấm đạo ôn (<i>MAGNAPORTHE</i>)	2017	Tạp chí Đại Học Mở TP.HCM

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	ORYZAE) ở Việt Nam.		
5	Nghiên cứu xử lý nước thải sinh hoạt của xí nghiệp xử lý nước thải Thủ Dầu Một bằng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i>	2017	Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một

Xác nhận của cơ quan
TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
TS. Trần Văn Trung

....., ngày tháng năm

Người khai ký tên
 (Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Bằng Phi

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 07/08/1979

4. **Nơi sinh:** Quảng Nam

5. **Nguyên quán:** Quảng Nam

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Tiến sĩ

Năm đạt học vị: 2016

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường ĐH Thủ Dầu Một, Số 6, Trần Văn Ôn, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.	21D2, Khu dân cư Hiệp Thành 1, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0908 237 413
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	tramntb@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1													

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời	Số hiệu	Sản phẩm của đề	Ghi
----	---	---------	-----------------	-----

	<i>gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>ISBN</i>	<i>tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>chú</i>
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>

1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị


 TL. HIỆU TRƯỞNG
 TP. KHOA HỌC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 THỦ DẦU MỘT
 TS. Trần Văn Trùng

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai
 (Họ tên và chữ ký)


 TS. NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 04/02/1984

4. Nơi sinh: Đức Thọ – Hà Tĩnh

5. Nguyên quán: Đức Thọ – Hà Tĩnh

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa học Tự nhiên

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ: Giảng viên

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa KHTN	Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0905903568
3	Email		duyenpth@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Viết	Đọc hiểu tài liệu
----	---------------	------	-----	------	-------------------

		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1	Tiếng Nga	x			x			x			x		
2	Tiếng Anh			x			x			x		x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2010 đến 2013	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn – Đà Nẵng	Giáo viên
Từ 2013 đến nay	Khoa KHTN- ĐH TDM	Giảng viên
.....		
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2004-2008	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Voronezh – LB Nga	Hóa học	Tổng hợp các pyridopyrimidines trên cơ sở 6-aminopyrimidin-4-ones
Thạc sỹ	2008-2010	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Voronezh – LB Nga	Hóa học hữu cơ	Các dẫn xuất dimethylaminomethylene của các hợp chất carbonyl trong tổng hợp các pyridopyrimidinone
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Lý luận dạy học Đại học	2013	Trường ĐHSP TPHCM	Bồi dưỡng sau Đại học
B2 tiếng Anh-khung châu Âu; -chứng chỉ Elteach	2016	Trường ĐHSP TpHCM	Bồi dưỡng cán bộ giảng dạy bằng tiếng Anh
Nghịệp vụ sư phạm	2017	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Tổng hợp hữu cơ; các hợp chất thiên nhiên
- Chuyên ngành: Hóa hữu cơ

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Tổng hợp hữu cơ
2. Các hợp chất thiên nhiên

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
----	---	---	---------	--

1	П.С. Романов, Фам Тхи Хонг Зуен, М.Ю. Крысин, Х.С. Шихалиеву, <i>СИНТЕЗ 2-ГЕТЕРИЛ-5-АРИЛ-3,4,5,6,7,8-ГЕКСАГИДРОПИРИДО[2,3-D]ПИРИМИДИН-4,7-ДИОНОВ НА ОСНОВЕ 6-АМИНОПИРИМИДИН-4-ОНОВ</i>, Научное издание: КАРБОНИЛЬНЫЕ СОЕДИНЕНИЯ В СИНТЕЗЕ ГЕТЕРОЦИКЛОВ// Сборник научных трудов/ Под редакцией профессора А.П.Кривенько. Издательство «Научная книга», 2008.			
2	Д. В. Пенина, П. С. Романов, Т. И. Степаненко, М. Ю. Крысин, М. А. Презент, Фам Тхи Хонг Зуен, А. С. Соловьев, <i>РЕЦИКЛИЗАЦИЯ АЗЛАКТОНОВ ПРИ ВЗАИМОДЕЙСТВИИ С ЕНАМИНОКАРБОНИЛЬНЫМИ СОЕДИНЕНИЯМИ</i>, ВЕСТНИК ВГУ, СЕРИЯ: ХИМИЯ. БИОЛОГИЯ. ФАРМАЦИЯ, 2010, № 1			
	П. С. Романов, А. С. Чувашлев, Фам Тхи Хонг Зуен, А. Б. Перепопова, М. Ю. Крысин, <i>НОВЫЙ ПОДХОД К СИНТЕЗУ ИНДЕНОАННЕЛИРОВАННЫХ АЗАГЕТЕРОЦИКЛОВ</i>, ВЕСТНИК ВГУ, СЕРИЯ: ХИМИЯ. БИОЛОГИЯ. ФАРМАЦИЯ, 2010, № 1. (Vietnhik VGU, Seria: Hóa học, Sinh học, Dược học, 2010, Số 1).			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Романов П.С., Фам Тхи Хонг Зуен, Перепонова А.Б., Крысин М.Ю., <i>Новый подход к синтезу замещенных пиримидинон</i> , 4-Я ВСЕРОССИЙСКАЯ С МЕЖДУНАРОДНЫМ УЧАСТИЕМ НАУЧНО-МЕТОДИЧЕСКОЙ КОНФЕРЕНЦИИ «ФАРМОБРАЗОВАНИЕ 2010» (Hội thảo khoa học toàn Nga với sự tham gia quốc tế lần thứ 4. Năm 2010).			
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Phạm Thị Hồng Duyên, <i>Hướng tiếp cận mới trong tổng hợp các dị vòng nitơ khung inden</i> , Kỳ yếu Hội thảo “Hóa học vì sự phát triển bền vững” – Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2015			
2	Phạm Thị Hồng Duyên, <i>Ảnh hưởng của các hiệu ứng trong phân tử lên tính acid-base của các hợp chất hữu cơ</i> , Kỳ yếu hội thảo cấp trường “Định hướng bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học” – Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2016.			
3	Giáo trình <i>Hóa đại cương dành cho sinh viên không thuộc chuyên ngành Hóa</i> (Chủ biên: TS. Phạm Đình Dũ), Trường Đại học			

	Thủ Dầu Một, 2016.			
4	Phạm Thị Hồng Duyên, Nguyễn Thị Lê Nguyệt, <i>NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN HÓA HỌC, HOẠT TÍNH KHÁNG KHUẨN VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG OXY HÓA CỦA TINH DẦU LÁ MỘT SỐ LOÀI CHANH, Kỷ yếu Hội thảo cấp trường: Hóa học vì sự phát triển bền vững lần 4, Trường ĐH TDM, 2018.</i>			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

ThS. Phạm Thị Hồng Duyên

ThS. Phạm Thị Hồng Duyên

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: LƯU HUỖNH VẠN LONG

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 1984

4. Nơi sinh: Đồng Nai

5. Nguyên quán: Thừa Thiên Huế

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa học tự nhiên

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2013

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ:

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học tự nhiên, trường Đại học Thủ Dầu Một	Khu phố 3, Phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503844028	0986616225
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	vanlongtdm@gmail.com

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Viết	Đọc hiểu tài liệu
----	---------------	------	-----	------	-------------------

		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1	Tiếng anh			x			x		x			x	
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 9/2006 đến 12/2010	Trường THPT Thanh Hòa – Bù Đốp – Bình Phước	Giáo viên
Từ 1/ 2011 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một – Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2002-2006	ĐH Sư Phạm, Tp. Hồ Chí Minh	Sư phạm Hóa học	
Thạc sỹ	2009 - 2012	ĐH Khoa học tự nhiên, Tp. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Khảo sát thành phần hóa học của cây an điền hoa nhỏ <i>Hedyotis tenelliflora</i> Blume họ cà phê (Rubiaceae)
NCS	2014-2017	ĐH Khoa học tự nhiên, Tp. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Khảo sát thành phần hoá học và hoạt tính sinh học của cây <i>Aegiceras floridum</i> , họ Sú (Aegicerataceae) và cây <i>Xylocarpus granatum</i> , họ Xoan (Meliaceae) mọc ở rừng ngập mặn Cần Giờ - TP. HCM
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Anh văn TOEFL ITP 450	Tháng 9/2010	ETS	Chứng chỉ Ngoại ngữ sau đại học
Tin học ứng dụng trình độ A	Tháng 3/2006	ĐH Sư Phạm, Tp. Hồ Chí Minh	Tin học văn phòng
Chứng chỉ lý luận dạy học đại học	Tháng 9/2011	Trường đại học KHXH&NV, Tp. HCM	Bồi dưỡng lý luận giảng dạy Đại học
Chứng chỉ bồi dưỡng và quản lý Phòng thí nghiệm	8/5/2012 - 6/6/2012	Trường ĐH KHTN TP.HCM	Bồi dưỡng và quản lý Phòng thí nghiệm cho cán bộ phụ trách PTN

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Hóa học
- Chuyên ngành: Hóa hữu cơ

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Phân lập các hợp chất thiên nhiên

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Khảo sát thành phần hóa học và thử nghiệm độc tính tế bào	Cấp Trường	12 tháng	55.408.000	Chủ nhiệm	Nghiệ m thu	

	ung thư của cây sú trắng (<i>Aegiceras floridum</i>) họ Sú (Aegicerataceae)		12/2016 - 12/2017			7/2018	
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Luu Huynh Van Long, Vo Thi Nga, Nguyen Phuc Dam, Mai Anh Hung, Tu Duc Dung, Ton That Quang, Nguyen Kim Phi Phung Three new iridoid glucoside salts from <i>Hedyotis tenelliflora</i> growing in Vietnam, <i>Natural Product Communications</i> , 8 (11), 1507-1508, 2013	1934-578X (printed); 1555-9475 (online) ISI		
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyen Phuc Dam, Tu Duc Dung, <u>Luu Huynh Van Long</u> , Nguyen Kim Phi Phung, Four triterpenoids from <i>Hedyotis tenelliflora</i> Blume (Rubiaceae) growing in Vietnam, <i>Vietnamese Journal of Chemistry</i> , 48 (4B), 250 – 254, 2010	0866-7144		
2	Luu Huynh Van Long, Mi Thi Hao, Vo Thanh Giang, Nguyen Kim Phi Phung, Chemical constituents from the mangrove plant, <i>aegiceras floridum</i> , <i>Vietnamese Journal of Chemistry</i> , 55(3e), 243 – 247, 2017	0866-7144		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
----	---	--------------	----------------------------	---------

			(chỉ ghi mã số)	
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

THS. LƯU HUỖNH VẠN LONG

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên: PHẠM ĐÌNH DŨ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/05/1979
- Nơi sinh: huyện Phú Vang, tỉnh TT-Huế
- Nguyên quán: huyện Phú Vang, tỉnh TT-Huế
- Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: khoa Khoa học Tự nhiên

- Học vị vào nhất: Tiến sĩ Năm đạt học vị: 2012

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: 2020 Nơi công nhận: ĐH Thủ Dầu Một

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận: ...

9. Chức danh nghiên cứu:

- Chức vụ: Trưởng Bộ môn Hóa học

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường ĐH Thủ Dầu Một, Số 6, Trần Văn Ôn, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.	Hẻm 324/46A, đường Lê Hồng Phong, tổ 5, khu 4, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0979 665 444
3	Email	khoakhntn@tdmu.edu.vn	pddukt@yahoo.com dupd@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu TL		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		✓			✓		✓			✓		

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 10/2002 đến 09/2005	Trường CĐSP Kon Tum	Giảng viên
Từ 10/2005 đến 11/2007	Trường CĐSP Kon Tum; Trường ĐHSP - Đại học Huế	Giảng viên; Học viên cao học

Từ 12/2007 đến 05/2009	Trường CĐSP Kon Tum	Giảng viên
Từ 06/2009 đến 05/2012	Trường CĐSP Kon Tum; Trường ĐHSP - Đại học Huế	Giảng viên; Nghiên cứu sinh
Từ 06/2012 đến 06/2013	Trường CĐSP Kon Tum	Giảng viên
Từ 07/2013 đến 07/2014	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 08/2014 đến 12/2015	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên; Phó Trưởng Bộ môn Hóa học
Từ 01/2016 → nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên; Trưởng Bộ môn Hóa học

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	Từ 09/1998 đến 05/2002	Trường ĐH Quy Nhơn	SP Hóa học	
Thạc sĩ	Từ 09/2005 đến 11/2007	Trường ĐHSP, ĐH Huế	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu rây phân tử mao quản trung bình Fe-MCM-41 và khảo sát hoạt tính xúc tác trong phản ứng oxi hóa phenol
Tiến sĩ	Từ 06/2009 đến 05/2012	Trường ĐHSP, ĐH Huế	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Nghiên cứu chức năng hóa vật liệu MCM-41 bằng hợp chất silan chứa nhóm amin hoặc thiol và khảo sát tính chất hấp phụ
Tiến sĩ khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Bằng cử nhân	Từ 01/2010 đến 12/2011	Trường ĐH Ngoại Ngữ, ĐH Huế	Tiếng Anh (Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học)
Giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn	22/10/2015	HORIBA Vietnam Co., Ltd at Institute of Drug Quality Control, Ho Chi Minh City	Technical Workshop on Laser Scattering Particle Size Distribution
Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học	15/12/2005	Hue-Aptech	Microsoft Windows 2000 Professional and Microsoft Windows 2000 Server
Chứng chỉ môn học sau đại học	16/10/2005	Đại học Huế	Triết học (Thuộc chương trình NCS, Cao học)
Giấy chứng nhận	26/12/2007	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	Lý luận dạy học Đại học

hoàn thành môn học			(Theo chương trình liên kết thuộc Dự án ĐT GV THCS – Bộ GD&ĐT)
Giấy chứng nhận hoàn thành môn học	26/12/2007	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	Nhập môn phương pháp luận của khoa học nghiên cứu (Theo chương trình liên kết thuộc Dự án ĐT GV THCS – Bộ GD&ĐT)
Giấy chứng nhận hoàn thành môn học	26/12/2007	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học (Theo chương trình liên kết thuộc Dự án ĐT GV THCS – Bộ GD&ĐT)

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1. Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Vật liệu xúc tác và hấp phụ
- Chuyên ngành: Hóa lý

16.2. Hướng nghiên cứu:

1. Vật liệu có cấu trúc mao quản
2. Vật liệu có kích thước nano
3. Hoạt tính hấp phụ và xúc tác của vật liệu

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Biến tính vật liệu mao quản trung bình MCM-41: Tổng hợp, Đặc trưng và Hoạt tính	T.NCS 09-TN-03 Khoa Hóa, Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế/ Đào tạo NCS	04/2009-12/2009		Chủ nhiệm		Tốt
2	Nghiên cứu hoạt tính xúc tác và hấp phụ của vật liệu mao quản trung bình Aminopropyl-MCM-41	T.NCS-2010-TN-13 Khoa Hóa, Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế/ Đào tạo NCS	03/2010-12/2010		Chủ nhiệm		Tốt
3	Giáo trình Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không chuyên Hóa)	Số hợp đồng: 295/HĐ-BSTLGD ngày 17/8/2015, Khoa KHTN, Trường ĐH Thủ Dầu Một	08/2015 - 07/2016	22.8	Chủ biên	25/8/2016	Khá
4	Nghiên cứu loại bỏ ion Pb(II) và xanh metylen trong môi trường nước bằng vật liệu thải từ qui trình khai thác bauxite	Số hợp đồng: 07/HĐ-NCKHPTCN ngày 02/02/2016, Khoa KHTN, Trường ĐH Thủ Dầu Một	02/2016 - 09/2016	50.2	Chủ nhiệm	14/10/2016	Xuất sắc

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Hoàng Bắc	Nghiên cứu biến tính, đặc trưng hóa lý và hoạt tính hấp phụ của bùn đỏ thải từ các nhà máy nhôm ở Tây Nguyên	2014	Thạc sĩ	Chính	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Dinh Quang Khieu, Bui Hai Dang Son, Vo Thi Thanh Chau, Pham Dinh Du, Nguyen Hai Phong and Nguyen Thi Diem Chau, "3-Mercaptopropyltrimethoxysilane Modified Diatomite: Preparation and Application for Voltammetric Determination of Lead (II) and Cadmium (II)", Journal of Chemistry, vol. 2017, Article ID 9560293, 10 pages, 2017. doi:10.1155/2017/9560293.	ISSN: 2090-9071 (Online)	0.996	
2	Mai Thi Thanh, Tran Vinh Thien, Vo Thi Thanh Chau, Pham Dinh Du, Nguyen Phi Hung, and Dinh Quang Khieu, "Synthesis of Iron Doped Zeolite Imidazolate Framework-8 and Its Remazol Deep Black RGB Dye Adsorption Ability", Journal of Chemistry, vol. 2017, Article ID 5045973, 18 pages, 2017. doi:10.1155/2017/5045973.	ISSN: 2090-9071 (Online)	0.996	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sân phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Phạm Đình Dũ , Võ Thị Thanh Châu, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu tổng hợp vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với nguồn oxit silic được điều chế từ vỏ trấu, <i>Tạp chí Hóa học & Ứng dụng</i> , số 5 (77), tr. 47-49, (2008).	0866 – 7004		
2	Nguyễn Khoái, Nguyễn Lê Mỹ Linh, Đinh Quang Khiếu, Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu quá trình phân hủy chất hoạt động bề mặt trong tổng hợp vật liệu Fe-MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học - Đại học Huế</i> , số 48, tr. 85-91, (2008).	1859 – 1388		
3	Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Phạm Đình Dũ , Functionalization of diatomite with 3-mercaptopropylmethoxysilane, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 47 (6A), pp. 354-359, (2009).	0866 – 7144		
4	Phạm Đình Dũ , Đặng Thị Quỳnh Lan, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu chức năng hóa amino/MCM-41 bằng phương pháp ngưng tụ trực tiếp, <i>Tạp chí Hóa học & Ứng dụng</i> , số 01, tr. 19-22, (2010).	0866 – 7004		
5	Nguyễn Văn Ly, Đinh Quang Khiếu, Phạm Đình Dũ , Ngô Huy Du, Trần Tứ Hiếu, Nghiên cứu biến tính diatomite bằng 3-(triethoxysilyl)-1-propanamine và hoạt tính hấp phụ kim loại nặng, <i>Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , T. 15 (3), tr. 58-63, (2010).	0868 – 3224		
6	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Văn Ly, Đinh Quang Khiếu, A study on adsorption of Cd(II) from aqueous solution by mercaptopropyl-diatomite, <i>Journal of Science and Technology</i> , 48 (2A), pp. 31-37, (2010).	0866 – 708X		
7	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, So sánh một số cách tính tính chất xốp của vật liệu MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 48 (2A), tr. 38-45, (2010).	0866 – 708X		
8	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu chức năng hóa vật liệu mao quản trung bình MCM-41 bằng aminopropyl triethoxy silane, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 48 (2A), tr. 186-191, (2010).	0866 – 708X		
9	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Removal of organic template from mesoporous MCM-41, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 48 (4C), pp. 536-541, (2010).	0866 – 7144		
10	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Quá trình hấp phụ của ion Pb(II) và Cd(II) trong dung dịch nước bằng aminopropyl-MCM-41 theo một số mô hình đẳng nhiệt tuyến tính và phi tuyến, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 48 (5A), tr. 23-29, (2010).	0866 – 7144		
11	Trần Thái Hòa, Phạm Đình Dũ , Trần Minh Ngọc, Đinh Quang Khiếu, Biến tính vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với 3-aminopropyltriethoxysilan bằng phương pháp gián tiếp, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 48 (5A), tr. 87-93, (2010).	0866 – 7144		

12	Phạm Đình Dũ , Tran Minh Ngoc, Dinh Quang Khieu, Tran Thai Hoa, Kinetics and thermodynamics of anion Remazol Deep Black RGB dye adsorption on aminopropyl-MCM-41, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 49 (5AB), pp. 15-21, (2011).	0866 – 7144		
13	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Thùy Phương, Trần Xuân Mậu, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Chức năng hóa vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với 3-mercaptopropyl trimethoxy silane (MPTMS) bằng phương pháp gián tiếp, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 49 (5AB), tr. 574-580, (2011).	0866 – 7144		
14	Phạm Đình Dũ , Lê Trịnh Minh Phương, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Biến tính vật liệu mao quản trung bình MCM-41 bằng trietoxyvinyl silan, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 49 (5AB), tr. 581-587, (2011).	0866 – 7144		
15	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Thùy Phương, Trần Xuân Mậu, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu chức năng hóa vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với 3-mercaptopropyl trimethoxy silan bằng phương pháp trực tiếp, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 49 (5AB), tr. 588-594, (2011).	0866 – 7144		
16	Tran Thai Hoa, Phạm Đình Dũ , Dinh Quang Khieu, A comparative study on the synthesis of aminopropyl functionalized MCM-41 by direct and post-synthetic grafting, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 49 (5AB), pp. 641-646, (2011).	0866 – 7144		
17	Võ Triều Khải, Trần Thái Hoà, Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Nghiên cứu tổng hợp nano oxit kẽm dạng que bằng phương pháp thủy nhiệt có sự hỗ trợ của cetyltrimetyl amoni bromua, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 50 (3B), tr. 68-73, (2012).	0866 – 708X		
18	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu động học và nhiệt động học quá trình hấp phụ phẩm nhuộm astrazon black AFDL trong dung dịch nước bằng vật liệu Vinyl-MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 50 (3B), tr. 82-89, (2012).	0866 – 708X		
19	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu đẳng nhiệt hấp phụ quá trình hấp phụ Pb(II) và Cd(II) trong dung dịch nước bằng mercaptopropyl-MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 50 (3B), tr. 90-97, (2012).	0866 – 708X		
20	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu động học và nhiệt động học quá trình hấp phụ cation phẩm nhuộm astrazon black AFDL trong dung dịch nước bằng vật liệu Mercaptopropyl-MCM-41, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 51 (2AB), tr. 308-313, (2013).	0866 – 7174		
21	Hoàng Bắc, Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu đặc trưng hoá lý và tính chất nhiệt của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 51 (6ABC), tr. 459-462, (2013).	0866 – 7144		
22	Vo Thi Thanh Chau, Phạm Đình Dũ , Tran Thai Hoa, Dinh Quang Khieu, Statistical analysis of determination of surface area of metal organic framework MIL-101 by BET and Langmuir isotherms, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.2 (N°4), pp. 37-45, (2013).	0866 – 7411		
23	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, So sánh thống kê các mô hình đẳng nhiệt hấp phụ bằng phương pháp kiểm định cặp t, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , T2. (N°4), tr. 59-66, (2013).	0866 – 7411		
24	Lê Thị Hoà, Phạm Đình Dũ , Trần Thái Hoà, Đinh Quang Khiếu, Nghiên cứu phản ứng hydroxyl hoá phenol bằng hydroperoxide trên xúc tác SnO ₂ /MCM-41, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , T2. (N°4), tr.	0866 – 7411		

	102-110, (2013).			
25	Nguyễn Quốc Hòa, Lê Hồng Thắm, Trần Phi Hùng, Trần Thị Thùy Trang, Nguyễn Thị Quế, Phạm Đình Dũ , Hoàng Bắc, Nghiên cứu hấp phụ metylen xanh bằng sản phẩm thải từ ngành công nghiệp nhôm-Bùn đỏ, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 1 (14), tr. 44-51, (2014).	1859 – 4433		
26	Phạm Đình Dũ , Adsorption of Methylene Blue from aqueous solution onto Lamdong red mud, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.3 (N°4), pp. 39-44, (2014).	0866 – 7411		
27	Phạm Đình Dũ , Ảnh hưởng của phương pháp xử lý đến tính chất hấp phụ của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> , Tập 30 (Số. 6S-C), tr. 765-770, (2014).	0866 – 8612		
28	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Trung Hiếu, Đoàn Thị Diễm Trang, Nguyễn Đăng Thùy Tiên, Lý Ngọc Tâm, Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ Lâm Đồng trong quá trình Fenton dị thể để phân hủy xanh metylen, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 2 (21), tr. 88-94, (2015).	1859 – 4433		
29	Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Đình Dũ , Tổng hợp vật liệu silica cấu trúc mao quản trung bình trật tự MCM-41 từ diatomite, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , T4. (N°2), tr. 101-105, (2015).	0866 – 7411		
30	Phạm Đình Dũ , Application of activated diatomite for competitive adsorption of methylene blue and rhodamine B: Thermodynamic and kinetic studies, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.4 (N°2), pp. 118-126, (2015).	0866 – 7411		
31	Phạm Đình Dũ , A kinetic study on adsorption of methyl orange from aqueous solution onto Phu Yen diatomite, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.4 (N°4B), pp. 24-29, (2015).	0866 – 7411		
32	Phạm Đình Dũ , Ảnh hưởng của việc xử lý nhiệt hoặc axit đến tính chất và khả năng hấp phụ Pb(II) của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học - Đại học Huế</i> , T. 110, S. 11, tr. 55-64, (2015).	1859 – 1388		
33	Thùy Châu Tờ, Hồ Sỹ Thắng, Phạm Đình Dũ , Tổng hợp MnO ₂ có cấu trúc nano bằng phương pháp thủy nhiệt, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 54 (5e1,2), tr. 22-26, (2016).	0866 – 7144		
34	Phạm Đình Dũ , Isotherms, thermodynamics and kinetics of rhodamine B dye adsorption on natural diatomite, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 6 (31), tr. 33-40, (2016).	1859 – 4433		
35	Phạm Đình Dũ , Hồ Sỹ Thắng, Tính chất hóa lý của mangan oxide có cấu trúc nano được điều chế bằng phương pháp thủy nhiệt, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam</i> , T6. (N°1), tr. 32-36, (2017).	0866 – 7411		
36	Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Đình Dũ , Tổng hợp composite mangan oxide/diatomite và ứng dụng hấp phụ ion Pb(II) trong dung dịch nước, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam</i> , T6. (N°2), tr. 125-130, (2017).	0866 – 7411		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề	Ghi chú
----	---	--------------	-----------------	---------

			<i>tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	
1	Phạm Đình Dũ , Dinh Quang Khiêu, Tran Thai Hoa, Synthesis of organosilane functionalized MCM-41 materials and its dyes adsorption, The 3 rd International Workshop on Nanotechnology and Application (IWINA 2011), 10 th -12 th November 2011, Vung Tau, Vietnam, pp. 645-649.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Phạm Đình Dũ , Ảnh hưởng của việc xử lý nhiệt hoặc axit đến tính chất và khả năng hấp phụ Pb(II) của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Hội thảo Giảng dạy và nghiên cứu Hóa học</i> , 9/2014, Trường Đại học Phú Yên.			
2	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Trung Hiếu, Khảo sát một số đặc trưng và tính chất hóa lý của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Hội thảo khoa học lần 3</i> , 20/12/2014, Khoa Công nghệ Hóa học, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM.			
3	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Trung Hiếu, Đoàn Thị Diễm Trang, Nguyễn Đặng Thùy Tiên, Lý Ngọc Tâm, Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ Lâm Đồng trong quá trình Fenton dị thể để phân hủy xanh metylen, <i>Hội thảo Khoa học "Hóa học vì sự phát triển bền vững"</i> , 15/5/2015, Trường ĐH Thủ Dầu Một.			
4	Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Đình Dũ , Đặng Bảo Toàn, Phan Tuấn Hào, Phan Thị Tuyết Trinh, Nghiên cứu tổng hợp vật liệu silica cấu trúc mao quản trung bình từ diatomite Phú Yên, <i>Hội thảo Khoa học "Hóa học vì sự phát triển bền vững"</i> , 15/5/2015, Trường ĐH Thủ Dầu Một.			
5	Phạm Đình Dũ , Chu Thị Minh Hào, Trần Thị Kim Dung, Đoàn Thị Thủy Quyên, Trương Đình Thuận, Biến tính diatomite bằng oxit mangan: Điều chế và đặc trưng, <i>Hội thảo Khoa học "Hóa học vì sự phát triển bền vững"</i> , 15/5/2015, Trường ĐH Thủ Dầu Một.			
6	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu tính chất hấp phụ của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Hội thảo Khoa học "Các nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong Hóa học"</i> , 20/5/2016, Trường ĐH Đồng Nai.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bảng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh
1			
2			

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh
1			
2			

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia
1			
2			

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị


TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày tháng năm

Người khai


PGS-TS. Phạm Đình Dũ

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Nguyễn Thị Lợi
2. **Giới tính:** Nữ
3. **Ngày sinh:** 03/04/1988
4. **Nơi sinh:** Thừa Thiên Huế
5. **Nguyên quán:** Thừa Thiên Huế
6. **Đơn vị công tác:**



Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa khoa học Tự Nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ.....

Năm đạt học vị: 2013

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: Nơi công nhận:

Giáo sư Năm

☐

công nhận: Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa khoa học Tự Nhiên, trường ĐH Thủ Dầu Một	174/12 phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một
2	Điện thoại/ fax	06503844028	0935293698
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	nguyenthiloi.hoak30@gmail.

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh văn B1		X			X			X			X	

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
04/20013 đến nay	Bộ môn Hoá Phân Tích, Khoa Hóa, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2006-2010	Đại học Huế	Hóa phân tích	“Xác định chì trong mẫu trầm tích bằng phương pháp von ampe hòa tan”
Thạc sĩ	2011 - 2013	Thạc sĩ	Hóa phân tích	« Nghiên cứu xác định Chì bằng phương pháp von-ampe hòa tan hấp phụ với phối tử tạo phức 2 – mercaptobenzothiazole »

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên luận án tốt nghiệp
Chứng chỉ	10/2017	ĐH Thủ Dầu Một	Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học và cao đẳng

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

Lĩnh vực: Hóa học

Chuyên ngành: Hóa Phân Tích

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Nghiên cứu phát triển các phương pháp phân tích điện hóa, quan trắc và đánh giá chất lượng nước

III. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng quy trình phân tích và áp dụng để đánh giá dư lượng nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một	Đại học Thủ Dầu Một	2014	56,371	Tham gia	7/2016	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác đồng tác giả</i> <i>giã</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> (chỉ ghi mã số)
1						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i> (ghi rõ thuộc ISI hay không)	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> (chỉ ghi mã số)

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi Chú</i>
1	Lê Thị Huỳnh Như, Thủy Châu Tờ, Nguyễn Thị Lợi (2016), Xác định một số nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một, <i>Tạp chí đại học Thủ Dầu Một</i> , số 3, Tr. 8-13.	ISSN 1859-4433		
2	Nguyễn Thị Lợi, XÁC ĐỊNH CADIMI TRONG MẪU RẪN MÔI TRƯỜNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP VONAMPE HÒA TAN , <i>Tạp chí đại học Thủ Dầu Một</i> , số 2, Tr 43-49	ISSN 1859-4433		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Hải Phong, Nguyễn Thị Lợi, A study on the complex of Pb(II)- 2MBT by stripping voltammetry, The 3rdanalytica Vietnam Conference 2013 , ngày 17/04/2013, Phòng Hội nghị Tầng 2 Trung tâm Hội chợ - Triển lãm Sài Gòn			Đồng tác giả

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lợi, XÁC ĐỊNH CADIMI TRONG MẪU RẮN MÔI TRƯỜNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP VONAMPE HÒA TAN, <i>Hóa học vì sự phát bền vững lần thứ 1, tháng 5/2015</i>			
2	Nguyễn Thị Lợi, NGHIÊN CỨU PHỨC PB(II) – 2MBT BẰNG PHƯƠNG PHÁP VON-AMPE HÒA TAN, <i>Hóa học – nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, tháng 4/2014</i>			
	Nguyễn Thị Lợi, Lê Quốc Anh, Nguyễn Thị Kim Huyền Đặng Thị Thủy Dung, Lê Trúc Hòa, NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH TÍNH CHẾ VÀ BIẾN TÍNH BENTONITE BÌNH THUẬN ĐỂ TẠO VẬT LIỆU CÓ KHẢ NĂNG HẤP PHỤ THUỘC NHUỘM, <i>Hóa học vì sự phát bền vững lần thứ 2, tháng 5/2016</i>			

Nguyễn Thị Lợi, Bùi Thanh Nở, Lâm Thị Nhung, Phạm Thị Kiều Ngọc, Nguyễn Thị Trúc Mai PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HÀM LƯỢNG SẮT VÀ MANGAN TRONG NƯỚC NGẦM TẠI KHU VỰC TÂN UYÊN TỈNH BÌNH DƯƠNG, Hóa học vì sự phát bền vững lần thứ 3, tháng 5/2017			
Nguyễn Thị Lợi, Nguyễn Thị Kim Huyền, Phạm Thị Vân, Trương Hoài My, Phạm Hồng Ngọc, Lê Ngọc Thùy, NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH PHOSPHAT TRONG NƯỚC MẶT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TRẮC QUANG			
Nguyễn Thị Lợi, KHẢO SÁT HIỆU QUẢ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT TẠI XÍ NGHIỆP NƯỚC THẢI THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG. KỶ YẾU “Ngày Hội khoa học Cán bộ, Giảng viên trẻ và học viên Cao học lần 2 năm 2018” ngày 15/6/2018, ĐH Thủ Dầu Một.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

T T	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

T T	Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày... tháng... năm 20..

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Người khai

(Họ tên và chữ ký)

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Lợi

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: LÊ THỊ HUỲNH NHƯ
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 27/01/1985
4. Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa
5. Nguyên quán: Nha Trang, Khánh Hòa
6. Đơn vị công tác:

Bộ môn: Hóa học

Khoa: Khoa học Tự nhiên

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

Giáo sư ☐

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu: Giảng viên

10. Chức vụ:

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Khu phố 4, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0914.052.393
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	nhulth@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		✓			✓			✓		✓		

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/2011 – nay	Khoa Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	9/2003 – 6/2007	Đại học Khoa học Huế	Hóa hữu cơ	Tổng hợp và khảo sát hoạt tính của một số hệ xúc tác dị thể chứa sắt đối với phản ứng alkyl hóa theo Friedel – Crafts
Thạc sĩ	10/2008 – 12/2010	Đại học Huế	Hóa phân tích	Nghiên cứu phân tích dư lượng một số chất ô nhiễm hữu cơ bền vững trong sữa người bằng phương pháp sắc ký khí

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên luận án tốt nghiệp

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1. Lĩnh vực chuyên môn:**

Lĩnh vực: Hóa học phân tích

Chuyên ngành: Hóa phân tích

16.2. Hướng nghiên cứu:

– Phát triển phương pháp phân tích và đánh giá dư lượng các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo (OCPs) và polyclobiphenyl (PCBs) trong các đối tượng sinh hóa và môi trường (đất, trầm tích, nước, sinh vật và sữa người).

– Phát triển phương pháp phân tích và đánh giá hàm lượng các chất dinh dưỡng, chất độc trong đối tượng mẫu thực phẩm.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO**1. Đề tài/ dự án:**

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng quy trình phân tích và áp dụng để đánh giá dư lượng nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một	Đại học Thủ Dầu Một	2014	56,371	Chủ nhiệm	07/2016	Tốt
2	Nghiên cứu và thiết lập chỉ số chất lượng nước (WQI) cho sông Thị Tính phục vụ quản lý nguồn nước	Đại học Thủ Dầu Một	2014	88,864	Tham gia	12/2015	Tốt
3	Nghiên cứu xác định đồng thời một số ion vô cơ trong nước bằng phương pháp sắc ký ion	Đại học Khoa học Huế	2010	20	Tham gia	3/2011	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	<u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Thủy Châu Tờ, Nguyễn Thị Lợi (2016), Xác định hàm lượng nitrat, nitrit trong một số loại rau quả ở Thành phố Thủ Dầu Một, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 3, Tr. 8 – 13.	ISSN 1859-4433		
2	Thủy Châu Tờ, <u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Đánh giá sự ô nhiễm các chất dinh dưỡng trong nước sông Thị Tinh chảy qua địa bàn tỉnh Bình Dương, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , 25, tr. 12-16, 2015	ISSN 1859-4433		
3	Thủy Châu Tờ, <u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Nguyễn Văn Hợp, Hoàng Trọng Sĩ, Nghiên cứu xác định các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo và polyclo biphenyl trong sữa người bằng phương pháp sắc ký khí, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , 14, tr. 52-58, 2014.	ISSN 1859-4433		
4	Thủy Châu Tờ, <u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Đăng Giảng Châu, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Trọng Sĩ, Dư lượng các chất ô nhiễm hữu cơ bền vững trong sữa người ở thành phố Huế, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Huế (Chuyên san Khoa học Tự nhiên)</i> , 87(9), tr. 57-65, 2013.	ISSN 1859-1388		
5	Thủy Châu Tờ, Trần Thanh Luân, Nguyễn Đăng Giảng Châu, <u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Nguyễn Văn Hợp, Nghiên cứu-xác định đồng thời một số anion vô cơ hòa tan trong nước bằng phương pháp sắc ký ion, <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 15(3), tr. 261-266, 2010.	ISSN 0868-3224		
6	Hoang Trong Si, Nguyen Van Hop, Thuy Chau To, Nguyen Dang Giang Chau, <u>Le Thi Huynh Nhu</u> , Nguyen Thanh Gia, Organochlorine pesticides and polychlorinated biphenyls in human breast milk in the suburbs of Hue city, Vietnam: preliminary result, <i>Journal of Science, Medicine & Pharmacy Issue, Hue University</i> , 61, pp.393-401, 2010.	ISSN 1859-1388		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
----	--	--------------	----------------------------	---------

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	<u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Xác định hàm lượng formol trong một số loại cá biển đang lưu hành ở thành phố Thủ Dầu Một, Kỳ yếu ngày hội NCKH CB, GV, HVCH trẻ lần 2 - 2018, Đại học Thủ Dầu Một.			
2	<u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Xây dựng quy trình phân tích nitrat, nitrit trong thực phẩm chế biến bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử UV - Vis, Kỳ yếu ngày hội NCKH CB, GV, HVCH trẻ lần 1 - 2017, Đại học Thủ Dầu Một.			
3	<u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Xác định hàm the trong một số thực phẩm đang lưu hành ở Thành phố Thủ Dầu Một, Kỳ yếu ngày hội NCKH CB, GV, HVCH trẻ lần 1 - 2017, Đại học Thủ Dầu Một.			
4	<u>Lê Thị Huỳnh Như</u> , Nguyễn Văn Hân, Huỳnh Thế An, Lý Nguyễn Minh Châu, Trần Thị Thu Hiền, Nghiên cứu xác định hàm lượng nitrat và nitrit trong rau bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử UV - Vis, Hóa học vì sự phát triển bền vững lần thứ 1, 5/2015, Đại học Thủ Dầu Một.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án(chỉ ghi mã số)

--	--	--	--

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày tháng năm 20.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai



Jeun

ThS. Lê Thị Huỳnh Như

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Phước Minh Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 24/09/1981 Nơi sinh: Sóc Trăng
Quê quán: Sóc Trăng..... Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến Sĩ..... Năm, nước nhận học vị: 2012, Việt Nam
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ hiện tại:
Đơn vị công tác hiện tại:
Chỗ ở hiện nay (hoặc địa chỉ liên hệ): 789 Trần Hưng Đạo, Khóm 8, Phường 3, Tỉnh Sóc Trăng
.....
Điện thoại cơ quan: Điện thoại nhà riêng:
Điện thoại di động: 0947073637/ 0984048200..... E-mail: ts.nguyenphuocminh@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Không chính quy..... Thời gian từ:09/1999 đến 11/2004
Nơi đào tạo (trường, thành phố/tỉnh): ĐH Cần Thơ
Ngành học: Công Nghệ Thực Phẩm
Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 2004
Bằng đại học 2: Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học:

- Bằng Thạc sĩ chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm và đồ uống Năm cấp bằng: 2008
Nơi đào tạo: ĐH Bách Khoa - ĐH Quốc Gia Tp. HCM
- Bằng Tiến sĩ chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm và đồ uống Năm cấp bằng: 2012
Nơi đào tạo: ĐH Bách Khoa - ĐH Quốc Gia Tp. HCM
Tên chuyên đề luận án bậc cao nhất: Nghiên cứu định lượng erythromycin trong tôm, cá bằng kỹ thuật sóng vuông quét nhanh trên cực giọt chậm và khả năng đào thải.....

3. Ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ): 1. TOEIC 785

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
-----------	--------------	---------------------

12/2004-02/2006	Cty TNHH Kim Anh, Sóc Trăng	Nhân viên phòng Lab
06/2006-09/2009	Cty Cổ Phần Thủy Sản Stapimex	Phó phòng quản lý chất lượng
09/2009-07/2013	Global Food Technologies JSC (USA)	Giám đốc nhà máy
12/2013-07/2017	Trường Cao Đẳng Sóc Trăng	Trưởng khoa
09/2017-03/2020	Trường Đại học Đông Á	Trưởng khoa
03/2020 - nay	ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế đã công bố: (tên công trình, năm và nơi công bố)

- [2.1.] Minh, N. P., Lam, T. B. and Giao, N. T. Simultaneous determination of erythromycin A in giant prawn and tilapia in Mekong region by stripping square wave voltammetry. *International Food Research Journal* 2011; 18(1): 387-395. ISSN: 22317546. (ISI-SCIE)
- [2.2.] Nguyen Phuoc Minh, Nguyen Hong Nga. Application of ultrasound to oil extraction from Sacha inchi (*Plukenetia volubilis* L.) kernel cake. *Research on Crops* 2019; 20(1): 141-149. ISSN: 0972-3226. (Scopus, Q₃)
- [2.3.] Nguyen Phuoc Minh, Nguyen Hong Tham. Effect of blanching and drying on the physico-chemical and sensory characteristics of dried oyster mushroom (*Pleurotus* spp.). *Research on Crops* 2019; 20(1): 187-194. ISSN: 0972-3226. (Scopus, Q₃)
- [2.4.] Nguyen Phuoc Minh. Effectiveness of chilli powder incorporation to microbial loads, physicochemical and sensory characteristics of vietnamese fermented pork roll (nem chua). *Journal of Pure and Applied Microbiology* 2021; 15(1):390-395. ISSN: 0973-7510. (ISI-ESCI)
- [2.5.] Nguyen Phuoc Minh. Hyperbaric storage of butterfly pea flower (*Clitoria ternatea*) juice. *Bioscience Research* 2021; 18(1): 874-881. ISSN: 1811-9506. (ISI-ESCI)
- [2.6.] Nguyen Phuoc Minh. Physicochemical characteristics, viability of starters, total phenolics and antioxidant activities of functional yoghurt supplemented with extracts from

Hylocereus polyrhizus, *Hibiscus sabdariffa* and *Peristrophe bivalvis*. *Plant Science Today*
2021; 8(1): 149–154. ISSN: 2348-1900. (ISI-ESCI)



LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 08/11/1988

4. **Nơi sinh:** Thôn Tường An, Xã Mỹ Quang, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định

5. **Nguyên quán:** Bình Định

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Phòng thí nghiệm

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Viện Phát Triển ứng dụng

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2012

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Viện Phát triển ứng dụng-Trường Đại học Thủ Dầu Một	268/2c, KP.Thạnh Bình, P.An Thanh, TP.Thuận An, T.Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	(0274) 3822378	0974199399
3	Email	thaontb@tdmu.edu.vn	golfvn.ceo@gmail.com

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Pháp		X			X			X			X	
2	Tiếng Anh			X			X			X			X

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2012 đến 2019	Công ty TNHH SX TMDV Trọng Phúc	Trưởng bộ phận ISO
Từ 10/2020 đến nay	Viện Phát triển ứng Dụng Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chuyên viên PTN
.....		
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2008->2011	Đại Học Nha Trang	Kĩ sư chế biến thủy sản	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất thủy phân đầu cá ngừ bằng enzyme prortease.
Thạc sỹ	2011->2012	UNIVERSITE TOUR FRANCOIS RABELAIS	Sinh học, sức khỏe, chất lượng và môi trường trong thức ăn và sản xuất chăn nuôi	Thẩm định hệ thống nước tại nhà máy Virbac.
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng nhận	Từ ngày 11- >13/11/2020	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3	Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017
Chứng nhận	14/11/2010	Công ty TNHH Đào Tạo – Tư Vấn DU&LAW	Nhận thức về các hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm được áp dụng toàn cầu
Chứng chỉ	Năm 2010	Đại học Nha Trang liên kết tổ chức AUF (Hiệp hội đại học Pháp ngữ)	Tiếng Pháp DELF B1

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:
- Chuyên ngành:

16.2 Hướng nghiên cứu:

1.
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

2				
---	--	--	--	--

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

2						
---	--	--	--	--	--	--

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Bình Dương, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Bích Thảo

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH⁵

Tên ngành: Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm; Mã số: 7540106

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của Trường	Ghi chú
	1.1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Đạt	
	1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Đạt	
	1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Đạt	
	1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo	Đạt	
2	Đội ngũ giảng viên 2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo	Đạt	
	2.2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo	Đạt	
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	Đạt	
	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).	Đạt	

⁵ Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3	Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo	Đạt	
4	Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo	Đạt	
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)	Đạt	

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Điệp

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:
(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. NGÔ HỒNG DIỆP



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Danh sách Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo
trình độ đại học**

(Kèm theo Quyết định số 209/QĐ-ĐHTDM ngày 04 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chương trình đào tạo
1	ThS. Trần Văn Tài	Phó Giám đốc Chương trình	Trưởng nhóm	Công nghệ thông tin
2	TS. Nguyễn Xuân Dũng	Giảng viên	Thành viên	Công nghệ thông tin
3	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Giảng viên	Thành viên	Công nghệ thông tin
1	TS. Lê Thị Uyên Chi	Giám đốc Chương trình	Trưởng nhóm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
2	TS. Ngô Đại Hùng		Thành viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
3	TS. Nguyễn Thị Liên Thương		Thành viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
4	ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm		Thành viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
1	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Toán kinh tế
2	ThS. Huỳnh Ngọc Diễm	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
3	ThS. Bùi Thị Ngọc Hân	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
4	TS. Mai Quang Vinh	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
5	ThS. Dương Thanh Huyền	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
1	ThS. Đỗ Đức Thiêm	Phó Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
2	TS. Hồ Đức Chung	Giảng viên	Thành viên	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
3	TS. Giang Minh Đức	Giảng viên	Thành viên	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
1	TS. Nguyễn Văn Thuỷ	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Du lịch
2	ThS NCS Nguyễn Thanh Trang	Cố vấn chương trình	Thành viên	Du lịch
3	ThS. Phạm Thanh Sang	Giảng viên	Thành viên	Du lịch
4	ThS. Trần Thị Khánh Hòa	Thư ký chương trình	Thành viên	Du lịch

1	TS. Nguyễn Thị Liên Thương	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Công nghệ thực phẩm
2	TS. Ngô Đại Hùng	Giám đốc chương trình Hóa học	Thành viên	Công nghệ thực phẩm
3	ThS. Huỳnh Nguyễn Thảo Vy	Viện Phát triển ứng dụng	Thành viên	Công nghệ thực phẩm
4	ThS. Huỳnh Kim Ngân	Viện Phát triển ứng dụng	Thành viên	Công nghệ thực phẩm
5	ThS. Trần Thị Yến Nhi	Khoa Công nghệ thực phẩm	Thành viên	Công nghệ thực phẩm

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 231/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định
Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.



TS. NGÔ HỒNG DIỆP



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh sách Hội đồng thẩm định
Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo
(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-ĐHTDM ngày 15 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS Bùi Thanh Hùng	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Công nghệ thông tin
2	PGS.TS Võ Thị Lưu Phương		Phản biện 1	Công nghệ thông tin
3	TS Huỳnh Trọng Thưa		Phản biện 2	Công nghệ thông tin
4	ThS Huỳnh Anh Tuấn		Ủy viên	Công nghệ thông tin
5	ThS Nguyễn Đình Thọ		Thư ký	Công nghệ thông tin
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
2	TS. Lê Nguyễn Uyên Chi		Phản biện 1	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
3	PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp		Phản biện 2	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
4	TS. Võ Thanh Sang		Ủy viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
5	Phạm Thị Mỹ Trâm		Thư ký	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Du lịch
2	TS. Nguyễn Văn Thuý	Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 1	Du lịch
3	TS. Trần Cẩm Thi	Đại học Văn Lang	Phản biện 2	Du lịch
4	ThS.NCS. Đỗ Thu Thương	Đại học Văn Lang	Ủy viên	Du lịch
5	ThS. Phạm Thanh Sang	Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Du lịch
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Toán kinh tế
2	PGS. Nguyễn Huy Tuấn	Đại học Khoa học tự nhiên TP. HCM	Phản biện 1	Toán kinh tế
3	PGS. Lê Xuân Trường	Đại học Kinh tế TP. HCM	Phản biện 2	Toán kinh tế
4	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Đại học Thủ Dầu Một	Ủy viên	Toán kinh tế
5	Huỳnh Ngọc Diễm	Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Toán kinh tế

1	TS. Đoàn Xuân Toàn		Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
2	PGS.TS. Phan Văn Ca		Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM	Phản biện 1	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
3	TS. Trần Trung Duy		Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, Cơ sở TP HCM	Phản biện 2	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
4	ThS. Nguyễn Thanh Sớm		Viễn thông Bình Dương	Ủy viên	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
5	ThS. Văn Hoàng Phương		Trường Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
1	TS Hoàng Văn Chuyên		Đại học Tây Nguyên	Chủ tịch	Công nghệ thực phẩm
2	TS. Lê Nguyễn Uyên Chi		Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 1	Công nghệ thực phẩm
3	ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm		Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 2	Công nghệ thực phẩm
4	TS. Lê Thanh Thanh		Trường Đại học Thủ Dầu Một	Ủy viên	Công nghệ thực phẩm
5	ThS. Trần Ngọc Hùng		Trường Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Công nghệ thực phẩm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng khoa học đào tạo
thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo giúp Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một xem xét, góp ý Chương trình đào tạo trong hồ sơ mở ngành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. NGÔ HỒNG DIỆP



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh sách Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-ĐHTDM ngày 03 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS Ngô Hồng Điệp	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	ThS Lê Thị Kim Út	Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên	
3	ThS Huỳnh Công Danh	Trưởng phòng Tổ chức	Thành viên	
4	ThS Nguyễn Hữu Thuận	Trưởng phòng Cơ sở vật chất	Thành viên	
5	ThS Võ Thị Cẩm Vân	Giám đốc Trung tâm học liệu	Thành viên	
6	Và các ông bà Trưởng nhóm soạn thảo		Thành viên	Mời tham gia Hội đồng

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO



Phiếu khảo sát các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: ...*Thị trấn Thủ Đức*...
2. Địa chỉ: ...*Xã Thủ Đức, Huyện Thủ Đức, TP. Thủ Đức*...
3. Số điện thoại: ...*0909.999.666*...
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: ...*Sản xuất, kinh doanh*...

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020-2023 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024-2028 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành DBCLATTP	<i>2</i>	<i>1</i>
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành DBCLATTP	<i>4-6</i>	<i>8-10</i>

Ngày *26* tháng *5* năm *2020*

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

(Chữ ký)



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG HÙNG MẠNH
- Địa chỉ: TĐS 151, TĐĐ SỐ 50, Tổ 3, Ấp Bưng Riềng, Xã Vĩnh Hoà, Phú Giáo, Bình Dương
- Số điện thoại: 0983.682.477
- Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Sản xuất tinh bột mì.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020–2023 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024–2028 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành ĐBCLATTP	5	6
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành ĐBCLATTP	8	10

Ngày 25 tháng 5 năm 2020

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



Bùi Văn Mạnh

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ ngành **CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, khối 11 p. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột
3. Số điện thoại : 0262.877.455 Email
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Sản xuất bia Sài Gòn, sữa bắp, sữa gạo lứt, rượu, nước uống đóng chai.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	02
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ thực phẩm	-	-

Buôn Ma Thuột, ngày 09 tháng 04 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



TUỶ TÔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Dặng Ngọc Đức

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: ...*Doanh nghiệp tư nhân Quang Tường Xuân*.....
2. Địa chỉ:*Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương*.....
3. Số điện thoại:
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị:

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giới đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giới đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01

Ngày 05 tháng 04 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



Nguyễn Thị Thu Thủy

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thực phẩm Thủ Dầu Một
2. Địa chỉ: Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
3. Số điện thoại:
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Nhà phân phối sữa, nước giải khát

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giới đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giới đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	02	02

Ngày 7 tháng 07 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



Nguyễn Văn Quang

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Men Sinh Học Ên Vàng.
2. Địa chỉ: 11-13 đường DB7B, Khu phố 1, Phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
3. Số điện thoại: 0274.366.9599
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Men sinh học sử dụng cho lên men rượu.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01

Ngày 05 tháng 07 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT


Nguyễn Văn Đạt



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Công Ty TNHH Thực phẩm Anh Kiệt.....
2. Địa chỉ: 38 Nguyễn An Ninh, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, B.D.....
3. Số điện thoại:
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị:

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2021-2024 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	1	1
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	1	1

Ngày 05 tháng 08 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM
ANH KIẾT
Số 38 Nguyễn An Ninh, Phường Phú Cường
TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Bình Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2020

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Mã ngành: 7540106

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h, ngày 21 tháng 02 năm 2020
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- Theo Quyết định số 231/QĐ - ĐHTDM ngày 15/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Chương trình đào tạo trình độ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn Thực phẩm (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2) Thông qua nội dung và ý kiến

ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm - thư ký Hội đồng - báo cáo tóm tắt về Chương trình.

Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng thẩm định tiến hành thảo luận, xem xét các yêu cầu theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22) và nhận thấy Chương trình đều đáp ứng đầy đủ theo TT22.

100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

TS. Ngô Hồng Điệp

ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm